|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN CẦU NGANG**  Số: /BC-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Cầu Ngang, ngày tháng năm 2022* |

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2022

của huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cầu Ngang đến năm 2022 trong bối cảnh chung có mặt thuận lợi nhưng cũng gặp một số hạn chế như: Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nắng hạn, xâm nhập mặn kéo dài, phát sinh một số dịch bệnh mới trên vật nuôi như dịch tả heo Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục trên bò; đặc biệt là đợt dịch Covid-19 lần thứ 4 đã làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội,… nhưng với tinh thần đoàn kết, nỗ lực, quyết tâm cao, Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân toàn huyện đã phấn đấu vượt qua khó khăn, thách thức, tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện đồng bộ, quyết liệt, đến nay đã đạt được những thành quả quan trọng. Kinh tế - xã hội của huyện đã có bước phát triển khá; kết cấu hạ tầng được đầu tư theo hướng đồng bộ, thiết thực, theo chuẩn nông thôn mới; diện mạo nông thôn có nhiều đổi mới, khởi sắc; đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được nâng cao; hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn, ngày càng vững mạnh; dân chủ cơ sở được phát huy; an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững, đây là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện tiếp tục phát triển trong những năm tiếp theo.

**I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CHUNG**

**1. Tổng quan về điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội của huyện**

***a. Điều kiện tự nhiên***

Cầu Ngang là huyện đồng bằng ven biển thuộc tỉnh Trà Vinh, nằm vùng hạ lưu cửa Cung Hầu (nhánh sông Tiền của sông Cửu Long). Huyện có 13 xã (*90 ấp*), 02 thị trấn (*07 khóm*), có tổng cộng 35.756 hộ với 122.238 nhân khẩu (*trong đó: thành thị có 3.077 hộ với 10.288 nhân khẩu, nông thôn có 32.679 hộ với 111.950 nhân khẩu*), tỷ lệ hộ dân tộc Khmer chiếm 37,66% tổng số hộ trên địa bàn huyện; trung tâm hành chính huyện đặt tại thị trấn Cầu Ngang, nằm cách trung tâm hành chính tỉnh Trà Vinh khoảng 23 km theo Quốc lộ 53 về phía Tây Bắc. Phía Đông: giáp huyện Châu Thành và tỉnh Bến Tre; phía Tây: giáp huyện Châu Thành và huyện Trà Cú; phía Nam: giáp huyện Trà Cú và huyện Duyên Hải, thị xã Duyên Hải; phía Bắc: giáp huyện Châu Thành.

Tổng diện tích tự nhiên 32.831,1ha, chiếm 9,64% tổng diện tích toàn tỉnh, trong đó: đất nông nghiệp 26.672,94ha, đất phi nông nghiệp 6.152,87ha. Là huyện vùng đồng bằng, có khí hậu cận nhiệt đới gió mùa với hai mùa mưa nắng rõ rệt; địa hình chia cắt với hệ thống sông ngòi chằng chịt, có tính chất vừa phục vụ sản xuất, giao thông, vừa phát triển nuôi trồng thủy sản. Huyện Do có vị trí địa lý nằm tiếp giáp Biển Đông qua cửa Cung Hầu, có sông Cổ Chiên và Quốc lộ 53 đi qua là điều kiện thuận lợi để Cầu Ngang giao thương với các huyện khác trong và ngoài tỉnh, thu hút nguồn đầu tư, đẩy nhanh phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

***b. Kinh tế - xã hội***

**\* *Nông - lâm - ngư nghiệp và kinh tế nông thôn***

Nông nghiệp đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế của huyện, vì vậy phát triển nông nghiệp luôn được quan tâm đầu tư, ưu tiên bố trí nguồn lực để cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo hướng tập trung phát triển bền vững, đảm bảo an ninh lương thực; phát triển, mở rộng, nâng cao chất lượng, giá trị các sản phẩm chủ lực của huyện gắn với xây dựng nông thôn mới.

Căn cứ vào điều kiện tự nhiên, tiềm năng, lợi thế đặc thù vùng; huyện bố trí 5 tiểu vùng sản xuất và được phân bổ cụ thể như sau:

*Tiểu vùng I:* Nằm phía Tây huyện[[1]](#footnote-1), có diện tích đất nông nghiệp khoảng 10.000 ha, trong đó đất trồng lúa 7.500 ha, được giới hạn bởi hương lộ 17, từ Kim Hòa đến ngã ba Tri Liêm theo hương lộ 18 đến QL 53, từ QL 53 đến ngã ba Long Sơn theo hương lộ 21 chạy tới cống Tân Lập, dọc theo tuyến đê Tân Lập, Lạc Hòa, theo con giồng Mỹ Quý đến cống Thâu Râu, hướng bố trí sản 2 - 3 vụ lúa, 2 vụ lúa luân canh màu.

*Tiểu vùng II:* Thuộc khu vực Chà Và - Thâu Râu[[2]](#footnote-2) có diện tích đất sản xuất 8.000 ha, cao trình vùng này tương đối thấp, lượng phèn tiềm tàng còn lớn, nằm giữa huyện được giới hạn bởi vùng I và vùng III. Hướng bố trí chủ yếu: Đối với khu vực Chà Và bố trí một vụ lúa chất lượng cao (lúa hữu cơ ) kết hợp nuôi tôm sú, tôm càng xanh, cá nước ngọt, nuôi nhữ tự nhiên; đối với khu vực Thâu Râu bố trí nuôi tôm sú, tôm thẻ ở những nơi có điều kiện nguồn nước tốt.

*Tiểu vùng III:* Nằm phía Đông huyện[[3]](#footnote-3) có diện tích đất sản xuất 4.000 ha, được giới hạn bởi bờ kênh Vĩnh Bình - Mỹ Cẩm, từ công Vĩnh Bình chạy dài đến đường đal ấp Thôn Rôn đến QL 53, theo QL53 đến ngã ba Mã Đỏ từ đó theo giồng cát đến đến cống Đồng Tây. Hướng bố trí sản xuất: 01 vụ lúa kết hợp với nuôi trồng thủy sản; 02 vụ lúa luân canh cây màu (02 màu 01 lúa).

*Tiểu vùng IV:* Nằm ngoài đê ngăn mặn Chà Và - Thâu Râu[[4]](#footnote-4) có diện tích đất sản xuất 1.000 ha, nuôi chuyên canh thủy sản.

*Tiểu Vùng V:* Thuộc khu vực Cồn Nạn xã Mỹ Long Nam, có diện tích 700 ha, nuôi các loại nhuyển thể như nghêu, sò huyết. . .

Tương ứng với mỗi tiểu vùng sản xuất, huyện xác định cây trồng, vật nuôi và thủy sản chủ lực để tập trung các giải pháp chỉ đạo phát triển phù hợp. Bên cạnh đó, tập trung triển khai thực hiện có hiệu quả đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp theo đúng định hướng và phù hợp với điều kiện thực tế; nhờ đó giá trị sản xuất ngành nông nghiệp đã có những bước phát triển vượt bậc.

Diện tích trồng lúa do chuyển đổi những nơi kém hiệu quả sang trồng màu và nuôi thủy sản nên diện tích có thu hẹp so với năm 2010, nhưng nhờ ứng dụng tốt khoa học kỹ thuật nên sản lượng lúa tăng vượt bậc; lúa chất lượng cao và lúa hữu cơ được mở rộng diện tích; ước năm 2022 sản lượng lúa đạt trên 170 ngàn tấn, tăng 28 ngàn tấn so cuối năm 2010; chất lượng lúa gạo cũng được cải thiện đáng kể, đáp ứng điều kiện xuất khẩu và nhu cầu tiêu dùng ngày càng cao của người dân. Sản xuất màu phát triển cả về diện tích lẫn năng suất, ước tổng diện tích trồng màu năm 2022 đạt khoảng 18.500 ha, tăng 78,4% diện tích so năm 2010.

Chăn nuôi phát triển ổn định, tuy có gặp khó khăn do ảnh hưởng đợt dịch tả lợn Châu Phi nhưng với sự quyết liệt trong công tác triển khai phòng, chống, dập dịch nên đã kiểm soát, ngăn chặn được dịch bệnh lây lan, nhờ đó chăn nuôi tiếp tục tăng, nhất là đàn bò phát triển mạnh cả về số lượng và chất lượng, trong đó bò lai hướng ngoại chiếm khoảng 90 - 95% tổng đàn; ước năm 2022 đàn bò ước khoảng 56 ngàn con, đàn heo 90 ngàn con và đàn gia cầm 1,5 triệu con (so năm 2010: đàn bò tăng khoảng 55 ngàn con, đàn heo tăng 6 ngàn con, đàn gia cầm ổn định) .

Công tác trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng phòng hộ trên bãi bồi ven biển được chú trọng, vận động Nhân dân trồng cây phân tán các loại và thực hiện tốt việc chăm sóc rừng phòng hộ. Diện tích rừng hiện có 1.276,01 ha, tỷ lệ che phủ rừng đạt 87,27% diện tích quy hoạch và chiếm 3,88% so tổng diện tích tự nhiên.

Thủy sản tiếp tục được xem là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện và có sự tăng trưởng mạnh qua các năm, nhất là lĩnh vực nuôi trồng nhờ thực hiện giải pháp khai thác có hiệu quả vùng đất hoang hóa, phèn mặn để nuôi trồng thủy sản, nhất là nuôi tôm sú và tôm thẻ chân trắng đã mang lại hiệu quả kinh tế cao. Năm 2021, sản lượng thủy sản đạt 68.170 tấn, ước năm 2022 đạt 68.405 tấn, tăng trên 24 ngàn tấn so năm 2010. Lĩnh vực khai thác, đánh bắt thủy - hải sản có bước chuyển biến theo hướng tăng năng lực khai thác xa bờ, phát triển đội tàu khai thác có công suất trên 90CV để thay thế tàu có công suất nhỏ, khai thác nội đồng giảm do một phần diện tích mặt nước đã chuyển sang nuôi tôm chuyên canh nhưng sản lượng tương đối ổn định.

Các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp được triển khai thực hiện kịp thời, đầy đủ, nhiều chính sách đã có tác động thúc đẩy phát triển sản xuất mang lại hiệu quả cao, như chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã, ứng dụng khoa học kỹ thuật, cơ giới hóa... Các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp hiện có đảm bảo phục vụ đa mục tiêu, được duy tu, nạo vét, chống xuống cấp, khơi thông dòng chảy đáp ứng yêu cầu sản xuất, lưu thông, sinh hoạt. Công tác tư vấn, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật sản xuất và xây dựng các mô hình trình diễn góp phần định hướng, hỗ trợ nông dân chuyển đổi, nâng cao chất lượng, năng suất hàng hóa nông sản đáp ứng yêu cầu sản xuất đa dạng, sát yêu cầu; tay nghề của người dân liên tục được nâng lên.

***\* Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp***

Song song với phát triển kinh tế nông nghiệp thì phát triển công nghiệp được xác định là bước đột phá để phát triển kinh tế nhanh và bền vững, từ đó công tác kêu gọi đầu tư được quan tâm triển khai. Huyện hiện có 4.351 doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh với 9.559 lao động làm việc; sản phẩm ngành công nghiệp chủ yếu của huyện như: chế biến thủy sản, sản xuất nước đá, cơ khí, may mặc, chế biến hạt điều, xay xát lương thực. Giá trị công nghiệp tăng bình quân hàng năm khoảng 17,57%. Năm 2021 mặc dù chịu ảnh hưởng khá nặng nề do dịch bệnh Covid-19 nhưng ngành công nghiệp huyện vẫn tăng 7,23%; dự kiến năm 2022 ngành công nghiệp đạt mức tăng trưởng khoảng 23,5% do các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất đã phục hồi hoàn toàn hoạt động và Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây với quy mô 39,72 ha đã đầu tư hoàn thành. Làng nghề *“Khai thác đánh bắt, sơ chế, chế biến thủy sản thị trấn Mỹ Long”* và làng nghề *“Bánh tét Trà Cuôn”* tiếp tục phát triển quy mô hoạt động, mở rộng thị trường giao thương. Một số mặt hàng chủ lực của huyện được công nhận sản phẩm OCOP[[5]](#footnote-5), được thường xuyên trưng bày, quảng bá, giới thiệu mở rộng thị trường tiêu thụ.

***\* Thương mại - dịch vụ***

Mạng lưới kinh doanh thương mại phát triển nhanh, đa dạng về ngành nghề bao gồm cả thương nghiệp, ăn uống, dịch vụ. Đặc biệt, những năm gần đây, kết cấu hạ tầng thương mại được chú trọng đầu tư và có bước phát triển rõ nét, tạo điều kiện thuận lợi cho việc giao thương hàng hóa, góp phần kích cầu sản xuất và tiêu dùng. Hệ thống chợ được đầu tư nâng cấp, cải tạo hoàn chỉnh và đưa vào hoạt động ổn định với 21 chợ dân sinh hiện có, trong đó có 01 chợ hạng II, 20 chợ hạng III. Đa số các chợ trên địa bàn huyện đều phù hợp với quy hoạch, được đầu tư xây dựng tại các vị trí thuận lợi để phát triển và phục vụ tốt nhất nhu cầu mua bán của nhân dân. Hệ thống kênh mua bán hiện đại cũng dần được hình thành và ngày càng phát triển, góp phần thúc đẩy giao thương hàng hóa trên toàn huyện. Triển khai thực hiện chính sách ưu đãi, cơ chế khuyến khích, hỗ trợ các thành phần kinh tế; đẩy mạnh công tác cải cách thủ tục hành chính, tăng cường xúc tiến thương mại, ứng dụng thương mại điện tử tạo điều kiện thuận lợi cho các cá nhân và tổ chức tham gia đầu tư, phát triển kinh tế xã hội. Bên cạnh đó, các dịch vụ vận tải, bưu chính viễn thông, tín dụng,.... cũng phát triển mạnh mẽ; các hoạt động lễ hội nhất là lễ hội Cúng biển diễn ra tại thị trấn Mỹ Long hàng năm đã thu hút hàng ngàn lượt khách đến tham quan, du lịch, góp phần tăng giá trị dịch vụ trên địa bàn huyện.

Năm 2021, tuy tốc độ tăng trưởng thương mại - dịch vụ chậm lại do ảnh hưởng đại dịch Covid - 19 (chỉ tăng 9,84%); dự kiến năm 2022, tốc độ tăng khoảng 24,5%; góp phần vào sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế của huyện theo đúng hướng tăng dần về tỷ trọng công nghiệp - thương mại, giảm dần tỷ trọng nông nghiệp; thúc đẩy một số ngành sản xuất phát triển.

***\* Tài chính - tín dụng***

Kế hoạch tài chính hàng năm, 5 năm được xây dựng chặt chẽ, có sự gắn kết giữa kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước; công tác quản lý và điều hành ngân sách đi vào nền nếp. Tổng thu ngân sách Nhà nước hàng năm đạt chỉ tiêu pháp lệnh, bình quân hàng năm tăng 2,24%, trong đó thu trong chỉ tiêu dự toán tăng 8,01%. Trong chi ngân sách, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, thất thoát; hạn chế chi ngoài dự toán, tăng chi đầu tư phát triển, chi sự nghiệp giáo dục đào tạo, y tế và đảm bảo đáp ứng được các nhiệm vụ và kế hoạch đề ra.

***\* Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng***

Nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngày càng tăng và đa dạng, có sự lồng ghép, huy động và sử dụng hiệu quả nguồn ngân sách Trung ương, tỉnh hỗ trợ và nguồn xã hội hóa, hệ thống kết cấu hạ tầng tiếp tục được đầu tư phát triển tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội.

Hạ tầng giao thông được nâng cấp, mở rộng. Hệ thống thủy lợi, nước sạch đảm bảo nguồn nước phục vụ cho sản xuất lúa, nuôi thủy sản và phục vụ tốt nhu cầu sử dụng nước sạch của nhân dân trên địa bàn huyện. Hạ tầng lưới điện được cải tạo, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu sử dụng điện của nhân dân và nâng cao tỷ lệ sử dụng điện thường xuyên, an toàn. Cơ sở vật chất các trường học được xây dựng, nâng cấp khang trang, không còn phòng học tạm; trang thiết bị giáo dục được đầu tư đáp ứng yêu cầu học tập trong tình hình mới. Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin ngày càng hiện đại đáp ứng yêu cầu triển khai chính quyền điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến; mạng lưới bưu chính, hạ tầng viễn thông được đầu tư ngày càng đồng bộ, hiện đại, bảo đảm phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở địa phương. Cơ sở hạ tầng thương mại ngày càng phát triển, đóng vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, kết nối sản xuất và tiêu dùng, có tác động tích cực tới quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Hạ tầng văn hóa, thể thao được đầu tư, nâng cấp, hỗ trợ tích cực trong xây dựng hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu, kịp thời đáp ứng các hoạt động thông tin, tuyên truyền phục vụ nhiệm vụ chính trị địa phương. Cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế được đầu tư, nâng cấp đáp ứng yêu cầu khám, chữa bệnh cho nhân dân trên địa bàn và các khu vực lân cận. Hạ tầng đô thị được đầu tư nâng cấp đồng bộ và đấu nối với trục giao thông chính, các công trình công cộng trên địa bàn 02 thị trấn được đầu tư, đảm bảo nhu cầu sinh hoạt, vui chơi giải trí của người dân, tạo sự khởi sắc bộ mặt đô thị.

***\* Phát triển các loại hình doanh nghiệp, kinh tế hợp tác và hợp tác xã***

Triển khai đồng bộ các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tăng cường công tác tuyên truyền, vận động, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp; thường xuyên tổ chức gặp gỡ, trao đổi, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; triển khai thực hiện các giải pháp thúc đẩy kinh tế tư nhân phát triển. Toàn huyện hiện có 3.543 hộ đăng ký kinh doanh, 195 doanh nghiệp với tổng vốn kinh doanh trên 407 tỷ đồng. Quan tâm chỉ đạo, tổ chức lại sản xuất; củng cố, sắp xếp và nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ hợp tác (THT) và hợp tác xã (HTX), đồng thời thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ về tài chính cho các HTX; toàn huyện hiện có 26 HTX[[6]](#footnote-6), 03 Quỹ tín dụng Nhân dân và 159 tổ hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp với 2.771 thành viên tham gia[[7]](#footnote-7). Các HTX, THT đã tập hợp, quy tụ được các hộ sản xuất, kinh doanh nhỏ lẻ cùng liên kết, hợp tác để cùng có lợi. Nhiều HTX Nông nghiệp tổ chức sản xuất gắn với chuỗi giá trị, áp dụng công nghệ cao, tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm đã góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, làm thay đổi tư duy, nhận thức của người dân đối với việc tham gia HTX, THT, góp phần thúc đẩy quá trình xây dựng nông thôn mới.

***\* Giáo dục và Đào tạo***

Chất lượng giáo dục ngày càng nâng cao, phát triển theo hướng đổi mới nội dung, phương pháp dạy học, thi, kiểm tra và đánh giá chất lượng giáo dục toàn diện. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ có sự chuyển biến tích cực; tỷ lệ huy động học sinh các cấp đạt chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn và trên chuẩn đảm bảo đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Hiện có 100% giáo viên mầm non và giáo viên phổ thông đạt chuẩn đào tạo. Các chính sách, chế độ đãi ngộ đối với đội ngũ nhà giáo được triển khai thực hiện kịp thời, đúng quy định. Toàn huyện hiện có 58 trường công lập[[8]](#footnote-8), 01 nhóm trẻ tư thục và 01 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên.

***\* Y tế, dân số Kế hoạch hóa gia đình***

Công tác bảo vệ, [chăm sóc sức khỏe](http://laodongthudo.vn/chu-trong-nang-cao-cong-tac-cham-soc-suc-khoe-nhan-dan-72427.html) Nhân dân từng bước được nâng lên, hệ thống tổ chức mạng lưới y tế không ngừng được củng cố, kiện toàn; công tác khám, chữa bệnh ngày càng được cải thiện về chất lượng khám và điều trị cũng như thái độ ứng xử đối với bệnh nhân[[9]](#footnote-9). Công tác tiêm chủng mở rộng, chăm sóc sức khỏe sinh sản - kế hoạch hóa gia đình được triển khai thực hiện hiệu quả. Công tác phòng, chống các loại bệnh dịch nguy hiểm được tăng cường, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 đã được kiểm soát tốt. Mạng lưới y tế cơ sở tiếp tục được củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động. Năm 2021, tỷ lệ xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã 100%; trạm y tế có bác sỹ làm việc đạt 100%; số giường bệnh/vạn dân đạt 21,42 giường; tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi 0,5%o, dưới 5 tuổi 0,09%o; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng chiếm 6,17% (giảm 8,33% so năm 2010).

***\* Văn hóa, thể thao và du lịch***

Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” được tập trung chỉ đạo, hỗ trợ tích cực trong công tác xây dựng nông thôn mới và xây dựng đô thị văn minh. Các hoạt động văn hóa, thông tin, thể dục thể thao tập trung phục vụ nhiệm vụ chính trị của địa phương, hướng vào kỷ niệm các ngày lễ lớn, lễ hội dân tộc và các sự kiện quan trọng của quê hương, đất nước, đáp ứng nhu cầu nắm bắt thông tin và hưởng thụ văn hóa của nhân dân. Phong trào thể dục thể thao quần chúng phát triển mạnh, số người tham gia luyện tập thể dục thể thao thường xuyên đạt trên 30% dân số, gia đình luyện tập thể thao thường xuyên chiếm trên 20% số hộ gia đình toàn huyện. Công tác duy tu, tôn tạo các di tích được quan tâm[[10]](#footnote-10). Cùng với xu thế phát triển, công tác quản lý nhà nước về hoạt động văn hóa, dịch vụ văn hóa, thông tin và truyền thông cũng được tăng cường, góp phần ngăn chặn các tệ nạn xã hội và xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh ở địa phương.

***\* Chính sách xã hội***

Nguồn lực đầu tư phát triển các lĩnh vực xã hội ngày càng được quan tâm đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực xã hội khác. Chính sách xã hội đạt được nhiều thành tựu quan trọng, nhất là giảm nghèo, tạo việc làm, ưu đãi người có công, giáo dục và đào tạo, y tế, trợ giúp người có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, công tác gia đình và bình đẳng giới. Ðời sống vật chất và tinh thần của người có công, người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số được cải thiện, góp phần củng cố lòng tin của nhân dân và ổn định chính trị - xã hội.

Công tác đào tạo nghề, dạy nghề cho lao động nông thôn gắn với giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động được tập trung chỉ đạo, tạo điều kiện giải quyết việc làm bình quân hàng năm khoảng 2.900 lao động làm việc trong, ngoài tỉnh và khoảng 80 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài. Công tác giảm nghèo được tập trung quyết liệt, hỗ trợ, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân vươn lên thoát nghèo, từng bước ổn định cuộc sống. Mục tiêu cuối năm 2022 huyện giảm tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 4%.

Triển khai thực hiện tốt các chính sách ưu đãi đối với người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội, chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, các chính sách về dân tộc, tôn giáo.... Thực hiện đồng bộ các giải pháp để tăng tỷ lệ lao động trong độ tuổi lao động tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; nâng cao hiệu quả việc sử dụng thẻ bảo hiểm y tế trong khám, chữa bệnh, đặc biệt là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, hộ cận nghèo, bảo trợ xã hội. Tăng cường công tác chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em cùng với tuyên truyền phòng, chống nạn bạo hành trẻ em; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về quyền bình giới, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nữ và bình đẳng cân bằng tỷ lệ giáo dục, đào tạo giữa nam và nữ.

***\* Tình hình thực hiện xây dựng nông thôn mới***

Triển khai thực hiện Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới; Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành bộ tiêu chí quốc gia về nông thôn mới; Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/ 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí Quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020.

Thực hiện văn bản số 238-TB/TW ngày 07/4/2009 Thông báo kết luận của Ban Bí thư Trung ương về Đề án “Chương trình xây dựng thí điểm mô hình nông thôn mới trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa”, huyện Cầu Ngang có 01 xã (Mỹ Long Nam) được Trung ương chọn thực hiện thí điểm mô hình nông thôn mới giai đoạn 2009 - 2011, đó là tiền đề cơ bản, quan trọng để huyện thực hiện CT MTQG XD NTM.

Vào năm 2010, huyện có 01 xã bãi ngang, 08 xã khu vục III thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số thuộc, xuất phát điểm các tiêu chí nông thôn mới ở các xã trên địa bàn huyện đạt thấp, chỉ có 01/13 xã đạt trên 10 tiêu chí (xã Mỹ Long Nam đạt 11 tiêu chí), có đến 06 xã đạt dưới 5 tiêu chí, các nhóm tiêu chí về Quy hoạch, Hạ tầng kinh tế - xã hội, Kinh tế và tổ chức sản xuất có rất ít xã đạt. Sau gần 12 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện có 100% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

**2. Thuận lợi**

Cầu Ngang từ một huyện có nền kinh tế lạc hậu, điểm xuất phát thấp, nhưng với sự nỗ lực của cả hệ thống chính trị và sự đồng lòng, góp sức của nhân dân, tình hình kinh tế - xã hội của huyện đã có những chuyển biến tích cực; đặc biệt từ năm 2010 đến nay, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức như thiên tai, dịch bệnh, ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đặc biệt là dịch bệnh Covid-19 đã ảnh hưởng rất lớn đến đời sống kinh tế và tất cả các lĩnh vực xã hội khác, nhưng với sự quyết tâm của Đảng, Chính quyền và Nhân dân, dịch bệnh đã được kiểm soát, đẩy lùi; tình hình kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện đã có sự chuyển biến khởi sắc trên tất cả các lĩnh vực:

Về kinh tế, giá trị sản xuất hàng năm tăng bình quân 12%, trong đó lĩnh vực nông nghiệp đóng vai trò chủ lực với mức tăng ổn định; lĩnh vực công nghiệp - xây dựng có bước phát triển tích cực, giá trị dịch vụ tăng khá; tình hình tài chính - ngân sách ổn định, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, cân đối với nguồn thu. Các nguồn vốn xây dựng nông thôn mới được giải ngân kịp thời, đúng tiến độ phục vụ tốt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Lĩnh vực văn hóa, xã hội có sự chỉ đạo đổi mới, sáng tạo, chất lượng giáo dục từng bước được nâng lên; công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, kiểm soát dịch bệnh được thực hiện hiệu quả; an sinh - xã hội đảm bảo, công tác giải quyết việc làm được tăng cường; các chính sách ưu đãi người có công, đồng bào dân tộc được thực hiện kịp thời; hoạt động thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh.

Vệ sinh cảnh quan môi trường được cải thiện; công tác quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản được tăng cường.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ổn định; hệ thống chính trị được củng cố, kiện toàn; quốc phòng, an ninh được giữ vững; công tác xây dựng chính quyền, cải cách thủ tục hành chính từng bước nâng cao chất lượng; giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo, phòng chống tham nhũng được tăng cường.

**3. Khó khăn**

Kinh tế của huyện duy trì được tốc độ tăng trưởng khá nhưng giá trị sản xuất tăng chưa ổn định qua các năm, nhất là năm 2021 do ảnh hưởng dịch bệnh Covid-19 nên tốc độ tăng thấp hơn những năm trước; cơ cấu kinh tế tuy có chuyển dịch nhưng còn chậm, phát triển kinh tế chủ yếu còn dựa vào sản xuất nông - ngư nghiệp là chính. Sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp còn ở quy mô nhỏ, chiếm tỷ trọng thấp trong cơ cấu kinh tế chung của huyện. Lĩnh vực thương mại - dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng; việc phát triển du lịch còn gặp nhiều khó khăn. Chất lượng, hiệu quả hoạt động của một số hợp tác xã còn hạn chế. Nguồn vốn đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Tiến độ thi công một số công trình phục vụ sản xuất, giao thông nông thôn và xây dựng đô thị văn minh còn chậm. Nguồn vốn đầu tư xây dựng nông thôn mới vẫn còn mặt hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội: Cơ sở vật chất tại một số trường học vẫn còn mặt hạn chế; chất lượng giáo dục tuy có được nâng lên nhưng chưa đồng đều. Công tác đào tạo nghề chưa đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng lao động. Chất lượng công tác xây dựng đời sống văn hóa, nông thôn mới, đô thị văn minh có mặt còn chậm. Phong trào văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển chưa đều, nhất là những năm gần đây hạn chế tổ chức để phòng, chống dịch bệnh làm ảnh hưởng đến việc phát triển phong trào. Công tác y tế tuy chất lượng được nâng lên nhưng việc đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị y tế, nhất là tuyến cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu chăm sóc sức khỏe cho nhân dân. Công tác giảm nghèo chưa thật sự bền vững, việc đầu tư vốn cho hộ nghèo phát triển sản xuất một số nơi chưa phát huy được hiệu quả.

Công tác quản lý nhà nước về đất công và đất tại một số cơ quan, đơn vị nhà nước còn để xảy ra lấn, chiếm; việc quản lý tài nguyên khoáng sản tuy có chuyển biến tốt nhưng tình hình khai thác trái phép vẫn còn diễn ra. Công tác bảo vệ môi trường còn có mặt hạn chế, cảnh quan môi trường một số nơi chưa đảm bảo.

Tình hình an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tuy ổn định nhưng có lúc, có nơi còn diễn biến phức tạp; một số tệ nạn xã hội, nhất là ma túy, tín dụng đen, đánh bạc trái phép diễn biến phức tạp.

**II. CĂN CỨ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

**1. Văn bản của Trung ương** *(Kèm theo Phụ lục I.)*

**2. Văn bản của tỉnh Trà Vinh** *(Kèm theo Phụ lục II).*

**3. Văn bản của huyện Cầu Ngang** *(Kèm theo Phụ lục III).*

**III. KẾT QUẢ CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

1. **Công tác chỉ đạo, điều hành**

Quán triệt sâu sắc ý nghĩa, tầm quan trọng của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, Huyện ủy, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Nhân dân huyện đã triển khai đồng bộ các nhiệm vụ và giải pháp thực hiện Chương trình; tập trung quyết liệt đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến các văn bản chỉ đạo của trung ương, tỉnh về Chương trình cho toàn thể cán bộ, đảng viên và Nhân dân. Huyện ủy ban hành Nghị quyết chuyên đề về Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới để tập trung lãnh, chỉ đạo việc thực hiện; UBND huyện xây dựng Đề án xây dựng nông thôn mới cấp huyện, hàng năm có xây dựng kế hoạch, lộ trình và có giải pháp cụ thể trong triển khai thực hiện. Tập trung chỉ đạo cơ quan chuyên môn kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các xã rà soát, đánh giá hiện trạng theo Bộ tiêu chí Quốc gia về xây dựng nông thôn mới để chỉ đạo các xã xây dựng quy hoạch và đề án nông thôn mới theo qui định, làm căn cứ triển khai thực hiện. Huyện ủy, UBND huyện đã chỉ đạo cụ thể hóa nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới vào kế hoạch công tác hàng tháng, quý, 6 tháng, năm của cấp ủy, chính quyền cấp xã và lồng ghép vào kế hoạch hoạt động của các phòng, ban, ngành, đoàn thể huyện để triển khai thực hiện; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đoàn thể theo chức năng, nhiệm vụ được phân công có sự phối hợp, hỗ trợ các xã trong công tác xây dựng nông thôn mới. Trong quá trình thực hiện, Huyện ủy, UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện, các ngành chuyên môn của huyện tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết hàng năm, giai đoạn, để đánh giá rút kinh nghiệm; Huyện ủy, HĐND, UBND huyện, các ban, ngành huyện cũng đã tích cực trong công tác kiểm tra, giám sát, kịp thời chỉ đạo tháo gỡ khó khăn ngay từ cơ sở.

Để lãnh, chỉ đạo việc thực hiện Chương trình trên địa bàn huyện, Ban chỉ đạo CT MTQG XD NTM lần đầu tiên được thành lập theo Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/4/2011 của UBND huyện do Chủ tịch UBND huyện là Trưởng Ban. Thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy, để đồng bộ thành viên Ban chỉ đạo từ cấp tỉnh đến huyện, xã, Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Cầu Ngang được thành lập theo Quyết định số 490/QĐ-HU ngày 05/3/2012 của Huyện ủy do đồng chí Bí thư Huyện ủy là Trưởng Ban. Đến giai đoạn 2016 - 2020, thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Cầu Ngang giai đoạn 2017 - 2020 theo Quyết định số 441-QĐ/HU ngày 24/5/2017 của Huyện ủy. Ngày 24/01/2022, Ban Thường vụ Huyện ủy Cầu Ngang đã có Quyết định số 408-QĐ/HU về việc kết thúc hoạt động Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Cầu Ngang giai đoạn 2017 - 2020. Thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 1600/QĐ-UBND ngày 05/7/2022 của UBND huyện Cầu Ngang, gồm có 27 thành viên, do Chủ tịch UBND huyện là Trưởng ban.

Để thực hiện nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Ban chỉ đạo huyện, Bộ phận Thường trực và Bộ phận giúp việc Ban chỉ đạo lần đầu tiên được thành lập theo Quyết định số 607-QĐ/BCĐ ngày 13/8/2012 của Ban chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện Cầu Ngang; thực hiện Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế của Văn phòng Điều phối các cấp, Văn phòng điều phối Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới huyện (gọi tắt là Văn phòng nông thôn mới huyện) được kiện toàn theo Quyết định số 8072/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND huyện; đến nay Văn phòng nông thôn mới huyện hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ, tổ chức gồm có 11 thành viên, trong đó có 01 Chánh văn phòng do Phó Chủ tịch UBND huyện đảm nhận, 01 Phó Chánh văn phòng do Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện đảm nhận.

Huyện đã chỉ đạo 13/13 xã thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021 - 2025, do đồng chí Chủ tịch UBND xã làm Trưởng Ban; 100% ấp đều có thành lập Ban Phát triển ấp; UBND các xã đã có Quyết định phân công, bố trí công chức thực hiện việc tham mưu giúp UBND xã, Ban chỉ đạo xã trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã theo Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về nội dung phân công công chức cấp xã chuyên trách về nông thôn mới.

Bộ máy quản lý từ huyện đến xã hoàn thiện và hoạt động theo quy chế, phát huy hiệu quả và năng lực quản lý. Ban Chỉ đạo các cấp đã kịp thời ban hành các văn bản như: Nghị quyết, chương trình, kế hoạch chuyên đề giai đoạn, hàng năm; các quyết định ban hành quy chế hoạt động, phân công nhiệm vụ. Từ đó, các cấp ủy, người đứng đầu tăng cường vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện với lộ trình, giải pháp phù hợp về xây dựng nông thôn mới, thi đua lao động, sản xuất, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng năng suất, thu nhập, ổn định cuộc sống.

**2.** C**ông tác truyền thông, đào tạo, tập huấn**

***2.1. Công tác truyền thông***

Xác định công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức trong quá trình triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới là nhiệm vụ quan trọng, cần tập trung thực hiện thường xuyên, liên tục và lâu dài. Ngay từ khi triển khai thực hiện, các cấp ủy Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội từ huyện đến xã luôn chú trọng, tập trung tuyên truyền các chủ trương của Đảng, cơ chế chính sách của Trung ương, của tỉnh về thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đến với cán bộ, đảng viên, hội viên, đoàn viên và Nhân dân. Công tác tuyên truyền được triển khai sâu rộng và bằng nhiều hình thức tuyên truyền đa dạng, phong phú, lồng ghép với các phong trào của Hội, đoàn thể bằng nhiều hình thức như truyên truyền miệng thông qua các cuộc họp, hội nghị, thông qua hệ thống loa truyền thanh, tuyên truyền trực quan thông qua panô, áp phích,…; kết quả đã thực hiện tuyên truyền được 11.763 cuộc có khoảng trên 303.485 lượt người tham dự; đã cấp phát 15.850 tờ bướm; 2.740 quyển sổ tay hướng dẫn, thông tin tuyên truyền; 138 đĩa CD (biên soạn cả tiếng Việt và tiếng Khmer); đã thực hiện lắp đặt trên 290 bảng, cụm panô truyên truyền từ nguồn vốn sự nghiệp CT MTQG XD NTM cấp. BCĐ huyện đã chỉ đạo tổ chức Hội thi tìm hiểu kiến thức về xây dựng nông thôn mới ở các xã trên địa bàn huyện

Hưởng ứng Phong trào thi đua *“Trà Vinh cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”*, huyện Cầu Ngang đã xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện phong trào thi đua *“Cầu Ngang cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”*, khi triển khai thực hiện, huyện đã tổ chức ký kết giao ước thi đua xây dựng nông thôn mới của các xã và công tác vận động tuyên truyền của Ban Tuyên giáo, Ban Dân vận, UBMTTQ VN huyện và các đoàn thể trên địa bàn huyện. Phong trào thi đua xây dựng nông thôn mới từ khi triển khai thực hiện đến nay đã trở thành phong trào sôi nổi và rộng khắp trên địa bàn huyện, kết quả thực hiện phong trào đã góp phần tích cực vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn, thi đua lao động sản xuất phát triển kinh tế từ đó giảm tỷ lệ hộ nghèo, cải thiện mức sống của người dân tại khu vực nông thôn, qua đó đã xuất hiện nhiều cá nhân có đóng góp tích cực về hiến đất, ngày công, tiền của,... để làm các công trình công cộng.

Ủy ban Mặt trận Tổ quốc huyện triển khai, tổ chức thực hiện có hiệu quả cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*, trong thực hiện cuộc vận động, đã có những mô hình hay về xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh như mô hình về *“Vận động xã hội hóa xóa nhà tạm cho hộ nghèo” tại xã Hiệp Mỹ Tây,* mô hình *“Vệ sinh cảnh quan môi trường tuyến đường xanh - sạch - đẹp (trồng hàng rào cây xanh)”* tại xã Mỹ Long Nam, mô hình “*Thắp sáng đường làng ngõ xóm”* ở các xã, thị trấn trên địa bàn huyện. Vận động *“Quỹ vì người nghèo”* được các tổ chức, cá nhân đóng góp, hỗ trợ, giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo, cận nghèo bằng tiền và hiện vật trên 45 t*ỷ* đồng[[11]](#footnote-11). Huy động nguồn lực tham gia đóng góp vào các công trình, dự án phúc lợi tập thể của địa phương; qua đó, bằng nhiều hình thức phối hợp vận động các Chương trình *“An sinh xã hội”* được trên 30 tỷ đồng để xây dựng cầu nông thôn, đường giao thông, nhà ở, và hỗ trợ, cứu tế cứu trợ đột xuất cho hộ nghèo, cận nghèo, khó khăn.

Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tích cực, chủ động tham gia xây dựng nông thôn mới thông qua các phong trào và hoạt động thiết thực hiệu quả như: Duy trì và nhân rộng 76 câu lạc bộ xây dựng gia đình 5 không 3 sạch; xây dựng 84 căn nhà mái ấm tình thương cho hội viên, phụ nữ nghèo. Song song đó, mỗi cơ sở Hội đăng ký với cấp ủy, chính quyền thực hiện ít nhất 01 mô hình thiết thực, phù hợp tham gia xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh như: tuyến đường hoa, tuyến đường ngõ sạch, tuyến đường xanh - sạch - sáng, rào xanh ngõ sáng... Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện tập trung tổ chức nhiều hoạt động thiết thực vận động phụ nữ ký cam kết và thực hiện sản xuất, chế biến, kinh doanh, sử dụng thực phẩm an toàn, lên án những hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm; hỗ trợ phụ nữ phát triển sản xuất, kinh doanh nông sản thực phẩm an toàn “*Nói không với thực phẩm bẩn*”, “*Thực phẩm không rõ nguồn gốc*”, “*Sản xuất sạch, chế biến sạch, tiêu dùng sạch*”, sử dụng các thực phẩm tươi sống góp phần giảm thiểu tình trạng ngộ độc do thực phẩm không an toàn. Tiếp tục phát huy phong trào *“Phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế gia đình”* thành lập và duy trì 20 tổ hợp tác sản xuất có 198 thành viên như: tổ trồng năng, tổ đan đát, tổ may nón, tổ nuôi bò sinh sản…Thành lập 01 câu lạc bộ phụ nữ khởi nghiệp từ nghề truyền thống có 12 chị tham gia.

Hội Nông dân tích cực chủ động tham gia thực hiện tốt các tiêu chí do Hội đảm nhận, phát huy vai trò của người nông dân trong *“sản xuất, kinh doanh giỏi”*, bảo vệ môi trường với việc thu gom bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; xây dựng cảnh quan 13 tuyến đường giao thông với chiều dài 26 km. Tuyên truyền chủ trương, chính sách về kinh tế tập thể, giới thiệu Hợp tác xã điển hình tiên tiến, mô hình mới cho nông dân. Triển khai nguồn vốn tín dụng chính sách xã hội góp phần thực hiện mục tiêu giảm nghèo, làm giàu, xây dựng các dự án phát triển sản xuất, kinh doanh cho 5.955 hội viên vay với số tiền 194 tỷ 592 triệu đồng. Phối hợp Hội Nông dân tỉnh hỗ trợ 60 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng cho 03 xã (Thạnh Hòa Sơn, Long Sơn và Hiệp Hòa).

Hội Cựu chiến binh huyện luôn gắn nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới với thực hiện phong trào thi đua *“Dân vận khéo”*, thi đua *“Cựu chiến binh gương mẫu”*. Tích cực vận động cán bộ, hội viên tổ chức lại sản xuất, áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, cải tạo vườn tạp, đất đai để đạt hiệu quả cao trong sản xuất. 100% chi hội Cựu chiến binh ấp, khóm đều có câu lạc bộ Môi trường tham gia hiệu quả trong công tác bảo vệ môi trường. Tiếp tục triển khai có hiệu quả mô hình *“7+1*”, mô hình *“Câu lạc bộ Cựu chiến binh cùng Nhân dân tìm hiểu pháp luật”*.

Liên đoàn Lao động huyện đã chỉ đạo cho các công đoàn cơ sở tổ chức triển khai, tuyên truyền đến đoàn viên công đoàn các chủ trương của Đảng, Nhà nước, cụ thể là tuyên truyền thực hiện phong trào thi đua *“Cầu Ngang cùng cả nước chung tay xây dựng nông thôn mới”*, cuộc vận động *“Toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”*, kết quả thực hiện được 07 mô hình trồng cây xanh ở các công đoàn cơ sở xã, thị trấn với chiều dài 10.500m; đồng thời chỉ đạo cho các công đoàn cơ sở Trường học thực hiện mô hình *“Nói không với rác thải nhựa”* góp phần bảo vệ môi trường; hỗ trợ tặng quà cho đoàn viên công đoàn và người lao động có hoàn cảnh khó khăn nhân dịp Tết Nguyên đán, Tết Sum vầy, Tháng công nhân,… 2.637 phần quà trị giá 922,95 triệu đồng; tham gia thực hiện có hiệu quả cuộc vận động xây dựng nhà *“Mái ấm Công đoàn”*, xây dựng 63 căn nhà mái ấm hỗ trợ cho đoàn viên công đoàn gặp khó khăn về nhà ở, số tiền 1,7 tỷ đồng; phát triển 10 tổ chức công đoàn cơ sở ngoài doanh nghiệp nhà nước với 5.206 đoàn viên.

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện tích cực thực hiện cuộc vận động “*Tuổi trẻ Cầu Ngang chung tay xây dựng nông thôn mới*”, thông qua các hoạt động ra quân thực hiện *“Ngày thứ bảy tình nguyện”, “Chủ nhật xanh”,* qua đó đã nâng cao nhận thức, phát huy vai trò xung kích, tình nguyện của tuổi trẻ trong tuyên truyền và tham gia thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới tại địa phương. Ban Thường vụ Huyện đoàn tổ chức 01 Hội thi về tìm hiểu kiến thức tham gia xây dựng nông thôn mới, có 15 đội tham gia. Phát động xây dựng kế hoạch đăng ký với cấp ủy Đảng, chính quyền đảm nhận công trình thanh niên cấp cơ sở về tham gia phát triển kinh tế - xã hội gắn với các tiêu chí xây dựng nông thôn mới[[12]](#footnote-12).

Nhìn chung, trong thời gian qua, các cấp, ngành, địa phương đã tăng cường công tác tuyên truyền, vận động góp phần nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và cộng đồng dân cư về Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới. Nội dung phương thức hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể có sự đổi mới, nắm bắt kịp thời những tâm tư nguyện vọng của Nhân dân để có biện pháp tuyên truyền phù hợp, tạo điều kiện để người dân được biết, được bàn và trực tiếp tham gia đóng góp vào chương trình, kế hoạch xây dựng nông thôn mới. Qua đó đã góp phần làm chuyển biến tích cực bộ mặt nông thôn, đời sống vật chất, tinh thần của người dân ngày càng được nâng lên, ý thức xây dựng nông thôn mới trong cộng đồng dân cư dần chuyển biến rõ nét hơn.

***2.2. Công tác đào tạo, tập huấn***

Nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, từ năm 2011 đến nay, Ban chỉ đạo huyện, Văn phòng nông thôn mới huyện có tổ chức và phối hợp với Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức được 95 cuộc (lớp) tập huấn có 3.100 lượt người tham dự, *trong đó: Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh phối hợp đưa 17 cán bộ tham dự 02 lớp tập huấn về đào tạo, hướng dẫn sử dụng phần mềm báo cáo trực tuyến trong xây dựng nông thôn mới và tập huấn các nội dung trong công tác xây dựng nông thôn mới tại thành phố Cần Thơ và tỉnh Tiền Giang; Văn phòng điều phối nông thôn mới tỉnh tổ chức 34 cuộc tập huấn cho 755 lượt cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới của huyện và xã, ấp và 335 người dân tiêu biểu; từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới cấp cho huyện, Văn phòng nông thôn mới huyện đã tổ chức được 59 cuộc tập huấn cho 373 cán bộ và 1.620 người dân về công tác xây dựng nông thôn mới.* Nhìn chung, trong các cuộc tập huấn đều đạt yêu cầu về đối tượng, nội dung cần truyền đạt.

Ngoài công tác tập huấn nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng nông thôn mới các cấp, Ban chỉ đạo huyện còn tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, tham quan học tập kinh nghiệm về xây dựng nông thôn mới ở trong và ngoài huyện để các địa phương nghiên cứu, lựa chọn mô hình thích hợp để làm theo.

**3. Kết quả huy động nguồn lực xây dựng huyện nông thôn mới**

Tổng nguồn lực huy động thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới là 1.457 tỷ 47 triệu đồng, trong đó:

- Vốn Trung ương: 186 tỷ 85 triệu đồng.

- Vốn ngân địa phương: 200 tỷ 68 triệu đồng.

- Vốn lồng ghép từ ngân sách: 371 tỷ 83 triệu đồng.

- Vốn vay tín dụng: 663 tỷ 09 triệu đồng.

- Vốn cộng đồng dân cư: 16 tỷ 85 triệu đồng.

- Nguồn vốn khác: 18 tỷ 17 triệu đồng.

Huyện ủy - Ủy ban nhân dân huyện đã tranh thủ sự đầu tư của Trung ương, của Tỉnh, đồng thời vận động sự ủng hộ của các tổ chức, cá nhân và sự đối ứng của Nhân dân để thực hiện Chương trình. Trong 12 năm triển khai Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, huyện đã đầu tư nhiều công trình hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội trên địa bàn và không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản trong xây dựng nông thôn mới.

Ngoài công tác tuyên truyền, vận động của các cấp ủy, chính quyền, đoàn thể, huyện đã tranh thủ được sự tham gia của những người có uy tín, chức sắc, chức việc các tôn giáo cùng tham gia vận động Nhân dân, tín đồ các tôn giáo cùng chung tay xây dựng nông thôn mới, qua đó vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới đã thể hiện rõ nét, người dân tự nguyện hiến đất, cây cối, hoa màu, vật kiến trúc, ngày công lao động để xây dựng các công trình thủy lợi, giao thông nông thôn, trường học, trạm cấp nước, trồng cây xanh, lắp đèn chiếu sáng các tuyến đường nông thôn... Việc huy động nguồn lực trong Nhân dân đảm bảo trên nguyên tắc dân chủ, công khai minh bạch, với tinh thần tự nguyện, không huy động quá sức đóng góp của Nhân dân.

Trong chỉ đạo, điều hành, chính quyền huyện, xã và Ban Nhân dân ấp đã quản lý, sử dụng các nguồn vốn đầu tư, vốn huy động chặt chẽ, dân chủ, công khai, đúng quy định của pháp luật. Các công trình sau khi hoàn thành, nghiệm thu đưa vào sử dụng đã phát huy được hiệu quả, được Nhân dân đồng thuận cao.

**IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN XÂY DỰNG HUYỆN NÔNG THÔN MỚI**

**1. Số xã, thị trấn đạt chuẩn theo quy định**

***1.1. Số xã đạt chuẩn theo quy định***

- Tổng số xã trên địa bàn huyện: 13 xã.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới: 13 xã.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới: 100%.

Trong 13 xã đạt chuẩn, có 03 xã được công nhận giai đoạn 2011 - 2015 *(theo Quyết định số 491/QĐ-TTg, ngày 16/4/2009 và Quyết định số 342/QĐ-TTg, ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ)*; 10 xã còn lại được công nhận trong giai đoạn 2016 - 2020 *(theo Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ)*. Huyện đã chỉ đạo 13/13 xã trên địa bàn huyện thực hiện rà soát *Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ;* qua đóhuyện đã chỉ đạo các xã nâng chất lượng các tiêu chí, đạt theo quy định của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Số xã đã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 03 xã.

- Tỷ lệ số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao: 23% (03/13 xã).

Huyện có 03 xã được công nhận nông thôn mới nâng cao trong giai đoạn 2016 - 2020. Huyện đã chỉ đạo 03 xã thực hiện rà soát *Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ;* qua đóhuyện đã chỉ đạo các xã nâng chất lượng các tiêu chí, đạt theo quy định của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025.

Bên cạnh đó, huyện còn chỉ đạo các xã triển khai thực hiện tiêu chuẩn gia đình văn hóa - nông thôn mới, ấp nông thôn mới, kết quả đến nay toàn huyện có 81/90 ấp nông thôn mới (đạt tỷ lệ 90%) và 07 ấp nông thôn mới kiểu mẫu (đạt tỷ lệ 7,7%); có 31.022/32.679 gia đình đạt chuẩn văn hóa - nông thôn mới, chiếm tỷ lệ 94,9% *(tại thời điểm năm 2011 chưa có hộ và ấp được công nhận ấp nông thôn mới, gia đình văn hóa - nông thôn mới)*.

***1.2. Số thị trấn đạt chuẩn theo quy định***

- Tổng số thị trấn trên địa bàn huyện: 02 thị trấn.

- Tỷ lệ số thị trấn đạt chuẩn đô thị văn minh: 100%.

**2. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới ở các xã**

***2.1. Công tác lập quy hoạch và tổ chức thực hiện quy hoạch***

Trong năm 2010, các xã trên địa bàn huyện đã triển khai lập quy hoạch chung xã nông thôn mới, năm 2010 có 01/13 xã đạt (xã Mỹ Long Nam); năm 2013 có thêm 12 xã đạt, nâng tổng số đến nay có 13/13 xã trên địa bàn huyện có quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt theo Thông tư số 09/2010/TT-BXD ngày 04/8/2010 của Bộ Xây dựng và Thông tư liên tịch số 13/2011/TTLT-BXD-NNPTNT-BTNMT của Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài nguyên và Môi trường và trên cơ sở quy hoạch được duyệt các xã đã thực hiện quản lý theo quy hoạch.

Đồng thời hoàn thành công tác rà soát, điều chỉnh quy hoạch xây dựng xã nông thôn mới theo Thông tư số 02/2017/TT-BXD ngày 01/03/2017 của Bộ Xây dựng. Từ năm 2018 đến năm 2020, 13/13 xã trên địa bàn huyện đã hoàn thành rà soát, bổ sung điều chỉnh quy hoạch và Đồ án, quy chế quản lý quy hoạch được UBND huyện phê duyệt. Ủy ban nhân dân các xã tổ chức hội nghị triển khai quy hoạch và công bố quy hoạch rộng rãi để Nhân dân biết và thực hiện theo quy định.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 01 về Quy hoạch theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.2. Xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu***

***2.2.1. Về giao thông***

Năm 2010, mạng lưới đường giao thông nông thôn trên địa bàn huyện phần lớn chưa hoàn chỉnh về tải trọng, quy mô, kết cấu, cấp hạng kỹ thuật, chủ yếu là đường đất, lầy lội vào mùa mưa, gồ gề vào mùa nắng, gây khó khăn cho phương tiện và người dân lưu thông. Đặc biệt các cầu trên các tuyến đường chưa đồng bộ về tải trọng và khổ cầu, nhiều cầu tải trọng thấp hoặc cầu gỗ (cầu tạm), nhiều công trình cầu và đường giao thông sau nhiều năm đưa vào khai thác đã xuống cấp, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Một số tuyến đường đến trung tâm xã chưa hoàn chỉnh và phần lớn đường xã, đường trục ấp, đường liên ấp, đường ngõ xóm chưa hoàn chỉnh, cụ thể: Đường giao thông nông thôn: Chiều dài 257,32 km, mặt đường có một số tuyến bị hư hỏng, cần được nâng cấp, cải tạo, các tuyến đường được nhựa hóa, bên tông hóa đạt khoảng 47%; có 271 cầu giao thông nông thôn.

Qua 12 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, đã phát huy sức mạnh tổng hợp các nguồn lực đầu tư bằng nhiều nguồn vốn từ ngân sách Nhà nước và sự đóng góp của Nhân dân, đến nay, huyện đã đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thiện hệ thống giao thông nông thôn trên địa bàn (láng nhựa, bê tông, đal hóa) tổng chiều dài 692,93 km, cụ thể:

- Đường liên xã, đường từ trung tâm xã đến đường huyện: Đã đầu tư xây dựng nhựa hóa và nâng cấp, mở rộng, tổng chiều dài 133,74km (*40 tuyến*), đạt 100% quy hoạch, (trong đó: Quốc lộ 53 tuyến dài 28,6km, Đường tỉnh 02 tuyến (Đường tỉnh 912 và Đường tỉnh 915B), dài 51,5km, đường huyện 09 tuyến, dài 69,69 km). Mỗi xã có tối thiểu 01 tuyến đường trục xã, liên xã đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 6,5m, mặt đường rộng tối thiểu 5m, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục ấp và liên ấp: Có 101 tuyến, đã đầu tư xây dựng nhựa hóa, bê tông hóa được 165,21/171,51km, đạt 96,3% quy hoạch; các tuyến đường trục ấp và liên ấp trong huyện đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4,5m, mặt đường rộng từ 3 - 3,5m trở lên, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường ngõ xóm: Có 265 tuyến, đã đầu tư xây dựng bê tông, cấp phối đá và các vật liệu khác không lầy lội vào mùa mưa được 161,45/202,77km, đạt 79,6% quy hoạch, các tuyến đường ngõ xóm trong huyện đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4m, mặt đường rộng tối thiểu 2,5m, đường sạch và không lầy lội vào mùa mưa, đảm bảo cho nhân dân đi lại thuận tiện quanh năm.

- Đường trục chính nội đồng: Có 144 tuyến, đã đầu tư xây dựng nhựa hóa, bê tông hóa, cứng hóa 160,31/219,65km, đạt 72,98% quy hoạch; các tuyến đường trục chính nội đồng đạt quy mô nền đường rộng tối thiểu 4m, mặt đường rộng tối thiểu 3 m, đảm bảo cho xe cơ giới vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Ngoài ra, đã đầu tư nâng cấp, sửa chữa 191 cây cầu giao thông nông thôn bằng bê tông cốt thép, kết cấu cơ bản đồng bộ về tải trọng và khổ cầu so với các tuyến đường giao thông nông thôn, đảm bảo cho Nhân dân đi lại, vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm.

Nhìn chung, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đến thời điểm hiện tại đã cơ bản hoàn thiện, đồng bộ, đã đáp ứng nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của Nhân dân. Đặc biệt, xe ô tô lưu thông đến trung tâm xã quanh năm, xe cơ giới lưu thông đến các vùng sản xuất nông nghiệp, thủy sản quanh năm.

*Đánh giá:13/13 xã đạt tiêu chí số 02 về Giao thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.2.2. Về Thủy lợi***

Thủy lợi là một trong những tiêu chí quan trọng để đảm bảo phát triển sản xuất nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Những năm gần đây, do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, sản xuất của huyện chịu ảnh hưởng của xâm nhập mặn, thiếu nước cục bộ vào mùa khô.., vì vậy, UBND huyện đăc biệt quan tâm đầu tư phát triển hệ thống kênh, mương, cống, bọng; hướng dẫn, đôn đốc các xã thực hiện các nội dung của tiêu chí thủy lợi theo kế hoạch. Đến nay hệ thống thủy lợi của huyện đã cơ bản được nạo vét đồng bộ, tạo thành một hệ thống thủy lợi liên xã theo đúng quy hoạch, đáp ứng được nhu cầu nước phục vụ sản xuất và đời sống dân sinh.

Hiện trên địa bàn 13 xã có 03 kênh tạo nguồn trục chính với tổng chiều dài 40,5 km; kênh cấp I có 06 kênh với tổng chiều dài 50,865 km; kênh cấp II có 203 tuyến với tổng chiều dài 352,518 km; kênh cấp III có 448 tuyến với tổng chiều dài 410,092 km. Tất cả các xã trên địa bàn huyện có tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 90% trở lên; riêng đối với vùng sản xuất tập trung đạt 100%.

13/13 xã trên địa bàn huyện có Quyết định kiện toàn Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn cấp xã, Quyết định phân công thành viên theo đúng chức năng, nhiệm vụ; có ban hành kế hoạch phòng, chống thiên tai, phương án ứng phó với các loại hình thiên tai chủ yếu trên địa bàn hàng năm, giai đoạn; cán bộ, công chức cấp xã tham gia tập huấn nâng cao năng lực về phòng, chống thiên tai; trên 70% người dân ở vùng chịu ảnh hưởng của thiên tai được thường xuyên phổ biến kiến thức về phòng, chống thiên tai; tất cả các ấp trên địa bàn các xã được trang bị hệ thống loa đảm bảo tuyên truyền và kịp thời thông báo các thông tin về phòng chống thiên tai đến người dân. Các xã trên địa bàn huyện không có vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.2.3. Về Điện***

Trước khi triển khai xây dựng nông thôn mới, cuối năm 2010 huyện Cầu Ngang có 231,93 km đường dây trung thế, 325,21km đường dây hạ thế và 332 trạm biến áp với công suất 16.300KVA và có 30.842/32.320 hộ sử dụng điện, đạt 95,43%, có 01 xã đạt tiêu chí 4 về điện (xã Mỹ Long Nam), tuy nhiên do nằm cuối nguồn điện nên nguồn cấp không ổn định, trên địa bàn huyện chưa có lưới điện 220kV, đường dây 110kV độc đạo cấp điện cho toàn huyện nên độ an toàn cấp điện không cao, từ đó huyện đã tranh thủ các nguồn lực, cùng với ngành điện triển khai các dự án, công trình điện được đầu tư, xây dựng, nâng cấp, bảo dưỡng hệ thống điện đến tất cả các xã, ấp và gắn điện kế cho các hộ dân trên địa bàn, đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật của ngành điện và an toàn cho người sử dụng, nhằm phục vụ tốt nhu cầu sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân trên địa bàn. Đến nay lưới điện được phân phối đáp ứng cơ bản về yêu cầu kỹ thuật và được kết nối truyền dẫn liên xã, ấp với tổng số có 390,510km đường dây trung thế và 774,349 km đường dây hạ thế và 880 trạm biến áp, dung lượng 75,9MVA (trong đó có 245 trạm 3 pha, 635 trạm 1 pha). Lưới điện phân phối liên xã, đáp ứng thông số kỹ thuật quy định, phù hợp với quy hoạch phát triển điện lực tỉnh, đảm bảo cấp điện an toàn đạt tiêu chuẩn và đảm bảo đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt thường xuyên, an toàn và phục vụ sản xuất của nhân dân. Toàn huyện có tổng số hộ sử dụng điện là 35.562 hộ, đạt tỷ lệ 99,46% (35.562/35.756 hộ), trong đó số hộ sử dụng điện trên địa bàn 13 xã là 32.485 hộ (đạt tỷ lệ 99,41%, 32.485/32.679 hộ), số hộ sử dụng điện trên địa bàn 02 thị trấn 3.077 hộ (đạt tỷ lệ 100%, 3.077/3.077 hộ). Tổng số hộ sử dụng điện có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn là 35.388 hộ, đạt tỷ lệ 98,97% (35.388/35.756 hộ), trong đó trên địa bàn 13 xã là 32.311 hộ (đạt tỷ lệ 98,87%), trên địa bàn 02 thị trấn là 3.077 hộ (đạt tỷ lệ 100%).

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 4 về Điện nông thôn theo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.2.4. Về Trường học***

Cuối năm 2010, có 59 trường học/13 xã[[13]](#footnote-13)*,* trong đó có 5/59 trường đạt chuẩn quốc gia, tỷ lệ 8,47%.

Đẩy mạnh phát triển giáo dục, nâng cao chất lượng dạy và học, giai đoạn 2011 - 2022, huyện đã tập trung huy động các nguồn vốn sửa chữa cải tạo, xây dựng mới phòng học, phòng chức năng và công trình phụ trợ như hàng rào, nhà xe, hệ thống thoát nước, nhà vệ sinh, mua sắm trang thiết bị dạy học, gắn với việc sắp xếp lại trường lớp, nhất là các điểm học lẻ…với tổng kinh phí 201,838 tỷ đồng (*trong đó: kinh phí đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị trường học để đạt tiêu chí 5 tại 13 xã nông thôn mới là 162,200 tỷ đồng*). Từ đó, trường, lớp học ngày một khang trang hơn, tạo điều kiện cho các em học sinh học tập tốt hơn, nhất là những học sinh ở vùng khó khăn và vùng đồng bào dân tộc Khmer. Diện mạo trường lớp ở 13 xã có nhiều khởi sắc, có 52/52 trường các cấp học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu *(giảm 08 trường so với năm 2011 do sáp nhập một số cơ sở giáo dục)*.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 5 về Trường học theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.2.5. Về Cơ sở vật chất văn hóa***

Trước khi triển khai xây dựng nông thôn mới, cơ sở vật chất văn hóa, khu vui chơi, giải trí ở cấp huyện chưa đáp ứng được yêu cầu của người dân địa phương, các xã, thị trấn chưa có sân vận động đạt chuẩn, chưa có khu vui chơi, giải trí dành cho người cao tuổi và trẻ em; các xã có 13 Hội trường xã và 96 trụ sở Ban Nhân dân ấp đa số diện tích nhỏ, cơ sở vật chất rất hạn chế, chưa có nhà văn hóa xã, ấp đạt chuẩn theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện xác định cơ sở vật chất văn hóa không thể thiếu cho sự phát triển đời sống văn hóa tinh thần của người dân. Từ đó, tập trung đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp 13/13 Hội trường văn hóa đa năng quy mô từ 200 - 300 chỗ ngồi, mỗi Hội trường văn hóa xã đều có 02 phòng chức năng là phòng Hành chính - Thông tin truyền thanh và phòng đọc sách, báo, thư viện, phục vụ tốt cho việc hội, họp và sinh hoạt văn hóa của cộng đồng ở địa phương. Nâng cấp và xây dựng mới 90/90 nhà văn hóa ấp[[14]](#footnote-14) (trên cơ sở các Trụ sở Ban Nhân dân ấp trước đây), đạt 100%, với quy mô từ 80 - 100 chỗ ngồi, phục vụ tốt cho nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, có bố trí đầy đủ cơ sở vật chất và thiết chế cho nhà văn hóa ấp*.* Đặc biệt vào các ngày thứ Bảy, Chủ Nhật hàng tuần tại các nhà văn hóa xã, ấp có tổ chức giao lưu đờn ca tài tử.

Có 08 xã có sân bóng đá *(diện tích từ 4.000 - 10.000m2)*. Đối với các xã chưa có sân bóng đá hiện nay đã có quy hoạch xây dựng, trước mắt xã đã có văn bản thỏa thuận sử dụng chung sân bóng với xã tiếp giáp để phục vụ nhu cầu thể dục, thể thao của người dân trên địa bàn. Bên cạnh đó, trên địa bàn huyện có 06 sân bóng đá mini cỏ nhân tạo, 02 hồ bơi, 04 sân cầu lông, 19 sân bóng chuyền do tư nhân đầu tư; 100% ấp đều có khu thể thao đáp ứng nhu cầu thể dục, thể thao của thanh thiếu niên và Nhân dân ở địa phương.

Các xã đều có khu vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định của Bộ Văn hóa - Thể thao và Du lịch. Mỗi ấp đều có 01 đội bóng chuyền và 01 đội bóng đá; toàn huyện có 40 câu lạc bộ *(bóng đá, bóng chuyền, cờ tướng, dưỡng sinh, xe đạp...)*. Nhìn chung, phong trào thể dục, thể thao trên địa bàn xã ngày càng phát triển, tạo được sân chơi lành mạnh cho thanh thiếu niên, góp phần phát triển thể lực, tăng cường sức khỏe, giảm tỷ lệ thanh thiếu niên vi phạm pháp luật.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 6 về Cơ sở vật chất văn hóa theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.2.6. Về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn***

Năm 2010, ở các xã có tổng cộng 19 chợ, chủ yếu là chợ loại 3. Trong đó có 03 chợ đạt tiêu chí chợ Văn Minh (chợ Mỹ Long Bắc, chợ Vinh Kim và chợ Kim Hòa), nhìn chung mạng lưới chợ dần được củng cố và phát triển, hàng hóa lưu thông dồi dào, đáp ứng yêu cầu tiêu thụ của người dân.

Thời gian qua, huyện đã tập trung các nguồn lực đầu tư xây dựng mới, mở rộng, cải tạo 07 chợ[[15]](#footnote-15). Tổng diện tích chợ đã được nâng cấp, cải tạo khoảng 39.974m2, với 1.393 hộ kinh doanh, đến nay 13/13 xã đều đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo chuẩn của Bộ Công thương đáp ứng yêu cầu mua bán của Nhân dân. Thực hiện mô hình chuyển đổi kinh doanh, khai thác và quản lý chợ, chợ xã Nhị Trường đã thực hiện chuyển đổi giao cho Hợp tác xã kinh doanh khai thác và quản lý.

Đối với các chợ xã còn lại đều có thành lập Ban quản lý, có ban hành nội quy quản lý chợ, có trang thiết bị phòng cháy, chữa cháy; các điểm kinh doanh được bố trí, sắp xếp riêng theo từng khu vực, theo từng mặt hàng thuận lợi cho người bán và người mua; chợ có đầy đủ hệ thống điện, cấp thoát nước, nhà vệ sinh, bố trí thùng rác và rác thải được thu gom hàng ngày đảm bảo vệ sinh,... Có 100% xã nông thôn mới của huyện có hệ thống chợ được đầu tư khang trang, đáp ứng nhu cầu thương mại cho Nhân dân.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 7 về Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.2.7. Về Thông tin và Truyền thông***

Hệ thống thông tin và truyền thông trước đây chỉ mới triển khai đến một số xã, ấp, chưa đáp ứng nhu cầu trao đổi và nắm bắt thông tin đối với các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp. Trong những năm qua, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện phát triển, đã làm cho đời sống vật chất, tinh thần của người dân không ngừng được nâng lên, từ đó nhu cầu liên lạc, trao đổi, nắm bắt thông tin, thụ hưởng các dịch vụ giải trí qua viễn thông, internet càng gia tăng; phát triển thêm các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn huyện.

Đến nay 13/13 xã đều có Bưu điện văn hoá xã, là điểm giao dịch phục vụ bưu chính: tiếp nhận, phát thư, bưu kiện hàng hóa, dịch vụ ... phục vụ Nhân dân, phục vụ đảm bảo theo quy định; 90/90 ấp được cung cấp viễn thông và internet đảm bảo cung ứng đầy đủ các dịch vụ điện thoai cố định, di động mặt đất, dịch vụ internet băng rộng đáp ứng tốt nhu cầu dịch vụ viễn thông, internet của các tổ chức, cá nhân tại địa phương. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến đã được triển khai đưa vào sử dụng đến các xã, đã giảm được chi phí, thời gian hội họp, thông tin được truyền đạt nhanh chóng, hiệu quả.

Huyện đầu tư Trạm Truyền thanh cho 13/13 xã và 100% ấp đều có hệ thống loa hoạt động tốt, tiếp sóng phát thanh ngày 2 buổi, đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho Nhân dân cập nhật thông tin thường xuyên về chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các tin tức trên phương tiện thông tin đại chúng. Toàn huyện hiện có 218 cụm loa với 436 loa đảm bảo thực hiện tốt công tác thông tin, tuyên truyền, đặc biệt là tuyên truyền về xây dựng nông thôn mới; phòng, chống dịch bệnh trên cây trồng, vật nuôi; dịch bệnh Covid-19; các sự kiện chính trị của đất nước và địa phương.

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành: Khu hành chính làm việc các xã có trang bị máy tính kết nối mạng LAN, mạng Internet; cán bộ, công chức và bộ phận chuyên môn xã đều sử dụng hệ thống quản lý văn bản điều hành *(iOffice)*, phần mềm một cửa điện tử và dịch vụ công trực tuyến *(iGate)*, hộp thư điện tử công vụ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động trong công việc và đẩy mạnh cải cách hành chính. Hệ thống hạ tầng thông tin và truyền thông hiện nay đã đáp ứng tốt nhu cầu sử dụng của tổ chức và Nhân dân trên địa bàn huyện.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 8 về Thông tin và Truyền thông theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.2.8. Về Nhà ở nông thôn***

Năm 2010, toàn huyện có 31.564 căn nhà, với tổng diện tích sàn bình quân là 2.445,153m2,trong đó nhà ở kiên cố là 6.087 căn, với 514.860m2/sàn; nhà ở bán kiên cố là 11.281 căn, với 897,534m2/sàn; nhà khung gỗ lâu bền là 8.260 căn, với 615.869m2/sàn; nhà tạm là 5.936 căn, với 416.889m2/sàn, nhìn chung trong thời gian này trên địa bàn huyện người dân đời sống kinh tế còn khó khăn, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo nên việc xây dựng nhà ở gặp rất nhiều khó khăn, chủ yếu được hỗ trợ từ các quỹ an sinh xã hội, chương trình 134, 135,...

Thời gian qua, Huyện ủy, UBND huyện và các xã đã vận động từ các quỹ an sinh xã hội, triển khai thực hiện Đề án người có công với cách mạng theo Quyết định 22 của thủ tướng Chính phủ, Quyết định 33 của Thủ tướng Chính phủ,...và vận động Nhân dân tập trung nguồn lực để chỉnh trang nhà cửa, đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, sửa chữa nhà ở xuống cấp, đồng thời triển khai thực hiện tốt nhiều chương trình, dự án hỗ trợ nhà ở, đất ở,...vận động các mạnh thường quân, nhà hảo tâm xây dựng nhà đồng đội, nhà đại đoàn kết, nhà tình thương, nhà mái ấm công đoàn,... Tổng số có 1.537 căn nhà được hỗ trợ cho gia đình có công cách mạng theo Quyết định số 22/2013/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; hỗ trợ vốn và vận động xây dựng mới, sửa chữa 1.194 nhà ở cho hộ nghèo; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội vận động các tổ chức, doanh nghiệp, tôn giáo, mạnh thường quân, kiều bào trong và ngoài huyện thực hiện chương trình an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, đã vận động hỗ trợ xây dựng mới 998 căn nhà tình nghĩa, 961 căn nhà tình thương, 560 căn nhà đại đoàn kết,...

Từ các chương trình hỗ trợ trên, cùng với đời sống người dân được nâng lên rõ rệt, điều kiện sống tốt hơn, nhà ở dân cư ngày càng được đầu tư xây dựng khang trang. Đến nay, 13/13 xã có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố là 30.042 nhà, chiếm tỷ lệ 91,93% (30.042/32.679 nhà). Huyện không còn nhà tạm, dột nát.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 9 về Nhà ở dân cư theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.3. Phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân***

*- Phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản*

Trong sản xuất nông nghiệp, việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi đã mang lại kết quả tích cực. Huyện đã tập trung chỉ đạo phát triển nông nghiệp toàn diện, theo hướng thâm canh tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả; tổ chức thực hiện có hiệu quả kế hoạch chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - ngư - lâm nghiệp và phát triển nông thôn, khai thác được lợi thế tiềm năng của từng tiểu vùng sinh thái, tạo được nhiều mô hình sản xuất đạt hiệu quả, đã hình thành nên một số vùng sản xuất tập trung mang tính sản xuất hàng hóa cao.

+ Từ năm 2014 đến nay đã thực hiện chuyển đổi 5.427,72 ha trồng lúa kém hiệu quả, trong đó: chuyển sang trồng cây ngắn ngày là 3.216,73 ha, cây lâu năm là 0,5 ha, kết hợp nuôi thủy sản 435,5 ha và chuyên nuôi thủy sản 1.774,99 ha, tập trung ở các xã: Mỹ Long Bắc, Nhị Trường, Hiệp Hòa, Long Sơn, Mỹ Hòa, Thạnh Hòa Sơn, Vinh Kim, Hiệp Mỹ Tây và Hiệp Mỹ Đông.

+ Diện tích trồng lúa của huyện tuy có giảm do một phần diện tích sản xuất lúa kém hiệu quả được chuyển đổi sang nuôi thủy sản, trồng màu, nhưng sản lượng lúa vẫn đảm bảo. Sản xuất cây màu tiếp tục phát triển ổn định, diện tích một số loại cây màu có giá trị kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ ổn định được mở rộng.

+ Trong những năm gần đây, tình hình chăn nuôi gia súc từng lúc chưa ổn định do ảnh hưởng của dịch bệnh, tuy nhiên tổng đàn heo vẫn còn duy trì tương đối, có khoảng 70.000 con. Chăn nuôi bò sinh sản và vỗ béo đem lại hiệu quả kinh tế tương đối cao so với chăn nuôi một số đối tượng khác, qui mô chăn nuôi cũng được mở rộng ra toàn huyện. Tổng đàn bò có khoảng 58.000 con. Trong những năm qua, huyện đã xây dựng, triển khai, nhân rộng mô hình nâng cao tầm vóc đàn bò (Zebu hóa đàn bò) bằng phương pháp thụ tinh nhân tạo, đến nay đàn bò có 100% các giống lai; trong năm 2015 - 2016, huyện thực hiện Dự án nâng cao tầm vóc đàn bò, qua đó được Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT hỗ trợ vốn thực hiện, đã giải ngân cho 200 hộ với số tiền 9 tỷ 705 triệu đồng.

+ Tiếp tục đẩy mạnh nuôi thủy sản ở 3 vùng nước mặn, lợ và ngọt theo hướng đa dạng hóa đối tượng nuôi như: tôm sú, tôm thẻ chân trắng, tôm càng xanh, cá, nghêu, cua biển,... Nổi bật nhất là khai thác có hiệu quả vùng đất hoang hóa phèn mặn cánh đồng tây để nuôi thủy sản, con nuôi chủ lực là tôm sú và tôm thẻ chân trắng mang lại hiệu quả kinh tế cao.

+ Diện tích rừng phòng hộ của huyện tiếp tục được mở rộng, hình thành nên một vành đai rừng phòng hộ ổn định cho khu vực ven biển của huyện, tạo môi trường tốt cho việc phát triển sản xuất nông nghiệp, thích hợp cho việc phát sinh các nguồn lợi thủy sản đáng kể như: nghêu, sò huyết, cua biển, các loại cá nước lợ,... từ đó giúp cho người dân có thêm phần thu nhập từ việc nuôi, khai thác các sản phẩm thủy sản dưới tán rừng.

Triển khai thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ vào nông nghiệp[[16]](#footnote-16) trên 134 tỷ đồng, đã góp phần giúp cho người nông dân ổn định, phát triển được sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm thiểu rủi ro đói nghèo do thiên tai, dịch bệnh trong sản xuất gây ra.

*- Phát triển trong lĩnh vực công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề, dịch vụ*

Ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp: Năm 2010, huyện có 03 Cụm công nghiệp được quy hoạch là: Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây, Cụm công nghiệp Mỹ Long Bắc, Cụm công nghiệp Long Sơn và 02 làng nghề (Bánh tét Trà Cuôn, Khai thác, đánh bắt và sơ chế thủy sản thị trấn Mỹ Long), các sản phẩm chủ yếu thuộc các ngành chế biến, công nghiệp nhẹ, cơ khí,... toàn huyện có khoảng 1.189 cơ sở, với 2.974 lao động, giá trị sản xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp đạt 146,4 tỷ đồng, mặc dù ngành xuất công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp có sự phát triển, tuy nhiên chất lượng và khả năng cạnh tranh còn thấp, sản phẩm sản xuất ra chủ yếu tiêu thụ trong huyện, bên cạnh đó trên địa bàn huyện chưa có cụm công nghiệp nào được triển khai từ đó dẫn đến việc kêu gọi đầu tư vào địa bàn gặp nhiều khó khăn.

Ngành nghề, dịch vụ: Giá trị sản xuất ngành dịch vụ đạt 625 tỷ đồng, số cơ sở kinh doanh thương mại, dịch vụ trên địa bàn 4.824 cơ sở, với 7.412 lao động, tổng mức bán lẻ 619,61 tỷ đồng vào năm 2010. Các Hệ thống Ngân hàng trên địa bàn huyện ngày càng được củng cố và tăng cường về tổ chức và quy mô hoạt động.

***\* Từ việc phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập cho người dân, huyện đạt được một số kết quả như sau:***

***2.3.1. Thu nhập bình quân khu vực nông thôn của huyện***

Trước đây đời sống người dân còn nhiều khó khăn, hiệu quả sản xuất không cao, thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn của huyện đạt thấp. Vào thời điểm huyện bắt đầu triển khai xây dựng nông thôn mới ở tất cả các xã trên địa bàn huyện, chỉ có xã Mỹ Long Nam được đánh giá đạt tiêu chí thu nhập.

Khi triển khai thực hiện CT MTQG XD NTM với nhiều chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội được thực hiện lồng ghép. Kết cấu hạ tầng nông thôn như giao thông, thủy lợi, điện, chợ nông thôn… được đầu tư, đáp ứng nhu cầu sản xuất, kinh doanh. Trong lĩnh vực nông nghiệp, người dân mạnh dạn chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa và phát triển bền vững, mở rộng liên doanh, liên kết theo chuỗi giá trị; ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng các loại giống có năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế cao, xây dựng cánh đồng lớn, cải tạo vườn tạp, chuyển đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng màu, nuôi thủy sản. Phát triển mạnh vùng nuôi thủy sản cho lợi nhuận trung bình từ 150 - 250 triệu đồng/ha/vụ, cao gấp từ 20 lần trở lên so với trồng lúa. Sản xuất một số loại cây màu có giá trị kinh tế cao[[17]](#footnote-17), có thị trường tiêu thụ ổn định, nhất là các loại cây màu thực phẩm, rau ngắn ngày (mùa nghịch) sản lượng đạt khá cao, lợi nhuận trung bình từ 30 - 50 triệu đồng/ha/vụ, cao gấp từ 5 lần trở lên so với trồng lúa.

Trong lĩnh vực công nghiệp - thương mại, xây dựng, dịch vụ, nhiều doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh cá thể thành lập mới, hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Lao động làm công ăn lương thuộc khu vực Nhà nước, tại doanh nghiệp và hộ sản xuất kinh doanh cá thể mang lại thu nhập tương đối khá cho người dân trên địa bàn huyện...

Thu nhập bình quân đầu người năm 2021 là 55,19 triệu đồng/người/năm *(tăng 42,48 triệu đồng so với cuối năm 2010)*, ước cuối năm 2022, thu nhập bình quân đầu người đạt 62,41 triệu đồng/người/năm.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 10 về Thu nhập theo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.3.2. Nghèo đa chiều***

Cuối năm 2010, kết quả toàn huyện còn 8.924 hộ nghèo, chiếm 27,5%, hộ cận nghèo 3.970 hộ, chiếm 12,23%. Cùng với việc thực hiện cơ cấu lại ngành kinh tế của huyện, trong những năm qua huyện thu hút đầu tư, đẩy mạnh phát triển doanh nghiệp, tăng cường công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm và xuất khẩu lao động, triển khai thực hiện nhiều chính sách an sinh xã hội, hỗ trợ nông nghiệp, nông thôn, chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách giảm nghèo kịp thời cho người dân. Đến cuối năm 2021 theo kết quả Tổng điều tra, rà soát theo Nghị định 07/2021/NĐ-CP, tổng số hộ nghèo trên địa bàn huyện còn 2.328/37.507 hộ, chiếm tỷ lệ 6,21% *(giảm 21,29% so với cuối năm 2010).* Thực hiện đến cuối năm 2022, tỷ lệ nghèo đa chiều của huyện giảm dưới 4%.

*Đánh giá:* *13/13 xã đạt tiêu chí số 11 về Hộ nghèo theo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.3.3. Lao động***

Lực lượng lao động qua đào tạo của huyện ngày càng được nâng lên, học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông tiếp tục học đại học, cao đẳng, trung cấp,.. chiếm tỷ lệ càng cao, lực lượng lao động được đào tạo và đã tốt nghiệp đạt một trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ nhất định trên địa bàn huyện càng nhiều; công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho phát triển nông nghiệp, nông thôn được tăng cường. Từ năm 2011 đến nay, công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn có nhiều thay đổi, thu hút nhiều lao động tham gia, huyện đã mở được 127 lớp đào tạo cho 2.966 học viên, gồm các ngành thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phi nông nghiệp. Ngoài ra còn tổ chức được 2.804 cuộc tập huấn kỹ thuật sản xuất nông nghiệp cho 83.637 lượt nông dân để nâng cao kỹ năng, tay nghề. Một bộ phận lao động trên địa bàn huyện do tự học, do được truyền nghề và thực tế đã từng làm một công việc thời gian từ 03 năm trở lên các nghề như sửa xe, cắt tóc, may mặc, thợ hồ,… Từ đó, lao động qua đào tạo trên địa bàn huyện đạt 79,81%; lao động qua đào tạo có văn bằng, chứng chỉ chiếm 36,92%.

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 12 về Lao động việc làm theo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.3.4. Về Tổ chức sản xuất và Phát triển kinh tế nông thôn***

Hình thức tổ chức sản xuất trong nông nghiệp từng bước được đổi mới theo hướng hiện đại. Thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 18/3/2002 Hội nghị lần thứ 5, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể; Luật Hợp tác xã năm 2012; Kết luận số 56-KL/TW ngày 21/02/2013 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khóa IX) “về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể” và các Kế hoạch của Tỉnh ủy, Huyện ủy “về xây dựng và phát triển kinh tế tập thể”. Kinh tế tập thể của huyện đã có có những chuyển biến tích cực cả về số lượng, chất lượng mà chủ lực là hình thức hợp tác xã hoạt động trên các lĩnh vực với qui mô, trình độ khác nhau, nhất là trong nông nghiệp, nông thôn đã hỗ trợ tốt hơn cho kinh tế hộ thành viên, tạo việc làm và thu nhập thường xuyên cho người lao động, đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Vốn góp cổ phần của hợp tác xã (HTX) thành lập mới cao hơn so với nhiều năm trước, trách nhiệm và quyền lợi của thành viên trong tham gia quản lý điều hành HTX được đảm bảo. Các HTX nông nghiệp có chiều hướng phát triển đa ngành nghề, kinh doanh tổng hợp nhằm phục vụ tốt hơn cho nhu cầu thành viên. Đời sống của thành viên HTX và người lao động được tăng lên so với nhiều năm trước. Xu thế hợp tác liên kết giữa các HTX với các cơ quan nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế khác nhau được tiếp tục mở rộng,… Kinh tế tập thể từng bước khẳng định được vai trò quan trọng và là nhân tố tích cực góp phần bảo đảm an sinh xã hội, ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Vào cuối năm 2010, toàn huyện có 09 HTX hoạt động trong lĩnh vực thuần sản xuất nông nghiệp; đến nay trên địa bàn các xã có 24 HTX Nông nghiệp, hoạt động gắn với thương mại, dịch vụ và thị trường tiêu thụ sản phẩm, với tổng số 1.270 thành viên, vốn điều lệ 16 tỷ 936 triệu đồng *(tăng 15 HTX so với cuối năm 2010).* Các hợp tác xã đã có nhiều hợp đồng hợp tác, liên kết với nhau và với các doanh nghiệp đối tác; thực hiện liên kết theo chuỗi giá trị, gắn với thị trường trong và ngoài tỉnh, điển hình như: HTX Nông nghiệp Ngọc Thạch liên kết với các tổ hợp tác và nông dân sản xuất gắn với tiêu thụ lúa giống, cây giống; HTX Nông nghiệp Hòa Hưng thực hiện liên kết sản xuất, tiêu thụ đậu phộng; HTX Nông nghiệp Nhật Linh liên kết sản xuất, tiêu thụ bắp và sản phẩm Trà sâm Bố Chính (đồng thời đang phát triển sản phẩm Trà sâm Bố Chính thành sản phẩm OCOP của HTX); Hợp tác xã nghêu Thành Công, Đồng Tiến liên kết, mở rộng thị trường tiêu thụ ra ngoài tỉnh,…

Các hợp tác xã đều được thành lập và chuyển đổi hoạt động theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã năm 2012, có tổ chức bộ máy cụ thể, phân công trách nhiệm rõ ràng, được hỗ trợ tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ quản lý, kế toán hợp tác xã; xây dựng điều lệ hoạt động, phương án sản xuất, kinh doanh, hằng năm có xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cung cấp dịch vụ của hợp tác xã.

Các chính sách hỗ trợ, phát triển kinh tế tập thể, HTX được huyện quan tâm triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần nâng cao năng lực quản trị, điều hành và hoạt động của HTX, cụ thể như: Hỗ trợ kinh phí thành lập mới 04 HTX, số tiền 120 triệu đồng; hỗ trợ 18 lao động có trình độ đại học về làm việc tại 10 HTX với số tiền là 953,235 triệu đồng; có 02 HTX nuôi nghêu (Đồng Tiến và Thành Công) được UBND tỉnh giao đất cho quản lý với tổng diện tích là 250ha; hỗ trợ 1 tỷ 480,86 triệu đồng cho HTX liên kết thực hiện phát triển sản xuất như đầu tư nhà lưới trồng rau an toàn, thực hiện các mô hình sản xuất mới áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Thông qua Hợp tác xã, các xã thực hiện được các mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực đảm bảo bền vững như Dự án liên kết sản xuất, tiêu thụ lúa hàng hóa của xã Hiệp Hòa, Kế hoạch liên kết sản xuất tiêu thụ Bí đỏ của xã Mỹ Long Bắc, liên kết trồng bắp giống với công ty Syngenta và công ty Giống cây trồng miền Nam của xã Nhị Trường, liên kết trồng đậu bắp giống với công ty Giống cây trồng miền Nam của xã Long Sơn,…

Các xã thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương.

Huyện đã triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường tại 02 làng nghề: Làng nghề Bánh tét Trà Cuôn (xã Kim Hòa); Làng nghề khai thác, đánh bắt và sơ chế thủy sản (thị trấn Mỹ Long).

Các xã đều có tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 13 về Tổ chức sản xuất theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.4. Về phát triển giáo dục, y tế, văn hóa và môi trường***

Các nội dung về văn hóa, giáo dục, y tế và công tác bảo vệ môi trường luôn được Ủy ban nhân dân huyện xác định là nhiệm vụ quan trọng và cấp bách trong phát triển kinh tế - xã hội của huyện, đặc biệt là trong dựng nông thôn mới.

***2.4.1. Về Giáo dục và Đào tạo***

Cuối năm 2010, phổ cập giáo dục tiểu học, phổ cập giáo dục trung học cơ sở, phổ cập giáo dục xóa mù chữ ở 15 xã, thị trấn chỉ đạt mức độ 1.

Từ khi triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, chất lượng giáo dục trên địa bàn 13 xã từng bước được củng cố và nâng lên. Việc chăm sóc giáo dục trẻ em luôn được quan tâm đúng mức; tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%, học sinh hoàn thành chương trình tiểu học đạt 100%. Công tác phổ cập giáo dục các cấp học luôn được đẩy mạnh, từ đó đã tạo điều kiện thuận lợi để duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Có 13/13 xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học đạt mức độ 3; phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 3*;* đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2.

Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở năm học 2020 - 2021 được tiếp tục học trung học năm học 2021 - 2022 là 94,37% (1.224/1.297 học sinh). Tất cả 13/13 xã đều có tỷ lệ học sinh tốt nghiệp THCS năm học 2020 - 2021 được tiếp tục học trung học *(phổ thông, bổ túc, học nghề)* năm học 2021 - 2022 vượt so với quy định (các xã đều đạt trên 85%).

*Đánh giá: 13/13 xã đạt tiêu chí số 14 về Giáo dục và Đào tạo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.4.2. Về Y tế***

Cuối năm 2010, tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế còn thấp chỉ đạt 56,95%, trong đó chủ yếu các nhóm đối tượng được cấp thẻ là hộ nghèo, cận nghèo, dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, đối tượng bảo trợ xã hội. Còn lại nhóm đối tượng tự tham gia đạt rất thấp, chiếm khoảng 19,18%. Có 9/13 xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã.

Công tác đẩy mạnh tuyên truyền tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện, lập danh sách cấp thẻ bảo hiểm y tế kịp thời cho nhóm đối tượng được hỗ trợ tham gia được quan tâm thực hiện. Ủy ban nhân dân huyện ban hành Quyết định thành lập Ban chỉ đạo thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân, đồng thời phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên gắn với nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị tổ chức thực hiện từng tiêu chí. Việc thành lập Ban chỉ đạo, triển khai thực hiện các chủ trương bảo hiểm y tế toàn dân, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị tích cực tuyên truyền, vận động Nhân dân tham gia bảo hiểm y tế tự nguyện đã góp phần nâng tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế tăng lên đáng kể theo từng năm. Đến nay, tỷ lệ người tham gia bảo hiểm y tế đạt 91% (111.237/122.238 người).

Phòng Y tế Cầu Ngang phối hợp Trung tâm Y tế huyện Cầu Ngang tiếp tục triển khai thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã, kết quả đến nay, chất lượng khám, chữa bệnh tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất y tế được quan tâm, từng bước hiện đại hóa trang thiết bị, góp phần cải thiện đáng kể các chỉ số sức khỏe cộng đồng. Đến nay, có 13/13 xã đạt đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế xã theo Quyết định số 4667/QĐ-BYT của Bộ Y tế và các xã đều duy trì đạt chuẩn sau kiểm tra hàng năm. Chương trình chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em tiếp tục được thực hiện tốt, tỷ lệ tiêm chủng mở rộng hàng năm luôn đạt chỉ tiêu; thực hiện dự án phòng, chống suy dinh dưỡng trẻ em, Trung tâm Y tế huyện đang quản lý 10.094 trẻ em dưới 5 tuổi, trong đó có 646 trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi, chiếm tỷ lệ 6,4%. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử đạt trên 70%.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 15 về Y tế theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.4.3. Về Văn hóa***

Phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*” gắn với xây dựng nông thôn mới được phát huy hiệu quả, đời sống văn hóa tinh thần của người dân được chăm lo. Công tác tuyên truyền vận động người dân tham gia xây dựng nếp sống văn hóa, văn minh được quan tâm chỉ đạo thực hiện, chất lượng gia đình văn hóa – nông thôn mới, ấp văn hóa, xã văn hóa nông thôn mới từng bước được nâng lên, đời sống tinh thần của người dân nông thôn được cải thiện, 100% ấp đã hoàn thành xây dựng và triển khai thực hiện tốt các tiêu chuẩn, quy ước phù hợp với thực tế của từng địa phương. Các phong trào lao động sáng tạo, nêu gương người tốt, việc tốt, thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang, lễ hội được quan tâm. Phong trào văn hóa, văn nghệ và thể thao thường xuyên được tổ chức với các hoạt động sinh hoạt văn hoá cộng đồng như: Hội diễn, hội thi văn nghệ, hát đờn ca tài tử và các môn thi đấu thể thao *(bóng đá, bóng chuyền, cầu lông, bi sắt,...).*

Là huyện có đông đồng bào Khmer, chiếm 36,18% dân số chung của huyện, nên công tác giữ gìn và phát huy giá trị bản sắc văn hóa truyền thống của đồng bào Khmer được huyện quan tâm thực hiện tốt. Huyện có 05 đội múa Sadam, 15 đội nhạc ngũ âm, 02 Rô băm, 02 đội văn nghệ quần chúng, 15 đội bóng chuyền, 15 đội bóng đá và 01 đội Ghe ngo, có 02 chùa Phật giáo Nam tông được công nhận di tích lịch sữ cấp tỉnh. Vào các ngày lễ hội truyền thống của đồng bào Khmer *(Chôl - Chnam - Thmây, Senl - Đôl - Ta, Ok Om Bok),* các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, trò chơi dân gian, hội thi biểu diễn trang phục truyền thống, đua ghe Ngo… được tổ chức thu hút đông đảo người dân Kinh - Khmer cùng tham gia thể hiện tinh thần đoàn kết, gắn bó giữa các dân tộc cùng chung sống trên địa bàn huyện.

Đa số đồng bào Khmer theo đạo Phật, đời sống văn hóa tinh thần phong phú và gắn với các Chùa phật giáo Nam tông, trên địa bàn có 23 chùa phật giáo Nam tông, nhiều ngôi chùa có lịch sử hàng trăm năm, trong đó có 02 ngôi chùa được công nhận di tích lịch sử cấp tỉnh.

Việc thực hiện nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội gắn với Phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* trên địa bàn huyện có chuyển biến tích cực, các hủ tục rườm rà, lạc hậu được loại bỏ dần; nét đẹp văn hóa truyền thống và bản sắc văn hóa dân tộc trong các hoạt động lễ hội được giữ gìn và phát huy. Công tác bình đẳng giới, phòng, chống bạo lực gia đình được quan tâm thường xuyên, nhiều câu lạc bộ phòng, chống bạo lực gia đình được phát huy hiệu quả hoạt động. Các hoạt động về văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao được tổ chức thường xuyên, thu hút nhiều người tham gia, phát huy được các thiết chế đã đầu tư, góp phần đáng kể trong luyện tập, nâng cao thể lực, sức khỏe, hạnh phúc gia đình.

Đối với lĩnh vực du lịch: Lễ hội Cúng biển Mỹ Long, các làng nghề thu hút được nhiều du khách tham quan du lịch, góp phần giao lưu văn hóa, giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân. Bên cạnh đó, du lịch tâm linh[[18]](#footnote-18) được quan tâm phát triển ở các chùa. Các điểm du lịch trên địa bàn huyện hàng năm thu hút trên 20.000 lượt khách đến tham quan.

13 xã có 31.022/32.679 hộ gia đình văn hóa - nông thôn mới, đạt 94,93% so với tổng số hộ; có 88/90 ấp đạt chuẩn văn hóa theo Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh về Ban hành tiêu chuẩn “Ấp văn hóa, Ấp nông thôn mới”, “gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, đạt 97,78%; có 13/13 xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới, đạt 100% *(cuối năm 2010, chưa công nhận gia đình văn hóa - nông thôn mới, ấp văn hóa và xã văn hóa - nông thôn mới).*

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 16 về Văn hóa theo theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.4.4. Về môi trường và an toàn thực phẩm***

Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới triển khai, công tác môi trường và an toàn thực phẩm được đặc biệt quan tâm. Huyện đã chỉ đạo các xã nghiêm túc triển khai thực hiện các chủ trương của Trung ương, của tỉnh, huyện về công tác môi trường và an toàn thực phẩm.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy về việc tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng và vệ sinh môi trường tại các đô thị, khu dân cư, trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, huyện đã chỉ đạo các xã thực hiện tốt công tác quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường; tăng cường công tác kiểm tra đối với các cơ sở sản xuất kinh doanh, các cơ sở gây ô nhiễm môi trường, các cơ sở giết mổ và chăn nuôi gia súc, gia cầm; xử lý nghiêm việc vứt rác, xả rác thải sinh hoạt và nước thải trên đường phố, kênh rạch, nơi công cộng; tăng cường công tác giám sát các đơn vị thu gom, vận chuyển xử lý chất thải rắn sinh hoạt, bố trí thùng chứa rác đảm bảo tính mỹ quan trên các đường chính... Xem công tác phối hợp thực hiện, kiểm tra, giám sát vấn đề về môi trường, xây dựng cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn là nhiệm vụ quan trọng, thường xuyên và lâu dài, là nhiệm vụ của mỗi người, mỗi cấp, mỗi cơ quan, đơn vị. Từ đó, môi trường vùng nông thôn trên địa bàn huyện đã có những thay đổi tích cực.

Các chỉ tiêu về môi trường được các xã thực hiện đạt:

+ Đến nay trên địa bàn các xã có 11 Trạm cấp nước/Nhà máy nước tập trung, công suất các trạm cấp nước đảm bảo cung cấp đủ nước sinh hoạt cho người dân, cụ thể có 20.422 hộ dân nông thôn sử dụng nước sạch, đạt 62,49% (20.422 hộ/32.679 hộ)*.*

+ Các cấp, các ngành huyện tập trung thực hiện tốt công tác tuyên tuyền, vận động tất cả các cơ sở sản xuất - kinh doanh, chăn nuôi, chế biến lương thực, thực phẩm, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nuôi thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về công tác bảo vệ môi trường. Qua kiểm tra, các cơ sở đều đảm bảo vệ sinh, đảm bảo quy định về môi trường, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường. Đến nay, trên địa bàn 13 xã có 563 cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi thủy sản thuộc đối tượng có đăng ký thủ tục môi trường và thực hiện đầy đủ, đúng các nội dung về bảo vệ môi trường đã cam kết, đạt tỷ lệ 100%*.* Các cơ sở có gây tác động đến môi trường đều có các biện pháp, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường để thu gom, phân loại, lưu giữ, tái chế, thu hồi hoặc xử lý chất thải *(nước thải, khí thải, chất thải rắn)* đúng quy định. Các cơ sở nuôi thủy sản trên địa bàn huyện chủ yếu với quy mô hộ gia đình, đều tuân thủ theo quy hoạch nuôi thủy sản của huyện, nước thải nuôi thủy sản được xử lý qua ao lắng và dùng chất khử trùng diệt khuẩn trước khi thải ra môi trường.

Trên địa bàn huyện có 02 làng nghề truyền thống đều thực hiện đầy đủ hồ sơ, thủ tục về Phương án bảo vệ môi trường làng nghề đúng theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp, an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung:

+ Về xây dựng cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn: Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, Chỉ thị số 48-CT/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 01/KH-UBND, Kế hoạch số 52/KH-UBND của UBND tỉnh về xây dựng cảnh quan môi trường, hệ thống cây xanh trên địa bàn được tăng cường trồng mới phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt, đảm bảo cảnh quan cũng như cải thiện môi trường không khí, đặc biệt tại trụ sở cơ quan, trường học, các tuyến đường giao thông... Các tuyến đường làng, ngõ xóm, kênh mương, ao hồ và các khu vực công cộng được vệ sinh môi trường thường xuyên sạch sẽ, thông qua các phong trào "*Thứ bảy tình nguyện*", *“Chủ Nhật xanh”* của các xã; phong trào “*5 không 3 sạch*”, của Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên, *“Câu lạc bộ bảo vệ môi trường”* của Hội Cựu chiến binh; 100% số xã đạt chỉ tiêu đường làng, ngõ xóm, cảnh quan từng hộ xanh - sạch - đẹp. Toàn huyện xây dựng được 15 tuyến đường xanh - sạch - đẹp, với chiều dài 48,1 km; 118 tuyến đường hoa, với chiều dài 205 km, trồng các loại cây như: kim phượng, hoàng yến, hoa giấy,....trên các tuyến Quốc lộ, đường tỉnh, đường huyện và dọc các tuyến đường giao thông nông thôn, tạo vẽ mỹ quan nông thôn mới. Thực hiện Chương trình *“Thắp sáng đường quê”*, nhìn chung 100% Tỉnh lộ, Hương lộ, đường liên ấp, những tuyến đường có đông dân cư sinh sống, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại vào ban đêm, góp phần bảo đảm an ninh trật tự xóm ấp, khu dân cư.

+ Nước thải tại các khu dân cư tập trung ở các xã đều có hệ thống tiêu thoát nước thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước của khu vực, không có tình trạng ứ đọng gây ô nhiễm môi trường. Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TU, hàng tuần các địa phương tổ chức khai thông cống rãnh, tạo dòng chảy thông thoáng, đảm bảo nhu cầu thoát nước; phát hoang bụi rậm, vệ sinh cải thiện cảnh quan môi trường. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có phát sinh nước thải sản xuất đều có biện pháp thu gom, xử lý đạt quy chuẩn trước khi thải ra môi trường.

+ Các xã trên địa bàn huyện đều triển khai cho các ấp thực hiện Quy ước bảo vệ môi trường và được Ủy ban nhân dân huyện phê duyệt gắn với Quy ước văn hóa.

Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ở các xã đều đạt trên 2m2/người.

Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch: Trên địa bàn các xã đều có Nghĩa trang Nhân dân, có xây dựng Quy chế quản lý nghĩa trang và được UBND huyện phê duyệt. Ngoài ra còn có 24 nhà hỏa táng của đồng bào Khmer và các khu đất thánh do đồng bào công giáo lập dùng để chôn cất giáo dân qua đời.

Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định:

+ *Đối với chất thải rắn sinh hoạt:* Dân số toàn huyện là 122.238 người, tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 58,8 tấn/ngày (trong đó quy mô dân số đô thị là 10.288 người, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là 8,4 tấn; quy mô dân số nông thôn là 111.950, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là 50,4 tấn)[[19]](#footnote-19). Triển khai thực hiện thu gom rác thải sinh hoạt theo Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 của Ủy ban nhân dân huyện, hình thức vận hành bằng 02 xe ô tô chuyên dùng và bố trí 1.787 thùng rác hiện hữu, 01 lò đốt rác thải sinh hoạt công suất 500 kg/giờ tại Bãi rác cụm xã Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông và thị trấn Mỹ Long (Bãi rác cụm xã) thuộc ấp Nhứt A, xã Mỹ Long Bắc, đảm bảo công tác vệ sinh môi trường. Trên các trục đường chính và các chợ đều được bố trí thùng rác và có xe thu gom rác chuyên dụng do Doanh nghiệp tư nhân Thanh Triều thu gom, vận chuyển về Bãi rác cụm xã khoảng 22,5 tấn/ngày để xử lý đốt, khối lượng trung bình khoảng 9,7 tấn/ngày. Rác thải sinh hoạt phát sinh còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư hỗ trợ, với 1.350 thùng, 1.350 hộ (tương đương khoảng 4.576 người) xử lý rác được khoảng 2,05 tấn/ngày. Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom thì người dân thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt theo hướng dẫn của chính quyền địa phương bằng cách phân loại, đào hố chôn lấp, ủ phân hữu cơ *(hình thức hố rác di động)* trong khuôn viên đất tại hộ gia đình với 26.602 hộ *(tương đương 63.138 người)*, xử lý khối lượng ước 28,4 tấn/ngày; nâng tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý 52,95 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 90,05%.

*+ Đối với chất thải rắn không nguy hại (chủ yếu phát sinh từ hoạt động xây dựng):* Các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn tương đối ít, chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, cá nhân; hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu.

Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường:

*+* Đối vớibao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng*:* Bao gói thuốc bảo vệ thực vật chứa thành phần nguy hại và tồn lưu lâu ngoài môi trường, UBND huyện chỉ đạo tuyên truyền đến nông dân tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào các bể chứa. Huyện đã bố trí 334 bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Đồng thời, tiếp tục tuyên truyền và nhân rộng mô hình bể chứa để hạn chế tình trạng nông dân thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ra đồng ruộng. Riêng năm 2022, huyện dự kiến hợp đồng với đơn vị chức năng tổ chức thu gom, xử lý, ước khối lượng khoảng 15 tấn.

+ Đối với chất thải rắn y tế: Tất cả các Trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh tư nhân đều có ký hợp đồng với Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang xử lý chất thải y tế khi phát sinh. Tổng lượng chất thải y tế được xử lý năm 2021 là 11,124 tấn, đạt 100%.

Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch: Thực hiện nề nếp theo chuẩn gia đình văn hóa - nông thôn mới, đến nay, tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch trên địa bàn 13 xã nông thôn mới là 28.741 hộ, đạt 87,95% (28.741 hộ/32.679 hộ).

Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường: Trong chăn nuôi, các xã thường xuyên làm tốt công tác tuyên truyền, vận động các hộ, cơ sở chăn nuôi có ý thức về vệ sinh thú y, bảo vệ môi trường, hướng dẫn xử lý chất thải trong chăn nuôi cũng như vận động người chăn nuôi xây dựng hầm biogas đảm bảo vệ sinh môi trường. Cơ sở chăn nuôi đảm bảo điều kiện vệ sinh thú y theo quy định của Luật Thú y. Chuồng trại đảm bảo vệ sinh, chất thải chăn nuôi cơ bản được thu gom xử lý theo Quyết định số 08/2013/QĐ-UBND ngày 20/3/2013 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc ban hành quy định về bảo vệ môi trường đối với cơ sở chăn nuôi, giết mổ gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Các xã có 14.153 hộ, cơ sở chăn nuôi chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường, đạt tỷ lệ 84,13% (14.153 hộ, cơ sở/16.822 hộ, cơ sở).

Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm: Ban chỉ đạo liên ngành về vệ sinh an toàn thực phẩm huyện thường xuyên phối hợp với các xã tuyên truyền về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Vào các dịp lễ, tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm, các xã phối hợp thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm. Trên địa bàn các xã có 22.807 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm, đạt 100%. Từ năm 2011 đến nay huyện không xảy ra ngộ độc thực phẩm ở địa bàn vùng nông thôn.

Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn: Trong thời gian qua, công tác bảo vệ môi trường được các ngành, các cấp đặc biệt quan tâm; việc tập trung thu gom, xử lý chất thải rắn ở vùng nông thôn được cải thiện. Huyện đã triển khai đẩy mạnh công tác tuyên truyền về ý nghĩa của việc phân loại rác tại nguồn và nguy cơ xảy ra nếu không phân loại, để người dân hiểu và thực hiện phân loại rác thường xuyên hơn. 13/13 xã trên địa bàn huyện được triển khai mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt; qua đó, có 13.249 hộthực hiện, đạt 40,5% (13.249 hộ/32.679 hộ).

Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:

+ Hiện nay, việc lạm dụng sử dụng sản phẩm nhựa, nhất là túi ni lon khó phân hủy, sản phẩm nhựa dùng một lần đã và đang để lại những hậu quả nghiêm trọng đối với môi trường, rác thải nhựa ngày càng gia tăng đáng kể, gây ra tác động tiêu cực nghiêm trọng đến môi trường, ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe của Nhân dân và sự phát triển kinh tế - xã hội. Nhận thức được các tác hại mà chất thải nhựa gây ra, thực hiện theo sự chỉ đạo của tỉnh, huyện đã phát động tới các xã thực hiện phong trào chống rác thải nhựa, qua đó nhiều tổ chức và các cá nhân, hộ gia đình đã có hành động thiết thực, ý nghĩa, hiệu quả để chống, giảm thiểu rác thải nhựa bằng các biện pháp như thu gom, tái sử dụng, xử lý theo quy định. Trường học và các ngành đoàn thể huyện cũng tự phân loại bán cho các cơ sở thu mua phế liệu. Trên địa bàn huyện hiện chưa có đơn vị có chức năng tái chế chất thải nhựa nên chủ yếu một phần chất thải nhựa được bán phế liệu để chuyển đến các cơ sở tái chế tại các địa phương khác.

+ Năm 2022, Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp tục triển khai mô hình thí điểm giảm thiểu và thu gom rác thải nhựa trên địa bàn huyện thuộc Dự án Điều tra hiện trạng phát sinh rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đề xuất biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế phù hợp với điều kiện kinh tế Trà Vinh tại các xã Kim Hòa, Nhị Trường và Hiệp Mỹ Tây. Phòng Tài nguyên và Môi trường năm 2021 đã triển khai 04 mô hình thu gom xử lý rác thải nhựa cho trường học; năm 2022, triển khai 09 mô hình thu gom xử lý rác thải nhựa cho các xã khu vực dân cư tập trung [[20]](#footnote-20). Hiện tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định chiếm trên 50% lượng chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn vùng nông thôn (18.637 hộ/32.679 hộ).

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 17 về Môi trường và An toàn thực phẩm theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

**2.5. Về xây dựng hệ thống tổ chức chính trị - xã hội và giữ gìn an ninh trật tự**

***2.5.1. Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật***

Hệ thống chính trị ở cấp xã thường xuyên được củng cố, kiện toàn, đảm bảo đủ số lượng và chất lượng. Đảng bộ, chính quyền, đoàn thể chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới luôn phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao. Các nội dung về quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện luôn được Ủy ban nhân dân huyện chỉ đạo tới các đơn vị có thẩm quyền triển khai thực hiện.

Trước năm 2011, số lượng cán bộ, công chức các xã đủ theo quy định, nhưng về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ một số ít chưa đạt theo tiêu chuẩn quy định của Bộ Nội vụ. Đến nay, tổng số cán bộ, công chức của 13/13 xã đều đạt chuẩn theo quy định của Bộ Nội vụ, đảm bảo hoàn thành hiệu quả công việc trong giai đoạn hiện nay.

Cuối năm 2021, qua kiểm tra, đánh giá, xếp loại Đảng bộ xã, có 6/13 xã “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”; 7/13 xã “Hoàn thành tốt nhiệm vụ”; 100% chính quyền xã đạt danh hiệu*“Chính quyền cơ sở vững mạnh và hoàn thành tốt nhiệm vụ”;* các tổ chức chính trị - xã hội của 13 xã đều được cơ quan cấp trên công nhận đạt loại khá trở lên.

Qua kiểm tra đánh giá cuối năm 2021, có 13/13 xã nông thôn mới đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, được Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định công nhận xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

Công tác bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình được quan tâm, có 13/13 xã có tỷ lệ cán bộ nữ tham gia Ủy viên Ban chấp hành Đảng bộ đạt trên 15%, 13/13 xã có quy hoạch lãnh đạo chủ chốt là nữ; 13/13 xã có phụ nữ thuộc diện hộ nghèo, phụ nữ khuyết tật được tạo điều kiện vay vốn ưu đãi từ các chương trình, vốn ngân hàng chính sách; có xây dựng kế hoạch và thực hiện quán triệt, tuyên truyền phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn; mỗi ấp có trưng dụng Nhà văn hóa ấp làm nhà tạm lánh.

Hàng năm, từ nguồn vốn sự nghiệp Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, nguồn lồng ghép từ ngân sách, tỉnh, huyện có xây dựng kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới cho người dân, Ban phát triển các ấp, nâng đến nay được93 cuộc tập huấn cho 1.955 người dân và 630 người thuộc Ban phát triển các ấp.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 18 về Hệ thống chính trị và Tiếp cận pháp luật theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

***2.5.2. Quốc phòng và an ninh***

- 13/13 xã có đội ngũ cán bộ Ban chỉ huy quân sự cấp xã được tổ chức biên chế theo quy định. Chỉ huy trưởng, Phó chỉ huy trưởng được đào tạo từ trung cấp ngành quân sự cơ sở trở lên; hàng năm, xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, tham gia tập huấn, huấn luyện bồi dưỡng về chính trị, quân sự, pháp luật và nghiệp vụ chuyên môn đảm bảo đúng và hoàn thành. Các xã đều bố trí phòng làm việc cho Ban chỉ huy quân sự cấp xã, phòng nghỉ cho dân quân trực thường xuyên cũng như khi tập trung trực sẵn sàng chiến đấu, bảo đảm trang thiết bị cho dân quân trực đúng theo quy định. Hàng năm, tổ chức đăng ký, quản lý công dân trong độ tuổi dân quân, phát triển mới và xây dựng lực lượng dân quân bảo đảm chất lượng, biên chế đúng theo đề án của Ủy ban nhân dân tỉnh và Luật Dân quân tự vệ. Tính đến nay lực lượng dân quân tự vệ toàn huyện đạt 1,45% so với dân số, đảng viên chiếm 23,86% tổng số lực lượng dân quân. 100% chi bộ quân sự có chi ủy và 100% Tiểu đội trưởng, Ấp đội trưởng và tương đương trở lên là đảng viên.

Hàng năm, huyện đều hoàn thành chỉ tiêu gọi công dân nhập ngũ, 100% quân nhân hoàn thành nghĩa vụ quân sự trở về địa phương được đăng ký, quản lý theo luật. Huy động và triển khai thực hiện tốt công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn. Chủ trì phối hợp thực hiện có hiệu quả công tác quốc phòng, quân sự theo sự lãnh chỉ đạo của cấp uỷ, chính quyền cùng cấp và chỉ thị, mệnh lệnh, hướng dẫn của cơ quan quân sự cấp trên.

- Những năm trước đây, tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn huyện còn diễn biến phức tạp. Các tổ chức phản động bên ngoài đẩy mạnh hoạt động tuyền truyền xuyên tạc, tình hình trong dân tộc, tôn giáo, tranh chấp, khiếu kiện, các loại tội phạm từng lúc, từng nơi còn diễn biến phức tạp.

Khi thực hiện CT MTQG xây dựng nông thôn mới, tình hình an ninh chính trị, trật tự xã hội trên địa bàn các xã trong những năm qua được giữ vững và ổn định. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị và Nhân dân, thực hiện nhiều biện pháp phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội gắn với thực hiện Phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc, chủ động đấu tranh phòng, chống các loại tội phạm, ma túy, bài trừ các tệ nạn xã hội,... ngày càng được củng cố và phát triển tốt; Nhân dân tham gia các mô hình tự quản về an ninh tổ quốc ở địa phương ngày càng nhiều hơn và có ý thức tốt hơn trong việc phát hiện, tố giác và đấu tranh với các loại tội phạm, có nhiều cá nhân tập thể phát hiện, vây bắt tội phạm. Hiện trên địa bàn huyện có 12 loại mô hình với 132 câu lạc bộ, 1.377 tổ tự quản hoạt động có hiệu quả.

Có 13/13 xã trên địa bàn huyện đạt tiêu chí 19.2 thuộc tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh trong Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 và xã đạt chuẩn “An toàn về an ninh trật tự” theo Thông tư 23/2012/TT-BCA, ngày 27/4/2012 (nay là Thông tư 124/2021/TT-BCA, ngày 28/12/2021) của Bộ Công an quy định về “khu dân cư, xã, phường, thị trấn, cơ quan doanh nghiệp, nhà trường đạt chuẩn về ANTT”.

Đánh giá: *13/13 xã đạt tiêu chí số 19 về Quốc phòng và An ninh theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1306/QĐ-UBND ngày 13/7/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025.*

**3. Kết quả thực hiện các tiêu chí huyện nông thôn mới**

***3.1. Tiêu chí 1 về Quy hoạch***

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** có 02 nội dung

Nội dung thứ 1. Có quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt còn thời hạn hoặc được rà soát, điều chỉnh theo quy định, trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn.

Nội dung thứ 2. Có công trình hạ tầng kỹ thuật thiết yếu hoặc hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt ≥ 01 công trình.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*+ Thực trạng của tiêu chí trước khi triển khai thực hiện*

Giai đoạn 2010 - 2020, Huyện đã được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất 05 năm kỳ đầu (2011-2015) huyện Cầu Ngang theo Quyết định số 528/QĐ-UBND ngày 21/4/2014; phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Cầu Ngang đến năm 2020 theo Quyết định số 2066/QĐ-UBND ngày 08/12/2014; phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2011-2015, có xét đến năm 2020 theo Quyết định số 2060/QĐ-UBND ngày 07/12/2011; phê duyệt Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và ngành nghề nông thôn đến năm 2020, huyện Cầu Ngang theo Quyết định số 6152/QĐ-UBND ngày 29/12/2012. Giai đoạn này, huyện chưa xây dựng Quy hoạch vùng huyện.

*+ Kết quả triển khai thực hiện*

**Nội dung thứ 1.** Trên cơ sở Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/03/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và bộ tiêu chí Quốc gia về huyện nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025, nhằm tạo cơ sở, tiền đề quản lý, định hướng phát triển huyện Cầu Ngang kết nối đồng bộ, đảm bảo hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp, Phòng Kinh tế và Hạ tầng đã tham mưu Ủy ban nhân dân huyện hoàn thành công tác lập quy hoạch vùng huyện và được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 7/4/2022 về phê duyệt Đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh đến năm 2040 (có quy định quản lý xây dựng theo quy hoạch kèm theo). Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện đảm bảo đáp ứng yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp và yêu cầu xây dựng nông thôn mới*,* và đã tổ chức công bố công khai theo quy định.

**Nội dung thứ 2.** **Huyện có công trình hạ tầng xã hội thiết yếu được đầu tư xây dựng theo quy hoạch xây dựng vùng huyện đã được phê duyệt:**

- Huyện được Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh đầu tư cải tạo mở rộng và nâng cấp các trường: Trường THPT Dương Quang Đông, trường THPT Nhị Trường, trường THPT Cầu Ngang A, trường THPT Cầu Ngang B, đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn giáo dục quốc gia; theo đó hệ thống trường học hiện hữu trên địa bàn huyện được nâng cấp, cải tạo mở rộng để đảm bảo quy mô phục vụ đáp ứng quy hoạch phát triển đến năm 2040.

- Hệ thống công trình y tế hiện nay đảm bảo phục vụ quy mô toàn huyện. Mỗi xã có 01 trạm y tế, huyện có Bệnh viện đa khoa khu vực huyện Cầu Ngang được đầu tư nâng cấp, mở rộng đạt tiêu chuẩn bệnh viện hạng 3.

- Huyện đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện; Khu sinh hoạt văn hóa thể thao; Quảng trường huyện theo quy hoạch định hướng phát triển hệ thống trung tâm văn hóa - thể dục thể thao trên địa bàn huyện.

***c) Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 1 về Quy hoạch theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

***3.2.* Tiêu chí 2 về Giao thông**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** có 04 nội dung

Nội dung thứ 1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm.

Nội dung thứ 2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch. Đạt 100%.

Nội dung thứ 3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường. Đạt ≥50%.

Nội dung thứ 4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

+ *Thực trạng của tiêu chí trước khi triển khai thực hiện*

- Đường bộ: Hệ thống đường giao thông trên địa bàn huyện vẫn chưa đồng bộ, chưa hoàn chỉnh, đường giao thông nông thôn trên địa bàn các xã chủ yếu có mặt đường nhỏ, hẹp, mặt đường chủ yếu từ 1,5 đến 2,5m, nên chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa của nhân dân, các tuyến đường ngõ xóm còn lầy lội, các tuyến đường trục chính nội đồng chưa được xây dựng kịp thời để phục vụ cho lưu thông hàng hóa, các tuyến liên ấp, trục ấp thiếu và nhiều tuyến đường xuống cấp chưa được duy tu sửa chữa kịp thời.

- Đường thủy: Một số hệ thống kênh chưa được nạo vét để lưu thông dòng chảy, ảnh hưởng đến việc tưới tiêu, nuôi trồng của người dân, một số bến thủy nội địa còn tự phát, chưa được cấp phép.

- Vận tải: Huyện Cầu Ngang có 01 Bến xe khách đạt chuẩn loại VI, đặt tại Khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang. Cuối năm 2010 Cầu Ngang có 212 chiếc ô tô tải và 51 ô tô từ 5 ghế ngồi trở lên. Phương tiện vận tải đường sông gồm 41 chiếc ghe tải và 02 chiếc ghe vận tải. Đã thực hiện vận tải hàng hóa 747 tấn, vận chuyển hành khách 525,216 lượt người.

*+ Kết quả triển khai thực hiện*

**Nội dung thứ 1. Hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đảm bảo kết nối tới các xã và được bảo trì hàng năm:**

- Đường bộ: Trong 12 năm triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, huyện đã huy động nhiều nguồn vốn từ các chương trình, dự án, huy động sự tham gia đóng góp của nhân dân để đầu tư xây dựng các công trình giao thông nông thôn. Kết quả đến nay, hệ thống giao thông trên địa bàn huyện đã được đầu tư nâng cấp cơ bản đồng bộ, thông suốt, đảm bảo kết nối từ trung tâm xã đến trung tâm hành chính huyện và kết nối với các vùng lân cận, các tuyến đường Quốc lộ, tỉnh lộ, Đường huyện, các tuyến đường, cầu giao thông nông thôn đã được đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, mở rộng và duy tu, sửa chữa thường xuyên theo phân cấp quản lý, các tuyến đường đều được thảm nhựa, bê tông hóa đạt 100%, bổ sung, lắp đặt hệ thống biển báo hiệu giao thông đường bộ. Hệ thống cầu trên các tuyến đường huyện đều được xây dựng kiên cố, đáp ứng nhu cầu của người dân, đảm bảo giao thông được thông suốt và an toàn, cụ thể:

Các tuyến đường giao thông trên địa bàn huyện có 502 tuyến đường giao thông nông thôn, với chiều dài 692,93 km, tổng số 271 cầu kiên cố. Có 01 tuyến Quốc lộ 53 đi qua với tổng chiều dài 28,6 km, đặc biệt trong năm 2021 được nâng cấp, mở rộng QL53 với bề rộng mặt đường 11,0 m, nền đường 12,0m, đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho việc đi lại, lưu thông hàng hóa, đặc biệt kết nối với vùng kinh tế biển trọng điểm của tỉnh. Có 02 tuyến đường tỉnh: gồm Đường tỉnh 912, 915B với tổng chiều dài 34,60 km, hiện nay đang được triển khai đầu tư xây dựng đường tỉnh 915B và 09 tuyến đường huyện (Đường huyện 05, 12, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 35) với tổng chiều dài 89,86km, phát triển mới so với năm 2011 01 tuyến đường tỉnh 915B, đặc biệt Đường tỉnh 915 B kết nối Trung tâm Thành phố Trà Vinh qua huyện Cầu Ngang và kết nối với Thị xã Duyên Hải, rút ngắn khoảng cách khoảng 06km so với trước kia, tạo động lực phát triển kinh tế xã hội cho huyện nói riêng và cho tỉnh nói chung, đồng thời giảm áp lực giao thông tuyến QL 53. Huyện có 08 cầu, 03 cống trên các tuyến Đường huyện được đầu tư kiên cố, tải trọng phù hợp cấp đường theo quy hoạch.

Các xã đều có đường ô tô kết nối với Trung tâm hành chính xã; Đường trục ấp, liên ấp được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT với tổng chiều dài 132,04/132,04 km, đạt 100%; Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa đạt 100%, trong đó được cứng hóa đảm bảo đạt cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT là 128,05/182,78km, đạt 70,1%; Đường trục chính nội đồng được cứng hóa đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm và đảm bảo cấp kỹ thuật theo quy định của Bộ GTVT với tổng chiều dài 148,44/222,94km, đạt trên 66,6%.

- Đường thủy: Hiện nay, huyện có một số tuyến giao thông thủy khá thuận lợi. Trong đó Sông Cổ Chiên và cửa Cung Hầu có ý nghĩa quan trọng, đây là điều kiện thuận lợi để giao thương với các huyện và khu vực. Ngoài ra Sông Chà Và – Thâu Râu thông với sông Cổ Chiên có khả năng cho phương tiện có trọng tải lớn khoảng 60 tấn lưu thông dễ dàng; hệ thống Kênh Thống Nhất – kênh Cầu Ngang có khả năng cho phương tiện có trọng tải lớn lưu thông thuận lợi. Sự liên kết của các sông này tạo nên mạng lưới giao thông thủy thông suốt trong vùng.

Huyện quản lý tổng chiều dài 107,02km, các tuyến giao thông thủy trọng yếu đều được lắp đặt biển cảnh báo đảm bảo an toàn cho phương tiện lưu thông. Hệ thống kênh rạch phục vụ vận chuyển hàng hóa, sản xuất nông nghiệp và lưu thông thủy hàng năm được nạo vét, tạo thuận lợi cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa đường thủy đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Bên cạnh, huyện có 05 bến thủy nội địa hoạt động đảm bảo an toàn theo quy định và có 03 bến khách ngang sông được Sở Giao thông Vận tải cấp phép đủ điều kiện hoạt động an toàn theo quy định. Đồng thời, được Ban an toàn giao thông huyện xây dựng mô hình “*Văn hóa giao thông với bình yên sông nước*” và đi vào hoạt động. Hiện nay hệ thống giao thông thủy của huyện tương đối hoàn thiện và thường xuyên được bảo trì hàng năm.

**Nội dung thứ 2. Tỷ lệ km đường huyện đạt chuẩn theo quy hoạch:**

Huyện có 09 tuyến đường huyện (Đường huyện 05, 12, 17, 18, 20, 21, 22, 23, 35); có 01 tuyến Quốc lộ 53 với tổng chiều dài 28,4km; 01 tuyến Tỉnh lộ 912 với chiều dài 15,71km; 09 tuyến đường huyện với tổng chiều dài 86,8km, đạt chuẩn theo quy hoạch 100%.

**Nội dung thứ 3. Tỷ lệ km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến đường:**

Các tuyến đường huyện trên địa bàn được tỉnh quan tâm đầu tư cải tạo, nâng cấp; huyện chỉ đạo các xã thường xuyên phát hoang bụi rậm tạo vẻ thông thoáng, sạch đẹp, trồng cây xanh dọc tuyến tạo cảnh quan, bóng mát, bảo vệ môi trường, tăng cảm giác an toàn khi tham gia giao thông. Tổng số km đường huyện được trồng cây xanh dọc tuyến là 64,55km, đạt tỷ lệ 74,37%.

**Nội dung thứ 4. Bến xe khách tại trung tâm huyện (nếu có theo quy hoạch) đạt tiêu chuẩn loại IV trở lên:**

Trên địa bàn huyện Cầu Ngang hiện có 01 Bến xe khách tại trung tâm huyện đạt loại VI, theo quy hoạch vùng huyện Cầu Ngang được UBND tỉnh Trà Vinh phê duyệt tại Quyết định số 691/QĐ-UBND ngày 7/4/2022 thì huyện đã có quy hoạch Bến xe khách Cầu Ngang di dời về xã Thuận Hòa đạt tiêu chuẩn Bến xe khách loại IV. Huyện đã đầu tư xây dựng bến xe khách của huyện đạt loại IV tại xã Thuận Hòa theo Quyết định phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật số 8871/QĐ-UBND ngày 10/12/2021 của UBND huyện.

***c) Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 2 về Giao thông theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

**3.3. Tiêu chí 3 về Thủy lợi và phòng, chống thiên tai**

**a) *Yêu cầu của tiêu chí:*** có 02 nội dung

Nội dung thứ 1. Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch.

Nội dung thứ 2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*+ Thực trạng của tiêu chí trước khi triển khai thực hiện*

Cuối năm 2010, hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện tuy có đầu tư xây dựng nhưng chưa hoàn chỉnh từ kênh trục chính *(cấp II)* đến các tuyến kênh nhánh nội đồng (cấp III), đê bao chưa được đầu tư đồng bộ, dẫn đến tình trạng một số khu vực còn thiếu nước cục bộ vào mùa khô gây ảnh hưởng cho sản xuất nông nghiệp. Hệ thống thủy lợi của huyện chỉ thực hiện khép kín, chủ động nước phục vụ tưới, tiêu cho 19.125 ha diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện, đạt 71,19% (19.125 ha/26.861,22 ha).

*+ Kết quả triển khai thực hiện*

**Nội dung thứ 1.Hệ thống thủy lợi liên xã đồng bộ với hệ thống thủy lợi các xã theo quy hoạch:**

Các tuyến kênh trục chính, kênh sườn trên địa bàn huyện đều được đầu tư nạo vét thông tuyến và đấu nối với các hệ thống sông chính phù hợp với quy hoạch phục vụ cho sản xuất.

Từ năm 2011 đến nay, đã thực hiện cải tạo, nạo vét 280 công trình kênh cấp II, chiều dài 470.931m, khối lượng đào đắp 3.298.370,07m3; 968 công trình kênh cấp III, chiều dài 669.410m, khối lượng đào đắp 1.642.769,38m3. Đến nay, trên địa bàn huyện có 03 kênh tạo nguồn trục chính với tổng chiều dài 40,5 km; kênh cấp I có 06 kênh với tổng chiều dài 50,865 km; kênh cấp II có 204 kênh với tổng chiều dài 354,138 km; kênh cấp III có 458 kênh với tổng chiều dài 418,192 km; có 04 tuyến đê bao với tổng chiều dài 30,988 km (thuộc xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long, Mỹ Long Nam). Có 32 cống cấp 4, 01 trạm bơm, 01 hồ chứa nước ngọt ở xã Long Sơn.

Hệ thống thủy lợi Nam Măng Thít với các kênh dẫn nước góp phần ngăn mặn cục bộ tạo điều kiện cho huyện phát triển hệ thống thủy lợi nội đồng, phục vụ ngăn mặn và chống triều cường. Hệ thống đê ngăn mặn được đầu tư gia cố thường xuyên góp phần ngăn mặn, bảo vệ các khu dân cư.

Hàng năm huyện có xây dựng kế hoạch và thực hiện duy tu, sửa chữa, nâng cấp thường xuyên hệ thống kênh nội đồng từ nguồn vốn cấp bù dịch vụ công ích thủy lợi; nạo vét các tuyến kênh trục; xây dựng kế hoạch vận hành các cống đầu mối góp phần cho việc điều tiết nước được ổn định mang lại hiệu quả tưới tiêu, rửa phèn, điều hòa và ngăn mặn ở từng tiểu vùng ngày một tốt hơn.

Nhìn chung, hệ thống thủy lợi của huyện đã được thực hiện khép kín, chủ động nước phục vụ tưới, tiêu cho 98% diện tích đất nông nghiệp của toàn huyện (26.139,5 ha/26.672,94 ha).

**Nội dung thứ 2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm 4 tại chỗ:**

Công tác phòng chống thiên tai được quan tâm thực hiện nhằm để chủ động phòng ngừa, ứng phó và khắc phục kịp thời, hiệu quả nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất thiệt hại do thiên tai gây ra, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế, xã hội của huyện.

Hàng năm, huyện thực hiện củng cố, kiện toàn Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp theo quy định của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 18/6/2018 của Chính phủ về công tác phòng, chống thiên tai và Nghị định số 160/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết, thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai. Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện Cầu Ngang được thành lập và được kiện toàn kịp thời theo quy định, hiện Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện được kiện toàn theo Quyết định số 7287/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBDN huyện. Văn phòng thường trực Ban chỉ huy đặt tại Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện. Có Quyết định phân công cụ thể trách nhiệm của từng bộ phận và các thành viên Ban chỉ huy để tham mưu kịp thời cho lãnh đạo trong công tác chỉ đạo, điều hành, chỉ huy thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, đảm bảo triển khai các phương án ứng phó hiệu quả trước, trong và sau khi thiên tai xảy ra.

- 100% số cán bộ cấp huyện tham gia trực tiếp công tác phòng, chống thiên tai được tập huấn nâng cao năng lực, trình độ.

- 100% số đội xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã được hướng dẫn, tập huấn, huấn luyện nghiệp vụ hàng năm đáp ứng yêu cầu ứng phó giờ đầu khi có thiên tai xảy ra.

- Hàng năm, Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn huyện có tham mưu UBND huyện xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án về PCTT; theo dõi, đôn đốc các xã xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch, phương án về PCTT cấp xã.

- UBND huyện phê duyệt Kế hoạch phòng, chống thiên tai trên địa bàn huyện Cầu Ngang giai đoạn 2021 - 2025 tại Quyết định số 329/QĐ-UBND ngày 26/01/2022.

- UBND huyện phê duyệt Phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn phù hợp với quy định, tình hình đặc điểm thiên tai ở địa phương.

- Huyện tổ chức diễn tập các phương án phòng chống thiên tai trên cơ sở quán triệt phương châm "bốn tại chỗ" (chỉ huy tại chỗ, lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ và hậu cần tại chỗ) và chủ động phòng tránh, ứng phó kịp thời, khắc phục khẩn trương và có hiệu quả. Rà soát cập nhật, xác định những khu vực trọng điểm, có nguy cơ khi xảy ra thiên tai trên địa bàn để chủ động di dời dân ra khỏi khu vực nguy hiểm; xây dựng phương án cụ thể và sẵn sàng thực hiện sơ tán khi cần thiết; kiểm tra lực lượng, phương tiện, vật tư, kinh phí để thực hiện tốt phương châm "bốn tại chỗ"; chủ động dự trữ lương thực, thực phẩm, thuốc men, nhu yếu phẩm; bố trí thiết bị, phương tiện cứu hộ, cứu nạn tại chỗ, vật tư và kinh phí dự phòng đến cấp cơ sở.

- Huyện có thực hiện việc lồng ghép nội dung phòng, chống thiên tai vào các Kế hoạch, Quy hoạch của huyện hàng năm và theo từng giai đoạn.

- Thực hiện tốt việc rà soát, bổ sung hệ thống loa đài phục vụ công tác truyền tải thông tin cảnh báo, dự báo thiên tai kịp thời đến người dân các xã. Các điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai có lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo.

- Thường xuyên phối hợp các Sở, ngành có liên quan kiểm tra, xử lý tất cả các vụ vi phạm pháp luật về bảo vệ công trình phòng, chống thiên tai, không để phát sinh những vụ vi phạm mới.

***c) Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 3 về Thủy lợi theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

**3.4. Tiêu chí 4 về Điện**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** Hệ thống điện liên xã đồng bộ với hệ thống điện các xã theo quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*+ Thực trạng của tiêu chí trước khi triển khai thực hiện*

Cuối năm 2010 huyện Cầu Ngang có 231,93 km đường dây trung thế, 325,21km đường dây hạ thế và 332 trạm biến áp với công suất 16.300KVA và có 30.842/32.320 hộ sử dụng điện, đạt 95,43%, có 01 xã đạt tiêu chí 4 về điện (xã Mỹ Long Nam), tuy nhiên do nằm cuối nguồn điện nên nguồn cấp không ổn định, trên địa bàn huyện chưa có lưới điện 220kV, đường dây 110kV độc đạo cấp điện cho toàn huyện nên độ an toàn cấp điện không cao.

*+ Kết quả triển khai thực hiện*

Hệ thống điện trung, hạ áp liên xã trên địa bàn huyện trong thời gian qua được quan tâm đầu tư đồng bộ theo quy hoạch phát triển của ngành điện. Các tuyến đường dây thường xuyên được kiểm tra, nâng cấp và cải tạo đảm bảo đạt các thông số kỹ thuật trong vận hành theo quy định của Bộ Công thương; lưới điện vận hành an toàn, cung cấp điện liên tục, đáp ứng nhu cầu sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất của nhân dân và phát triển kinh tế xã hội.

Toàn huyện có tổng số hộ sử dụng điện là 35.741 hộ, đạt tỷ lệ 99,96% (35.741/35.756 hộ). Tổng số hộ sử dụng điện có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn là 35.695 hộ, đạt tỷ lệ 99,87% (35.695/35.756 hộ).

*Hệ thống điện đầu tư liên xã trên địa bàn huyện gồm:*

Đến nay lưới điện được phân phối đáp ứng cơ bản về yêu cầu kỹ thuật và được kết nối truyền dẫn liên xã, ấp với tổng số có 390,510km đường dây trung thế và 774,349 km đường dây hạ thế và 880 trạm biến áp, dung lượng 75,9MVA (trong đó có 245 trạm 3 pha, 635 trạm 1 pha). Nhìn chung lưới điện hạ thế và nguồn điện đảm bảo chất lượng, phục vụ tốt nhu cầu sản xuất và đời sống của nhân dân. Các công trình trong chế độ làm việc bình thường của đường dây đảm bảo an toàn theo quy định; được lắp đặt nối đất lặp lại cho dây trung tính, nối đất vỏ thiết bị; có đầy đủ biển báo an toàn. Dây dẫn được lắp đặt trên sứ cách điện có xà đỡ sứ, an toàn về dẫn điện, cách điện và cơ học. Cột điện, kết cấu. hỗ trợ chịu lực, móng cột, xà giá đỡ được bảo vệ, chống gỉ, chống xói lở theo quy định.

*Đầu tư hệ thống điện phù hợp với quy hoạch:*

Hệ thống lưới điện trên toàn huyện được đầu tư phù hợp với quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật của cả hệ thống và đáp ứng nhu cầu sử dụng điện trong sinh hoạt, sản xuất và kinh doanh của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Với hệ thống nguồn điện phong phú, đảm bảo cấp điện kịp thời cho các xí nghiệp, nhà máy hoạt động và đảm bảo cung cấp điện liên tục, đầy đủ cho 15 xã, thi trấn.

Hiện nay, ngành điện tiếp tục đầu tư nâng cấp, chỉnh trang hệ thống điện đảm bảo cung cấp điện thường xuyên, an toàn, ổn định đáp ứng nhu cầu sản xuất và sinh hoạt trên địa bàn huyện. Ngoài ra, hệ thống thường xuyên được kiểm tra, bổ sung, nâng cấp đảm bảo gọn gàng, mỹ quan và an toàn

***c) Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 4 về Điện theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

**3.5.****Tiêu chí 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** có 04 nội dung

Nội dung thứ 1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn.

Nội dung thứ 2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã.

Nội dung thứ 3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên. ≥60%.

Nội dung thứ 4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục. Cấp độ 1.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*+ Thực trạng của tiêu chí trước khi triển khai thực hiện*

Năm 2011, huyện có Bệnh viện đa khoa khu vực với quy mô 200 giường bệnh; có Trung tâm Y tế huyện, nhưng chưa đáp ứng nhu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị và nhân sự theo quy định; huyện chưa có Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện; có 04 trường Trung học phổ thông nhưng chưa có trường đạt chuẩn quốc gia; chưa có Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện.

+ *Kết quả triển khai thực hiện:*

**Nội dung thứ 1. Trung tâm Y tế huyện đạt chuẩn:**

Trung tâm Y tế thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch bệnh cũng như các hoạt động y tế khác. Trung tâm y tế huyện được đầu tư xây dựng kiên cố, đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất, nhân lực, trang thiết bị đủ theo quy định của Bộ Y tế cho Trung tâm y tế dự phòng tuyến huyện. (Công văn số 1415/SYT-NVY ngày 24/05/2022 của Sở Y tế Trà Vinh về việc thống nhất Trung tâm Y tế huyện Cầu ngang đạt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ Y tế).

**Nội dung thứ 2. Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện đạt chuẩn, có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã:**

Huyện xây dựng Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện đạt chuẩn theo quy định.

Các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao trên địa bàn huyện ngày càng được nâng cao về chất lượng, nội dung và hình thức, từng bước đáp ứng nhu cầu hưởng thụ văn hóa tinh thần của Nhân dân, phục vụ kỷ niệm các ngày lễ lớn, tết Nguyên đán, lễ hội dân tộc truyền thống. Các giải bóng đá, bóng chuyền cũng thường xuyên được tổ chức tại huyện và các xã, thị trấn thu hút nhiều vận động viên tham gia và phục vụ nhiều lượt người xem.

**Nội dung thứ 3. Tỷ lệ trường Trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 trở lên:**

Trên địa bàn huyện hiện có 04 trường Trung học phổ thông, gồm: Trường THPT Dương Quang Đông, trường THPT Nhị Trường, trường THPT Cầu Ngang A, trường THPT Cầu Ngang B. Qua kiểm tra, đánh giá, huyện có 03 trường: Trường THPT Dương Quang Đông, trường THPT Nhị Trường, trường THPT Cầu Ngang A đạt chuẩn quốc gia (tỷ lệ 75%).

**Nội dung thứ 4. Trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên đạt kiểm định chất lượng giáo dục:**

Trước năm 2011: Gồm 2 đơn vị riêng biệt là Trung tâm Giáo dục thường xuyên - Hướng nghiệp dạy nghề huyện Cầu Ngang và Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm huyện Cầu Ngang. Năm 2013, thành lập Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Dạy nghề huyện Cầu Ngang (được sáp nhập Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Hướng nghiệp dạy nghề huyện Cầu Ngang với Trung tâm Dạy nghề và Giới thiệu việc làm huyện Cầu Ngang theo Quyết định số 619/QĐ-UBND ngày 03/4/2013 của UBND tỉnh Trà Vinh). Thực hiện theo Quyết định số 820/QĐ-UBND ngày 12/4/2016 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc đổi tên Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Dạy nghề huyện Cầu Ngang thành Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên huyện Cầu Ngang.

Trong những năm học qua, được sự lãnh đạo, chỉ đạo chặt chẽ của Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND huyện Cầu Ngang, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên đã có những bước tiến vững chắc trong hoạt động dạy - học và phát triển vững mạnh. Trung tâm có cơ cấu bộ máy đầy đủ theo quy định. Cán bộ quản lý có năng lực và kinh nghiệm quản lý tốt. Chất lượng học tập đảm bảo, cơ sở vật chất phục vụ dạy học bảo đảm. Trung tâm thực hiện tốt công tác xã hội hóa giáo dục để tăng cơ sở vật chất phục vụ dạy - học. Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên được đánh giá đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 1 theo quy định.

***c)*** ***Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 5 về Y tế - Văn hóa - Giáo dục theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

**3.6. Tiêu chí 6 về Kinh tế**

***a)******Yêu cầu của tiêu chí:*** có 04 nội dung

Nội dung thứ 1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn.

Nội dung thứ 2. Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm.

Nội dung thứ 3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện.

Nội dung thứ 4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả.

b***) Kết quả thực hiện tiêu chí***

**Nội dung thứ 1. Có khu công nghiệp, hoặc cụm công nghiệp được đầu tư kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hoặc cụm ngành nghề nông thôn:**

Năm 2010, huyện được quy hoạch 03 cụm công nghiệp: Cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây, Cụm công nghiệp Mỹ Long Bắc, Cụm công nghiệp Long Sơn và 02 làng nghề: Làng nghề Bánh tét Trà Cuôn và Làng nghề Khai thác, đánh bắt và sơ chế thủy sản thị trấn Mỹ Long; trên địa bàn huyện chưa có cụm công nghiệp nào được triển khai từ đó dẫn đến việc kêu gọi đầu tư vào địa bàn gặp nhiều khó khăn.

Thực hiện quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày của UBND tỉnh Trà Vinh; đến nay trên địa bàn huyện Cầu Ngang đã phối hợp với các Sở, ngành tỉnh thực hiện các thủ tục kêu gọi đầu tư, qua đó đã hoàn thành thủ tục và hiện nay nhà đầu tư đã triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây, với quy mô 39,72ha.

**Nội dung thứ 2.Chợ trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm:**

Chợ Cầu Ngang được xây dựng vào năm 1990, tại khóm Minh Thuận A, thị trấn Cầu Ngang, huyện Cầu Ngang, với diện tích 11.650m2. Chợ có trong hệ thống quy hoạch chợ của tỉnh theo Quyết định 418/QĐ-UBND ngày 27/3/2008 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt quy hoạch hệ thống chợ, siêu thị, trung tâm thương mại trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020 và Quyết định số 1583/QĐ-UBND ngày 06/10/2014 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển thương mại tỉnh Trà vinh đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2025. Chợ Cầu Ngang là chợ trung tâm của huyện, trong những năm qua đã góp phần tích cực cho việc trao đổi, mua bán hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa nông sản của người dân trên địa bàn huyện, tuy nhiên vẫn chưa phát huy hết công năng của chợ, Ban quản lý chợ là kiêm nhiệm nên chưa phát huy hết vai trò, công tác đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, phòng chống cháy nổ, sắp sếp ngành hàng,... chưa được quan tâm đúng mức.

Thực hiện Đề án chuyển đổi mô hình quản lý chợ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh đến năm 2020, qua đó UBND huyện đã chỉ đạo khẩn trương thực hiện, vào năm 2018 huyện đã thực hiện chuyển đổi chợ Cầu Ngang sang mô hình Doanh nghiệp/Hợp tác xã kinh doanh, khai thác và quản lý chợ; qua đó đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đã đầu tư sửa chữa, nâng cấp chợ trái cây và chợ rau cải, hệ thống phòng cháy, chữa cháy,… tổ chức kinh doanh khai thác chợ hiệu quả hơn, năng động hơn, giảm bớt gánh nặng cho ngân sách Nhà nước. Bên cạnh đó, các hoạt động dịch vụ trong chợ đã được mở rộng, công năng của chợ được khai thác một cách hiệu quả hơn, công tác vệ sinh môi trường, an toàn phòng cháy và chữa cháy, về chiếu sáng, an ninh trật tự,...được quan tâm và đảm bảo theo quy định.

**Nội dung thứ 3. Hình thành vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực hoặc có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ đối với các sản phẩm chủ lực của huyện:**

Cầu Ngang là huyện có thế mạnh về nông nghiệp, cây trồng chủ lực của huyện được xác định là cây lúa, cây màu thực phẩm (dưa hấu, bí đỏ, bắp,..), cây màu công nghiệp ngắn ngày (đậu phộng); phát triển về chăn nuôi gia súc (bò, heo là đối tượng chủ lực); thủy sản được xem là ngành kinh tế mũi nhọn của huyện, phát triển mạnh các đối tượng là tôm sú, tôm thẻ chân trắng. Vào những năm trước 2011, sản xuất nông nghiệp của huyện từng bước đã phát triển, tuy nhiên chưa ổn định, sản xuất với quy mô nhỏ lẻ, phân tán, chưa hình thành được vùng nguyên liệu tập trung đối với các sản phẩm chủ lực, chưa có mô hình liên kết theo chuỗi giá trị kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ. Toàn huyện có 09 Hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, tuy nhiên các hợp tác xã chỉ hoạt động ở quy mô nhỏ, chưa xây dựng được phương án sản xuất kinh doanh, cũng như thực hiện vai trò liên kết sản xuất tiêu thụ sản phẩm cho thành viên, HTX còn hoạt động theo luật HTX năm 2003.

Tính đến cuối năm 2021: Diện tích gieo trồng lúa cả năm đạt 25.507 ha, năng suất bình quân đạt 5,6 tấn/ha, sản lượng đạt 142.840 tấn. Sản xuất màu tiếp tục phát triển ổn định, diện tích gieo trồng là 18.386 ha. Tổng đàn heo có khoảng 70.000 con. Tổng đàn bò có khoảng 58.000 con, 100% là các giống lai. Nuôi thủy sản với con nuôi chủ lực là tôm sú và tôm thẻ chân trắng mang lại hiệu quả kinh tế cao, thả nuôi tôm sú với diện tích mặt nước 2.660 ha, sản lượng 7.350 tấn, năng suất bình quân 2,76 tấn/ha; thả nuôi tôm thẻ chân trắng với diện tích mặt nước 4.215,5ha, sản lượng 22.750 tấn, năng suất 5,39 tấn/ha.

Huyện đã phê duyệt Quy hoạch chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và ngành nghề nông thôn đến năm 2020 trên địa bàn huyện. Quy hoạch từng tiểu vùng sinh thái gắn kết với từng loại cây trồng, vật nuôi phù hợp với tình hình thực tế. Huyện đã có hình thành các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực trên địa bàn huyện: vùng sản xuất lúa chất lượng cao diện tích 11.420ha ở các xã: Nhị Trường, Trường Thọ, Hiệp Hòa, Kim Hòa; vùng sản xuất đậu phộng diện tích 2.400ha ở các xã Mỹ Long Bắc, Long Sơn, Hiệp Hòa, Mỹ Hòa; vùng sản xuất dưa hấu diện tích 750ha ở các xã Long Sơn, Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam; vùng sản xuất tôm diện tích 4.280ha ở các xã Hiệp Mỹ Tây, Mỹ Long Nam, Hiệp Mỹ Đông, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn. Huyện áp dụng đồng bộ quy trình sản xuất an toàn thực phẩm và phát triển bền vững trên diện tích sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung đối với các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm được sản xuất không tác động xấu tới môi trường đất, nước và hệ sinh thái xung quanh khu vực sản xuất. Các mô hình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm có chứng nhận điển hình như: tôm VietGAP 9,5ha ở xã Thạnh Hòa Sơn, rau an toàn 30,06 ha ở các xã Long Sơn, Nhị Trường, Thuận Hòa, Hiệp Mỹ Tây, Thạnh Hòa Sơn.

Trong những năm qua, việc đổi mới và xây dựng các hình thức tổ chức sản xuất, dịch vụ ở nông thôn từng bước phát triển. Các hình thức liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp đã từng bước hình thành và phát triển đa dạng, phù hợp với điều kiện sản xuất của huyện, một số mô hình liên kết theo chuỗi giá trị đảm bảo an toàn thực phẩm, kết nối từ sản xuất đến tiêu thụ có hiệu quả như: Mô hình sản xuất lúa chất lượng cao, năng suất bình quân 5,8 tấn/ha, có trên 6.000 ha sản xuất lúa chất lượng cao (tập trung ở các xã: Kim Hòa, Hiệp Hòa, Nhị Trường, Trường Thọ, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn); mô hình sản xuất lúa giống, năng suất trung bình 6 tấn/ha, thực hiện ở 02 xã Hiệp Hòa, Trường Thọ; mô hình sản xuất lúa hữu cơ, năng suất bình quân khoảng 4,5 tấn/ha thực hiện ở các xã Long Sơn, Mỹ Hòa, Vinh Kim, Hiệp Hòa và Kim Hòa.

Từ năm 2018 đến nay, nguồn vốn sự nghiệp CT MTQG XD NTM hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm, huyện đã triển khai thực hiện được 10 dự án với tổng kinh phí ngân sách hỗ trợ để thực hiện là 2 tỷ 774,817 triệu đồng, dân đối ứng là 5 tỷ 266,668 triệu đồng, tập trung thực hiện chuỗi giá trị gắn sản xuất với tiêu thụ các cây, con chủ lực như bò, đậu phộng, rau (sản xuất an toàn).

**Nội dung thứ 4. Có Trung tâm kỹ thuật nông nghiệp hoạt động hiệu quả:**

Trung tâm Dịch vụ - Kỹ thuật nông nghiệp của huyện được thành lập, đảm bảo số biên chế, hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ quy định.

***c)*** ***Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 6 về Kinh tế theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

**3.7. Tiêu chí 7 về Môi trường**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** có 08 nội dung

Nội dung thứ 1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh.

Nội dung thứ 2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn. ≥40%.

Nội dung thứ 3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông xã trở lên. ≥01 mô hình.

Nội dung thứ 4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp. ≥01 công trình.

Nội dung thứ 5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu.

Nội dung thứ 6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn. ≥2m2/người.

Nội dung thứ 7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định. ≥50%.

Nội dung thứ 8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định. 100%.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

**Nội dung thứ 1. Hệ thống thu gom, xử lý chất thải rắn trên địa bàn huyện đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường; tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp ≤50% tổng lượng phát sinh:**

*- Tình hình ban hành và thực hiện đề án thu gom, quản lý chất thải rắn:* UBND huyện ban hành Quyết định số 12/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 về việc phê duyệt Phương án giao khoán thu gom và vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện và Quyết định số 832/QĐ-UBND ngày 09/3/2017 về việc phê duyệt Phương án sửa đổi, bổ sung về giao khoán thu gom và vận chuyển rác thải trên địa bàn huyện.

*- Tình hình thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý đối với chất thải rắn sinh hoạt:*

+ Dân số toàn huyện là 122.238 người, tổng lượng rác thải sinh hoạt phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 58,8 tấn/ngày (trong đó quy mô dân số đô thị là 10.288 người, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là 8,4 tấn; quy mô dân số nông thôn là 111.950 người, lượng rác thải sinh hoạt phát sinh là 50,4 tấn). Tại các chợ, các trục lộ chính được bố trí 1.787 thùng rác hiện hữu và có 02 xe chuyên dụng thu gom rác chuyên dùng do Doanh nghiệp tư nhân Thanh Triều thu gom, vận chuyển về Bãi rác cụm xã, khoảng 22,5 tấn/ngày xử lý đốt, với khối lượng trung bình khoảng 9,7 tấn/ngày.

+ Rác thải sinh hoạt phát sinh còn được xử lý bằng phương pháp ủ trong thùng ủ hữu cơ thông qua mô hình do huyện đầu tư hỗ trợ, với 1.350 thùng, 1.350 hộ (tương đương khoảng 4.576 người), xử lý rác khoảng 2,05 tấn/ngày. Đối với các hộ gia đình tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa chưa có xe thu gom rác đến để thu gom thì người dân thực hiện xử lý chất thải sinh hoạt theo hướng dẫn của chính quyền địa phương bằng cách phân loại, đào hố chôn lấp, ủ phân hữu cơ *(hình thức hố rác di động)* trong khuôn viên đất tại hộ gia đình với 26.602 hộ *(tương đương 63.138 người)*, xử lý khối lượng ước 28,4 tấn/ngày; nâng tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý 52,95 tấn/ngày, đạt tỷ lệ 90,05%.

*- Về tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định*: Trên địa bàn huyện không bố trí các điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

*- Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp trên địa bàn huyện:* Các hộ dân, chủ cơ sở tự thu gom, xử lý chất thải rắn nông nghiệp như dùng máy cuộn rơm trữ làm thức ăn cho gia súc, trồng hoa màu các loại, tận dụng một số loại cây hoa màu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm hoặc dùng máy cày, máy xới pha trộn vào đất tạo thành phân hữu cơ tạo độ phì nhiêu cho đất.

*- Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn huyện*: Các công trình xây dựng trên địa bàn phát sinh lượng chất thải rắn tương đối ít, chủ yếu là phát sinh từ công tác xây dựng, cải tạo nhà ở hộ gia đình, cá nhân; hiện các hộ gia đình tự phân loại để bán phế liệu.Chất thải rắn trong xây dựng được các hộ dân, các tổ chức, cá nhân tận dụng dùng san lấp mặt bằng, tôn cao nền nhà...

*- Tình hình thu gom, xử lý chất thải nguy hại (bao bì thuốc bảo vệ thực vật) trên địa bàn huyện:* Bao gói thuốc bảo vệ thực vật chứa thành phần nguy hại và tồn lưu lâu ngoài môi trường. UBND huyện chỉ đạo tuyên truyền đến nông dân tổ chức thu gom bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng vào các bể chứa. Huyện đã bố trí **334** bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật đúng theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2006/TTLT-BNNPTNT-BTNMT. Đồng thời, tiếp tục tuyên truyền và nhân rộng mô hình bể chứa để hạn chế tình trạng nông dân thải bỏ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng trực tiếp ra đồng ruộng. Riêng năm 2022, huyện dự kiến hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom, xử lý, ước khối lượng khoảng 15 tấn.

- *Tình hình thu gom, xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn huyện*:Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang được trang bị hệ thống xử lý chất thải y tế, tất cả các Trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh tư nhân trên địa bàn huyện ký hợp đồng với Bệnh viện xử lý chất thải y tế khi phát sinh. Tổng số lượng chất thải y tế được xử lý năm 2021 là 11,124 tấn, đạt 100%.

*- Tình hình tại các bãi chôn lấp rác thải sinh hoạt của huyện*: Địa bàn huyện hiện có 03 bãi rác:

+ Bãi rác ấp Thủy Hòa, xã Thuận Hòa (diện tích khoảng 1,03 ha): Ngưng tiếp nhận rác sinh hoạt từ năm 2017, UBND huyện đã hoàn thành dự án xử lý ô nhiễm môi trường (hạng mục nâng cấp, cải tạo) và đang thực hiện quy trình đóng cửa và lập báo cáo đúng theo quy định.

+ Bãi rác cụm xã ấp Nhứt A, xã Mỹ Long Bắc (diện tích khoảng 2 ha): Giai đoạn 1, bãi rác xây dựng 1ha dùng làm khu vực chứa rác, với 01 lò đốt rác thải sinh hoạt, công suất 500 kg/giờ. Hiện nay, huyện đang đầu tư giai đoạn 2, các hạng mục tường rào, hố chôn, nhà quản lý, sân phơi rác, nhà bao che, nhà kho chứa bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và nhà kho chứa kính thủy tinh đảm bảo đạt chuẩn và vận hành đúng thiết kế. Bãi rác thường xuyên được phun xịt chế phẩm sinh học, hoạt chất diệt côn trùng nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

+ Bãi rác xã Kim Hòa (diện tích 0,23 ha): Huyện thực hiện hồ sơ, thủ tục di dời toàn bộ lượng rác cũ tồn đọng để đóng cửa bãi rác bảo vệ môi trường, hoàn trả mặt bằng.

*- Tình hình lò đốt chất thải rắn sinh hoạt:* Chỉ định Doanh nghiệp tư nhân Thanh Triều quản lý, vận hành lò đốt rác thải tại Bãi rác cụm xã. Chỉ đạo phòng chuyên môn thường xuyên theo dõi, kiểm tra qua camera giám sát và kiểm tra thực tế tại bãi rác, năng suất trung bình khoảng 9,7 tấn/ngày. Phê duyệt Phương án và dự toán chi phí thực hiện quy trình, thủ tục đấu thầu, xử lý chất thải rắn sinh hoạt theo quy định. Hiện vẫn tiếp tục giao Doanh nghiệp tư nhân Thanh Triều quản lý, vận hành lò đốt rác.

\* Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp:

- Hạn chế xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp chôn lấp trực tiếp bằng cách tăng cường thực hiện tận dụng tối đa lượng chất thải để tái sử dụng, tái chế (làm phân compost…); tự xử lý tại hộ gia đình thành phân hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; tăng cường xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp đốt tại lò đốt. Hiện nay, khối lượng rác thải được xử lý bằng lò đốt, chôn lấp hợp vệ sinh, ủ phân hữu cơ khoảng 40,15 tấn/ngày; khối lượng rác thải chôn lấp trực tiếp khoảng 18,65 tấn/ngày, so với số lượng phát sinh trên địa bàn huyện khoảng 58,8 tấn/ngày, do đó tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt chôn lấp trực tiếp đạt tỷ lệ 31,7%.

So với năm 2011, năm 2022 việc thu gom và xử lý chất thải rắn đã có nhiều chuyển biến tích cực, cảnh quan môi trường đã được cải thiện, đường, ngõ xanh - sạch - đẹp, ý thức người dân được nâng lên.

**Nội dung thứ 2. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn:**

Từ năm 2013 - 2017, triển khai Phương án Nâng cao năng lực, bảo vệ môi trường cho 09 xã[[21]](#footnote-21). Xây dựng và triển khai mô hình thu gom, phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt: Năm 2018 tại xã Mỹ Long Bắc[[22]](#footnote-22); năm 2019 tại các xã Long Sơn, Mỹ Hòa, Nhị Trường, Thạnh Hòa Sơn, Thuận Hòa, Vinh Kim, Trường Thọ[[23]](#footnote-23); năm 2020 tại các xã Long Sơn, Mỹ Long Nam và Hiệp Mỹ Đông[[24]](#footnote-24).

So với năm 2010, qua các năm thực hiện và triển khai mô hình đến nay không chỉ riêng mỗi hộ gia đình được triển khai tập huấn đã tự thu gom, phân loại chất thải rắn tại nguồn mà còn nhân rộng cho các hộ gia đình khác trên địa bàn các xã được triển khai và các xã còn lại. Hiện nay, tổng số hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn là 17.458 hộ/35806 hộ, đạt 48,7%.

**Nội dung thứ 3. Có mô hình tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp quy mô cấp xã trở lên:**

Kinh tế của Cầu Ngang chủ yếu là sản xuất nông nghiệp, trong quá trình trồng trọt, chăn nuôi phát sinh ra chất thải hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp. Từ trước đến nay, chất thải hữu cơ và phụ phẩm nông nghiệp trên địa bàn huyện chủ yếu sử dụng tại nông hộ để làm phân bón lót hoặc thức ăn cho gia súc theo quy trình khép kín. Trung bình một năm, phụ phẩm nông nghiệp còn lại sau thu hoạch khoảng 115.000 tấn (50.000 tấn rơm, 5.000 tấn cây đậu tươi, 60.000 tấn cây bắp), tận dụng trở lại để làm thức ăn cho 130.200 con gia súc (số gia súc tính theo số liệu cuối năm 2021); chất thải từ chăn nuôi bò khoảng 127.000 tấn làm phân bón cho tổng diện tích cây màu là 17.890 ha; chất thải từ chăn nuôi heo được sử dụng làm chất đốt (bioga). Nhìn chung, chất thải, phụ phẩm nông nghiệp được các nông hộ tái sử dụng lại để làm thức ăn, nguyên liệu cho hoạt động sản xuất trong hộ; lượng phụ phẩm dư thừa chủ yếu ở các hộ sản xuất đơn lẻ chỉ chăn nuôi hoặc trồng trọt, tuy nhiên số lượng rất ít. Do đó, hiện các nông hộ không có nhu cầu bán phụ phẩm hoặc chất thải hữu cơ để cung cấp cho hoạt động tái chế.

**Nội dung thứ 4. Có công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp:**

Huyện có 02 công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung đạt quy chuẩn, đáp ứng yêu cầu về BVMT, vận hành công trình xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (Công trình xử lý nước thải Bệnh viện đa khoa khu vực Cầu Ngang và Công trình xử lý nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Woosung Global Vina xã Vinh Kim).

Đồng thời, Huyện đã có xây dựng Kế hoạch quản lý nước thải trên địa bàn huyện và xây dựng công trình hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung áp dụng biện pháp phù hợp, có công suất 200m3/ngày đêm tại thị trấn Cầu Ngang.

**Nội dung thứ 5. Khu công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, trong đó tỷ lệ đất trồng cây xanh trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp tối thiểu là 10% diện tích toàn khu:**

Trên địa bàn huyện Cầu Ngang có 02 Làng nghề: Làng nghề Bánh tét Trà Cuôn, xã Kim Hòa xây dựng Phương án BVMT làng nghề được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 3779/QĐ-UBND ngày 17/12/2019; Làng nghề Khai thác, sơ chế, chế biến thủy hải sản thị trấn Mỹ Long xây dựng Phương án BVMT Làng nghề được UBND huyện phê duyệt tại Quyết định số 1421/QĐ-UBND ngày 08/6/2022. Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Long và xã Kim Hòa có thành lập Tổ tự quản về BVMT làng nghề và ban hành quy chế hoạt động của Tổ tự quản. Đối với các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề có công trình xử lý nước thải tại chỗ không gây ô nhiễm môi trường.

Huyện có cụm công nghiệp Hiệp Mỹ Tây, tổng diện tích 39,72ha, nhà đầu tư thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng để đi vào hoạt động đảm bảo thực hiện đúng các quy định về bảo vệ môi trường, bố trí đất trồng cây xanh tối thiểu chiếm 10% diện tích toàn khu.

**Nội dung thứ 6. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn:**

Ngày nay, nhu cầu hưởng thụ, vui chơi giải trí, thể dục, thể thao của người dân ngày càng nâng lên, các xã, thị trấn tăng cường bố trí các điểm khuôn viên, vườn hoa, sân chơi có trồng cây xanh tại các nhà văn hóa xã, ấp, sân thể thao, các điểm sinh hoạt cộng đồng,... Trên địa bàn toàn huyện, đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là 2,27m2/người (277.500m2/122.238 người).

**Nội dung thứ 7. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định:**

Thực hiện Công văn số 766-CV/TV ngày 03/10/2019 của Tỉnh ủy Trà Vinh “về tăng cường các biện pháp giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt”, Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 22/10/2019 của UBND tỉnh Trà Vinh “về việc triển khai thực hiện các biện pháp giảm thiểu rác thải nhựa trong sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Trà Vinh”. Phê duyệt Kế hoạch thực hiện Mô hình phòng, chống rác thải nhựa, túi ni lon sử dụng một lần trên địa bàn huyện tại Quyết định số 2468/QĐ-UBND ngày 15/10/2019. Triển khai tuyên truyền 01 cuộc, có 130 đại biểu tham dự, đồng thời hỗ trợ người dân 360 giỏ xách và 1.200 túi sinh thái để sử dụng khi đi chợ, góp phần hạn chế sử dụng phẩm nhựa và túi nilon sử dụng 01 lần khó phân hủy. Chi kinh phí sự nghiệp BVMT hỗ trợ[[25]](#footnote-25) thực hiện tốt phong trào nêu trên. Chỉ đạo Hội Liên hiệp Phụ nữ các xã, thị trấn tuyên truyền 201 cuộc, có 5.392 lượt hội viên dự. Năm 2021, triển khai 04 mô hình thu gom xử lý rác thải nhựa cho trường học[[26]](#footnote-26), với tổng kinh phí 78.822.040 đồng.Năm 2022 tiếp tục xây dựng mô hình thu gom xử lý rác thải nhựa bố trí các khu chợ[[27]](#footnote-27). Triển khai 03 mô hình với 120 hộ dân tham gia tại các xã Kim Hòa, Nhị Trường và Hiệp Mỹ Tây thí điểm giảm thiểu và thu gom rác thải nhựa trên địa bàn huyện thuộc Dự án Điều tra hiện trạng phát sinh rác thải nhựa trên địa bàn tỉnh Trà Vinh và đề xuất biện pháp giảm thiểu, tái sử dụng và tái chế phù hợp với điều kiện kinh tế Trà Vinh.

Huyện Cầu Ngang chưa có điểm du lịch hoạt động với quy mô lớn nên không có (hoặc có ít) phát sinh chất thải nhựa từ hoạt động du lịch; rác thải nuôi trồng và khai thác thủy sản được các cơ sở, hộ cá nhân tự phân loại xử lý (chôn lấp, bán phế liệu…). Huyện hiện chưa có đơn vị có chức năng tái chế và xử lý trên địa bàn, chủ yếu bán phế liệu và chuyển đến các cơ sở tái chế tại địa phương khác.

UBND huyện ban hành công văn chỉ đạo triển khai thực hiện cam kết không sử dụng sản phẩm nhựa dùng một lần, các sản phẩm khó phân hủy trong cán bộ, đảng viên tích cực và đi đầu trong việc giảm thiểu chất thải nhựa; hạn chế tối đa việc sử dụng các sản phẩm nhựa dùng một lần[[28]](#footnote-28). Khuyến khích xây dựng và thực hiện các mô hình kiểu mẫu để làm cơ sở nhân rộng cho các cơ quan, đơn vị trong lĩnh vực và địa bàn quản lý, với khoảng 19.000 hộ, khối lượng rác thải nhựa được xử lý khoảng 1.900 tấn, chiếm 53,8% tổng số rác thải nhựa phát sinh.

Năm 2022, xây dựng, thực hiện hiệu quả Kế hoạch tuyên truyền, truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về giảm thiểu, phân loại, thu gom, tái chế, xử lý chất thải nhựa nhằm nâng cao ý thức, thói quen của người dân về giảm thiểu, phân loại chất thải nhựa; đăng tải trên cổng thông tin điện tử để chia sẻ thông tin, kiến thức về chất thải nhựa; nghiên cứu và đưa tiêu chí giảm thiểu, phân loại, thu gom chất thải nhựa trong đánh giá, xếp hạng kết quả hoạt động bảo vệ môi trường của các địa phương, ước nâng tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định đạt 55% vào cuối năm 2022.

**Nội dung thứ 8. Tỷ lệ điểm tập kết, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn huyện có hạ tầng về bảo vệ môi trường theo quy định:**

***\* Kết quả thực hiện:***

Trên địa bàn huyện không bố trí điểm tập kết rác, trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt. Chất thải sinh hoạt từ hộ dân, các chợ được thu gom vào thùng rác, được xe thu gom rác thải trực tiếp đến thu gom hàng ngày vận chuyển về bãi rác tập trung của huyện để xử lý theo quy định.

***c)*** ***Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 7 về Môi trường theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

***3.8.*****Tiêu chí 8 về Chất lượng môi trường sống**

***a) Yêu cầu của tiêu chí:*** có 05 nội dung

Nội dung thứ 1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ≥50%.

Nội dung thứ 2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ≥35%.

Nội dung thứ 3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện.

Nội dựng thứ 4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn.

Nội dung thứ 5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm. 100%.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*+ Thực trạng của tiêu chí trước khi triển khai thực hiện*

Cảnh quan môi trường trên địa bàn huyện tuy đã được cải thiện nhưng vẫn còn nhiều nơi, nhiều điểm vẫn chưa đảm bảo xanh - sạch - đẹp, vẫn còn điểm nóng về môi trường, các tuyến đường chưa được thông thoáng,… Toàn huyện có 49 trạm cấp nước, trong đó có 25 trạm cấp nước sinh hoạt thuộc Chương trình 134 “Cung cấp nước sạch cho hộ nghèo người Khmer”; đa số các trạm có công suất hoạt động thấp, xuống cấp. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung còn rất thấp, chỉ chiếm khoảng 25% số hộ trên địa bàn huyện, do người dân nông thôn quen với hình thức sử dụng nước giếng khoan để sinh hoạt, mặc khác do thu nhập còn thấp nên chưa chú trọng việc chi tiêu để sử dụng nước từ hệ thống cấp nước tập trung. Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm chưa chú trọng nhiều về công tác đảm bảo an toàn thực phẩm.

*+ Kết quả triển khai thực hiện*

**Nội dung thứ 1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung:**

Vào cuối năm 2010, tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung còn rất thấp, chỉ chiếm khoảng 25% số hộ trên địa bàn huyện.

Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Nước sạch và Vệ sinh môi trường nông thôn đến năm 2015; các công trình cấp nước tập trung được nâng cấp công suất hoạt động, đầu tư xây dựng mới, cùng với việc mở rộng các tuyến ống cấp nước (từ năm 2011 đến nay đã mở rộng được trên 50.385m đường ống) đã góp phần nâng tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn huyện. Đến cuối năm 2021, toàn huyện có 24.201 hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung, đạt 67,07% (24.201/36.081 hộ), tăng 16.118 hộ so với cuối năm 2010 (năm 2010 là 8.083 hộ/32.320 hộ). Theo kế hoạch đến cuối năm 2022, toàn huyện có 65% hộ sử dụng nước sạch từ hệ thống cấp nước tập trung, hiện chỉ tiêu này vượt trên 2% so với kế hoạch.

**Nội dung thứ 2. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững:**

Cuối năm 2010, toàn huyện có 49 công trình cấp nước; trong đó có 25 công trình cấp nước thuộc Chương trình 134 “Cung cấp nước sạch cho hộ nghèo người Khmer”[[29]](#footnote-29), 24 công trình do Chương trình Mục tiêu quốc gia nước sạch - VSMT và các dự án khác đầu tư trên địa bàn huyện. Từ năm 2011 đến nay, huyện được đầu tư xây dựng 05 nhà máy nước ở các xã Mỹ Long Bắc, Nhị Trường, Hiệp Mỹ Tây, Mỹ Long Nam và Thạnh Hòa Sơn; đến nay toàn huyện hiện có tổng cộng 12 Trạm cấp nước/Nhà máy nước tập trung (công suất hoạt động từ 10 - 80m3/h) do Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn quản lý, cấp nước trên địa bàn các xã và 01 Trạm cấp nước Cầu Ngang - Mỹ Long thuộc Chi nhánh cấp nước Cầu Ngang - Duyên Hải - Trà Cú (công suất hiện tại……), cấp nước cho 02 thị trấn, xã Mỹ Hòa và một phần của xã Mỹ Long Bắc. Các trạm, nhà máy cấp nước trên địa bàn huyện có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững, đạt 100%.

**Nội dung thứ 3. Có kế hoạch/Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện:**

Thực hiện Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 31/7/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh, huyện Cầu Ngang đã cải tạo 04 tuyến kênh, với tổng chiều dài khoảng 3,95 km[[30]](#footnote-30). Kết quả đến nay đã cải tạo xong, đảm bảo phục vụ sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp.

Tuyên truyền, nâng cao ý thức người dân giữ gìn sạch sẽ nguồn nước và khu vực xung quanh, không đổ rác và xây nhà vệ sinh gần nguồn nước, thu gom rác, phân gia súc để ủ chôn hoặc đốt.

Phân loại và thu gom rác thải vô cơ vào đúng nơi quy định hoặc bán phế liệu để tái chế xử lý; vỏ hộp và chai lọ để hóa chất bảo vệ thực vật phải chôn đúng nơi quy định. Thu gom và xử lý rác hữu cơ bằng cách quét dọn nhà cửa hàng ngày; khi có động vật chết phải chôn sâu bằng vôi bột; không vứt rác thải và xác súc vật xuống ao, suối, hồ gây ô nhiễm nguồn nước.

Hàng năm, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuê đơn vị tư vấn lấy mẫu nước thải sinh hoạt, nước mặt, nước mưa, không khí, tiếng ồn,... lập báo cáo đánh giá tác động môi trường. Nhìn chung, qua kết quả phân tích môi trường nước mặt trên địa bàn huyện Cầu Ngang năm 2021 có chất lượng tương đối tốt, tại các điểm lấy mẫu có giá trị pH, DO,TSS, BOD5, Asen, tổng dầu, mở, Hóa chất BVTV Clo hữu cơ đều có hàm lượng nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 08-MT: 2015/BTNMT:Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt.

Huyện tổ chức triển khai thực hiện Đề án kiểm kê, kiểm soát, bảo vệ chất lượng nước; phục hồi cảnh quan, cải tạo hệ sinh thái ao hồ và các nguồn nước mặt trên địa bàn huyện tại Công văn số 3306/UBND-KTTH ngày 16/8/2022.

**Nội dung thứ 4. Cảnh quan, không gian trên địa bàn toàn huyện đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp, an toàn:**

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 125-KH/HU ngày 20/5/2019 của Huyện ủy Cầu Ngang[[31]](#footnote-31), UBND huyện ban hành và triển khai thực hiện Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 11/01/2017[[32]](#footnote-32), Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 18/7/2019 của UBND huyện[[33]](#footnote-33). Các phòng, ban ngành huyện tổ chức triển khai, quán triệt nghiêm túc các Kế hoạch của Huyện ủy, UBND huyện về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh đến tất cả cán bộ, công chức, người lao động của đơn vị mình.

Tuyên truyền về công tác cải thiện cảnh quan môi trường, chỉnh trang đô thị, an toàn thực phẩm và trật tự an toàn giao thông vào các buổi phát thanh trên trạm truyền thanh của xã, thị trấn và Đài Truyền thanh huyện. Tăng cường thời lượng phát thanh, thông tin rộng rãi để tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư tích cực tham gia hưởng ứng, nhất là các đợt hoạt động cao điểm.

Tuyên truyền vận động người dân chấp hành nghiêm các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường; an toàn thực phẩm; về quản lý trật tự xây dựng, trật tự đô thị, an toàn giao thông; nâng cao chất lượng các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”, “Nếp sống văn minh”, “Chung sức xây dựng nông thôn mới”.

Vận động người dân cắt tỉa cây xanh đảm bảo tuyến đường thông thoáng. Phát quang bụi rậm, làm hàng rào, cột cờ, đèn thắp sáng tạo cảnh quan môi trường Xanh - Sạch - Đẹp. Thường xuyên quét dọn, thu gom rác thải trên vỉa hè trước cơ quan. Đồng thời, bố trí thùng rác trên các tuyến đường chính, khu vực đông dân cư và vận động người dân bỏ rác đúng quy định.

Xây dựng 15 tuyến đường xanh - sạch - đẹp, chiều dài 48,1km; 118 tuyến đường hoa, chiều dài 205km.

Từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường và nguồn kinh phí Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nguồn xã hội hóa, huyện thực hiện hỗ trợ cây hoàng yến, hoa giấy ghép,... cho các xã trên địa bàn với tổng cộng 14.418 cây, thực hiện xây dựng 51.700m tuyến đường xanh - sạch - đẹp[[34]](#footnote-34)

Trên địa bàn huyện có 13 xã và 02 thị trấn, nhìn chung cảnh quan môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp, có hệ thống thoát nước không bị ứ đọng nước vào mùa mưa, trồng cây không gây ảnh hưởng đến an toàn giao thông.

**Nội dung thứ 5. Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm do huyện quản lý tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm:**

Công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm luôn được quan tâm chỉ đạo thực hiện thường xuyên. Hàng năm, Ủy ban nhân dân huyện, Ban chỉ đạo liên ngành an toàn vệ sinh thực phẩm huyện kịp thời quán triệt và xây dựng các kế hoạch để thực hiện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, Tỉnh về an toàn thực phẩm từ đó nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm; công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về an toàn thực phẩm được duy trì thường xuyên và được tổ chức thành các đợt cao điểm hàng năm, nhất là trong các ngày lễ, ngày tết, tháng hành động vì an toàn thực phẩm. Trong thời gian qua, huyện đã phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền giáo dục, phổ biến pháp luật về an toàn thực phẩm có 995 lượt người dự, hàng năm có khoảng 85% các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được thanh tra, kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định về an toàn thực phẩm. Hiện nay, trên địa bàn huyện có 20.807 hộ gia đình, cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm[[35]](#footnote-35) tuân thủ các quy định về đảm bảo ATTP, đạt 100%. Trong đó có 51 hộ, cơ sở kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực y tế được cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm[[36]](#footnote-36) và 20.756 hộ, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm ký cam kết đảm bảo ATTP[[37]](#footnote-37)**.**

***c)*** ***Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 8 về Chất lượng môi trường sống theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

***3.9.* Tiêu chí 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công**

***a) Yêu cầu của tiêu chí***

Nội dung thứ 1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Nội dung thứ 2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên. 100%.

Nội dung thứ 3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Nội dung thứ 4. Đảm bảo an ninh, trật tự.

Nội dung thứ 5. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên.

Nội dung thứ 6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

***b) Kết quả thực hiện tiêu chí***

*+ Thực trạng của tiêu chí trước khi thực hiện*

Trước năm 2011, công tác vận động quần chúng tham gia phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc luôn được quan tâm và đạt được kết quả đáng kể. Tuy nhiên, tình hình trật tự an toàn xã hội và các loại tội phạm từng lúc còn diễn biến phức tạp, như: Cờ bạc, trộm cắp, cướp giật,.. Bên cạnh đó, ý thức tham gia phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc cũng còn hạn chế. Tình hình an ninh chính trị cơ bản được giữ vững, tuy nhiên tình hình an ninh trong dân tộc, tôn giáo, an ninh nông thôn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt là các vụ khiếu kiện kéo dài, vượt cấp; tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội.

*+ Kết quả triển khai thực hiện*

**Nội dung thứ 1. Đảng bộ, chính quyền huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:**

Hệ thống chính trị trên địa bàn huyện từng bước được củng cố, kiện toàn; nội dung, phương thức lãnh đạo của cấp ủy đảng tiếp tục được đổi mới, đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương.

Huyện ủy, Ban Thường vụ Huyện ủy tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) gắn với thực hiện Quy định 47-QĐ/TW (nay là Quy định 37-QĐ/TW) của Ban Chấp hành Trung ương về những điều đảng viên không được làm và các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; quan tâm chỉ đạo việc đánh giá, nhận diện, khắc phục biểu hiện suy thoái theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII)[[38]](#footnote-38), chỉ đạo tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh theo Chỉ thị 05-CT/TW và Kết luận số 01-KL/TW, ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện Kế hoạch, Đề án của Tỉnh ủy, Huyện ủy về sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị gắn với thực hiện việc sắp xếp cán bộ các đơn vị, địa phương sau Đại hội Đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020 - 2025 và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026. Lãnh đạo tiếp tục đổi mới nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên; nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo tinh thần Chỉ thị số 10 của Ban Bí thư và Hướng dẫn số 13 của Ban Tổ chức Tỉnh ủy và đảm bảo an toàn về phòng, chống dịch bệnh Covid-19. Công tác cán bộ được thực hiện chặt chẽ, đúng quy trình, đảm bảo công tâm, khách quan. Thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện các chỉ thị, nghị quyết, quy định của Đảngtheo Chương trình kiểm tra, giám sát hàng năm và kiểm tra tổ chức đảng, đảng viên có dấu hiệu vi phạm.

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng và đảng viên ngày càng được nâng lên, đáp ứng được yêu cầu lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Hàng năm, có trên 90% tổ chức cơ sở Đảng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

Bộ máy chính quyền của huyện ngày càng được củng cố, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, điều hành, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phục vụ Nhân dân, nhất là khu vực nông thôn; thực hiện tốt vai trò quản lý kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh ở địa bàn, trong đó lĩnh vực nông nghiệp, nông dân và nông thôn luôn được các cấp chính quyền đặc biệt quan tâm. Hội đồng Nhân dân được củng cố, kiện toàn về tổ chức, thực hiện đúng, có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ theo quy định của pháp luật; chất lượng các kỳ họp được nâng lên; hoạt động giám sát có tập trung vào những vấn đề bức xúc, quan trọng; thảo luận, quyết định kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từng bước có chất lượng và thực chất hơn. Ủy ban Nhân dân huyện thực hiện tốt chức năng quản lý nhà nước, kịp thời cụ thể hóa các Nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước sát hợp với tình hình của địa phương và tổ chức thực hiện đạt hiệu quả; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý; thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức; sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động có hiệu quả; nâng cao tinh thần trách nhiệm và thái độ phục vụ Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức.

Năm 2021, Huyện ủy Cầu Ngang được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ; năm 2022, xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.

**Nội dung thứ 2. Tổ chức chính trị - xã hội của huyện được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên:**

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hộiđược củng cố và tăng cường, đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, phát huy tốt vai trò trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới, thực hiện tốt các phong trào hành động cách mạng; các hoạt động từ thiện xã hội tiếp tục được duy trì và có nhiều mô hình tốt; thực hiện tốt chức năng giám sát và phản biện xã hội; tích cực tham gia đóng góp ý kiến xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; thực hiện tốt phong trào thi đua *”Dân vận khéo”*, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng, sự điều hành, quản lý của Nhà nước, thúc đẩy phong trào cách mạng của quần chúng Nhân dân. Các tổ chức chính trị - xã hội của huyện thực hiện tốt công tác huy động người dân trong độ tuổi tham gia vào các tổ chức đoàn, hội ngày càng được tăng lên, đạt trên 85% dân số.

Năm 2021, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh huyện được xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

Năm 2022, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn Lao động huyện xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; Hội Nông dân, Hội Liên hiệp Phụ nữ xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ.

**Nội dung thứ 3. Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, không có công chức** **giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự:**

Thực hiện tốt công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh, ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái, *“tự diễn biến”, “ tự chuyển hóa”* trong nội bộ. Công tác kiểm tra, giám sát đối với cấp ủy cơ sở được thực hiện thường xuyên, nghiêm túc, nhất là kiểm tra khắc phục những hạn chế, khuyết điểm đã được kết luận; từ đó, ý thức và hành động của cán bộ, đảng viên về tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, lối sống được nâng lên; từng bước ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, góp phần xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn huyện trong sạch, vững mạnh.

Trong 02 năm liên tục trước năm xét công nhận, huyện không có công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý bị xử lý kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên.

**Nội dung thứ 4. Đảm bảo an ninh, trật tự:**

Hằng năm, Huyện ủy có Nghị quyết và UBND huyện xây dựng kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh, trật tự; chỉ đạo tốt phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Ủy ban Mặt trận tổ quốc, các tổ chức thành viên tích cực phối hợp tham gia đảm bảo an ninh trật tự.

Phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc ngày càng được củng cố và phát triển tốt[[39]](#footnote-39). Qua đó quần chúng nhân dân tham gia các mô hình tự quản về an ninh tổ quốc ở địa phương ngày càng nhiều hơn và có ý thức tốt hơn trong việc phát triển, tố giác và đấu tranh với các loại tội phạm, có nhiều cá nhân tập thể phát hiện, vây bắt tội phạm . Hiện trên địa bàn huyện có 12 loại mô hình với 132 câu lạc bộ, 1.377 tổ tự quản hoạt động có hiệu quả. Huyện hiện có 13/13 xã đã bố trí Công an chính quy về đảm nhiệm các chức danh Công an xã với 87 đồng chí; trong đó Trưởng Công an xã 13 đồng chí; Phó trưởng Công an xã 14 đồng chí; Công an viên 60 đồng chí.

Trật tự, an toàn xã hội luôn được đảm bảo tốt; các loại tội phạm, tệ nạn xã hội và vi phạm pháp luật khác được kiềm chế, liên tục giảm so với các năm liền kề trước, từ 93 vụ năm 2018 giảm xuống còn 24 vụ năm 2021[[40]](#footnote-40). Riêng 8 tháng năm 2022 xảy ra 12 vụ, (tội phạm hình sự 07 vụ, tệ nạn xã hội 05 vụ), trong đó có 03 vụ nghiêm trọng và đặt biệt nghiêm trọng, tuy nhiên được Công an huyện Cầu Ngang phát hiện và báo cáo về trên kịp thời. Tỷ lệ khám phá án đạt trên 95%, đặc biệt án rất nghiêm trọng và đặc biệt nghiêm trọng đạt 100%. Trên địa bàn huyện không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội.

Ủy ban nhân dân huyện đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, giải quyết dứt điểm các đơn thư, khiếu nại tố cáo; trong đó nhiệm vụ cụ thể trong việc xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo cho các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn theo đúng thẩm quyền, chức năng nhiệm vụ được giao. Nhằm nâng cao hiệu quả công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo quyền và lợi ích của người dân, kịp thời nắm giải quyết khiếu nại, tố cáo đảm bảo quyền và lợi ích của dân, kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng, kiến nghị phản ánh của người dân. Hiện trên địa bàn không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật.

**Nội dung thứ 5. Có dịch vụ công trực tuyến đạt mức độ 3:**

Năm 2010 - 2017, Trung tâm Hành chính công huyện chưa triển khai dịch vụ công trực tuyến, các thủ tục hành chính thực hiện mức độ 2, nộp hồ sơ và nhận kết quả trực tiếp tại bộ phận một cửa theo cơ chế một cửa, một cửa liện thông.

Năm 2018, thực hiện Công văn số 332/UBND-CNXD ngày 26/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cung cấp và sử dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3,4; việc cung cấp thông tin, dịch vụ công trực tuyến của các cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ hành chính công trực tuyến trên mạng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước.

Trung tâm Hành chính công huyện đang thực hiện thí điểm phần mềm một cửa điện tử VNPT-iGate vì trong giai đoạn thí điểm nên vẫn còn phát sinh lỗi trong quá trình sử dụng giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tại Trung tâm hành chính công huyện. Đối với dịch vụ công trực tuyến đã tiến hành niêm yết bộ TTHC đạt mức độ 2,3,4 trên trang thông tin điện tử của huyện[[41]](#footnote-41).

Năm 2019, thực hiện Quyết định số 45/2016/QĐ-TTg ngày 19/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích. Trung tâm Hành chính công đã thực hiện việc tiếp nhận và giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích trong lĩnh vực đất đai với 35 thủ tục hành chính được đăng ký. Bước đầu đã tạo được sự tin tưởng và sử dụng dịch vụ của tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp. Trung tâm Hành chính công huyện sử dụng phần mềm một cửa điện tử iGate hoạt động ổn định. Đối với dịch vụ công trực tuyến, hiện tại đã tiến hành niêm yết bộ TTHC đạt mức độ 2,3,4 trên trang thông tin điện tử của huyện[[42]](#footnote-42). Hồ sơ tiếp nhận trên dịch vụ công trực tuyến chưa phát sinh hồ sơ vì đang trong giai đoạn thí điểm.

Năm 2020, đối với dịch vụ công trực tuyến, hiện tại đã tiến hành niêm yết bộ TTHC đạt mức độ 2,3,4 trên trang thông tin điện tử của huyện[[43]](#footnote-43). Trung tâm Hành chính công huyện sử dụng phần mềm một cửa điện tử iGate đang hoạt động ổn định. Số hồ sơ tiếp nhận trên cổng dịch vụ công trực tuyến 448 hồ sơ (gồm 68 hồ sơ lĩnh vực đất đai, 380 hồ sơ bộ phận một cửa). Số hồ sơ đã giải quyết là 141 hồ sơ (trả trước hẹn 73 hồ sơ, đúng hẹn là 68), đang thực hiện 307 hồ sơ (trong thời hạn giải quyết).

Năm 2021, đối với dịch vụ công trực tuyến, bộ thủ tục hành chính được xây dựng hoàn chỉnh theo Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN ISO 9001:2015, các Phòng, Ban ngành trực thuộc UBND huyện đã tiến hành rà soát các thủ tục hành chính và tiến hành công bố tại Quyết định số 8310/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện. Đã tiến hành niêm yết bộ TTHC đạt mức độ 2,3,4 trên trang thông tin điện tử của huyện[[44]](#footnote-44). Tổng số hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 từ đầu năm 2021: 668 hồ sơ ( 438 hồ sơ lĩnh vực tổ chức nội vụ; 08 hồ sơ lĩnh vực văn hóa thông tin; tư pháp - hộ tịch 187 hồ sơ, tài chính - kế hoạch 35).

Năm 2022, Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân huyện, Trung tâm Hành chính công huyện phối hợp với các Phòng, Ban ngành chuyên môn rà soát các thủ tục hành chính và niêm yết công khai tại Trung tâm Hành chính công huyện (cổng dịch vụ công của tỉnh [www.dichvucong.travinh.gov.vn](http://www.dichvucong.travinh.gov.vn)) theo Quyết định công bố số 8310/QĐ-UBND ngày 02/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện gồm 243 thủ tục với 33 lĩnh vực phù hợp Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đáp ứng kịp thời nhu cầu sử dụng của người dân. Đối với dịch vụ công trực tuyến, hiện tại đã tiến hành niêm yết bộ TTHC đạt mức độ 3,4 trên trang thông tin điện tử của huyện[[45]](#footnote-45). Kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ qua Cổng dịch vụ công trực tuyến: Tổng số hồ sơ trực tuyến mức độ 3,4 từ đầu năm 2022: 145 hồ sơ (01 hồ sơ lĩnh lao động TB và XH; đất đai 11; tài chính - kế hoạch 21; nội vụ 110; giáo dục và đào tạo 02).

**Nội dung thứ 6. Huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định:**

Năm 2017, huyện triển khai thực hiện Quyết định số 619/QĐ-TTg ngày 08/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy định về xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Kết quả cuối năm 2021, huyện có 02 thị trấn và 11 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Năm 2022, huyện triển khai thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Huyện đã ban hành các văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và thi hành Hiến pháp và pháp luật đúng thời hạn; tổ chức quán triệt, phổ biến giáo dục pháp luật kịp thời, chính xác, đầy đủ; có kế hoạch tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở để giải quyết kịp thời, hiệu quả các mâu thuẩn, tranh chấp ở cơ sở; minh bạch các nội dung theo quy định pháp luật về dân chủ ở cơ sở. Kết quả, huyện có 02 thị trấn và 13 xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật, huyện đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định.

***c)*** ***Tự đánh giá:*** *Đạt tiêu chí số 9 về Hệ thống chính trị - An ninh trật tự - Hành chính công theo Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 1039/QĐ-UBND ngày 15/6/2022 của UBND tỉnh Trà Vinh.*

**V. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

**1. Những mặt làm được**

Qua 12 năm triển khai thực hiện Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới, Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân huyện Cầu Ngang đã nỗ lực không ngừng, khắc phục khó khăn, quyết tâm tập trung chỉ đạo thực hiện đạt các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực, tăng dần tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ.

Công tác quy hoạch được quan tâm tổ chức thực hiện kịp thời đúng theo quy định. Cơ sở hạ tầng phục vụ cho phát triển kinh tế, xã hội, sản xuất được quan tâm đầu tư như giao thông nông thôn, thủy lợi, điện, trường học, y tế, nhà văn hóa, côn trình cấp nước tập trung,...; đặc biệt là cơ sở hạ tầng phục vụ cho sản xuất nông nghiệp ngày càng được củng cố, nâng cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn cho yêu cầu sản xuất, tạo đà cho kinh tế nông nghiệp, nông thôn phát triển.Diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc. Thương mại, dịch vụ có bước chuyển biến tích cực. Các lĩnh vực dịch vụ: Vận tải, bưu chính, viễn thông, tài chính ngân hàng… tiếp tục phát triển, phục vụ tốt nhu cầu xã hội.

Chỉ đạo phát triển sản xuất nông nghiệp đạt được nhiều thành tựu, thực hiện có hiệu quả Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, hình thành nhiều mô hình sản xuất có hiệu quả được nhân rộng, có nhiều mô hình thực hiện liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm cho thu nhập cao như mô hình sản xuất lúa hữu cơ, lúa chất lượng cao, mô hình nuôi tôm sú, tôm thẻ chân trắng thâm canh, ứng dụng công nghệ cao…

Công tác tổ chức sản xuất được quan tâm phát triển, có nhiều hợp tác xã, nhất là hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao thu nhập và đời sống thành viên.

Môi trường đầu tư, kinh doanh không ngừng được cải thiện, công tác xúc tiến đầu tư, mời gọi doanh nghiệp được thực hiện thường xuyên, mang lại hiệu quả, có nhiều doanh nghiệp đầu tư vào địa bàn, nhiều doanh nghiệp thành lập mới đạt và vượt chỉ tiêu hàng năm, góp phần giải quyết đáng kể việc làm cho lực lượng lao động của huyện.

Công tác đào tạo nghề, tư vấn giới thiệu việc làm, giải quyết việc làm được quan tâm thực hiện tốt, giảm nghèo đạt kết quả vượt bậc; chính sách an sinh xã hội, chính sách với người có công được triển khai thực hiện hiệu quả.

Cảnh quan môi trường nông thôn đổi mới, xanh, sạch, đẹp; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện rõ rệt.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững ổn định; thực hiện tốt công tác sẵn sàng chiến đấu, chủ động nắm chắc tình hình, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch.

Chất lượng hệ thống chính trị, năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức Đảng và chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên không ngừng được nâng lên. Hoạt động của Ban Dân vận, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội có bước đổi mới. Hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước được nâng lên, đảm bảo thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị của địa phương.

**2. Tồn tại, h**ạn chế và nguyên nhân

***2.1. Hạn chế***

Kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và lợi thế của địa phương; trong nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi chưa theo kịp nhu cầu và sự biến động của thị trường; nông nghiệp còn chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ tuy phát triển nhưng quy mô sản xuất nhỏ, sức cạnh tranh thấp.

Chất lượng ấp, khóm, xã, thị trấn văn hóa có nơi chưa toàn diện; đào tạo nghề chưa theo kịp nhu cầu của thị trường lao động; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động chưa cao; đời sống Nhân dân tuy có nâng lên đáng kể nhưng chất lượng cuộc sống của một bộ phận dân cư có mặt còn hạn chế.

Tệ nạn xã hội từng lúc, từng nơi còn diễn ra.

***2.2. Nguyên nhân***

*+ Nguyên nhân khách quan*: Xuất phát điểm về kinh tế - xã hội của huyện ở mức thấp; kết cấu hạ tầng phát triển chưa đồng bộ, chưa đáp ứng nhu cầu phát triển.

*+ Nguyên nhân chủ quan:* Thu nhập của người dân trên địa bàn huyện chủ yếu dựa vào nông nghiệp, tỷ lệ hộ nghèo còn cao. Công tác tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước từng lúc chưa rộng, chưa sâu từ đó nhận thức của một bộ phận người dân đối với xây dựng nông thôn mới còn hạn chế, chưa tích cực chủ động tham gia. Năng lực quản lý, điều hành và tổ chức thực hiện nhiệm vụ của một số ít cán bộ, đảng viên có lúc, có nơi chưa đáp ứng yêu cầu.

**3. Bài học kinh nghiệm**

Qua 12 năm triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới, huyện Cầu Ngang rút ra một số kinh nghiệm sau:

*Một là*, để xây dựng thành công nông thôn mới phải có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, sâu sát của cấp ủy, chính quyền và sự vào cuộc đồng bộ của cả hệ thống chính trị ở các cấp. Cán bộ, đảng viên phải gương mẫu đi đầu, năng động, sáng tạo, tâm huyết, trách nhiệm cao với nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

*Hai là,* phải làm tốt công tác tuyên truyền, vận động để cả hệ thống chính trị và nhân dân nhận thức đúng và đầy đủ về vị trí, tầm quan trọng, yêu cầu và nội dung xây dựng nông thôn mới. tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị và nhân dân. Phải làm cho người dân xác định chính họ là chủ thể trong xây dựng nông thôn mới thì Chương trình mới thật sự thành công.

*Ba là,* trong chỉ đạo xây dựng nông thôn mới, phải bám sát định hướng xây dựng nông thôn mới của tỉnh; triển khai thực hiện đồng bộ các tiêu chí, có lộ trình phù hợp với đặc điểm, điều kiện của từng xã, ấp; thường xuyên kiểm tra, đôn đốc; tăng cường kiểm tra, giám sát, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện; kịp thời biểu dương, khen thưởng những cá nhân, tổ chức tích cực tham gia đóng góp xây dựng nông thôn mới.

*Bốn là,* tranh thủ nguồn lực đầu tư của Trung ương, của tỉnh; lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, dự án và tranh thủ sự ủng hộ, giúp đỡ của các cấp, các ngành, các tổ chức và cá nhân để đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng nông thôn mới, ưu tiên đầu tư các công trình phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân; việc huy động và sử dụng các nguồn lực trong xây dựng nông thôn mới phải đảm bảo thật sự dân chủ, công khai, minh bạch, tạo điều kiện để người dân phát huy vai trò trách nhiệm, tham gia bàn bạc, quyết định và có sự giám sát của cộng đồng dân cư.

**VI. KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÁC TIÊU CHÍ NÔNG THÔN MỚI**

**1. Quan điểm**

Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là chủ trương lớn để phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống vật chất tinh thần của người dân nông thôn, là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong giai đoạn hiện nay. Quan điểm xây dựng nông thôn mới là hướng đến thực hiện việc thu hẹp khoảng cách giữa thành thị và nông thôn, phát triển lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội, cải thiện điều kiện sinh hoạt ở nông thôn.

**2. Mục tiêu**

***2.1. Mục tiêu chung***

Nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân nông thôn, xây dựng hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn đồng bộ và hiện đại, gắn với quá trình đô thị hóa; Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin và xây dựng nông thôn mới thông minh; tiếp tục thực hiện hiệu quả cơ cấu lại ngành nông nghiệp, phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nông nghiệp sinh thái, kinh tế tuần hoàn, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững; đảm bảo môi trường, cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn; đời sống nông thôn giàu bản sắc văn hóa truyền thống; đưa nông thôn trở thành nơi đáng sống.

***2.2. Mục tiêu cụ thể***

Phấn đấu đến năm 2025 đạt các chỉ tiêu: Có 08 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao; 03 xã chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu, huyện đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

Thực hiện đạt các chỉ tiêu cơ bản (*theo tỷ lệ phần trăm*): Hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn đạt trên 99%; trên 80% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1, trên 10% trường học các cấp đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2; nhà ở kiên cố, bán kiên cố theo tiêu chuẩn quy định từ 90% trở lên; nghèo đa chiều dưới 3%; người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 95% trở lên; hộ sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung đạt 65% trở lên; thu gom rác thải tập trung đạt trên 90%. Thu nhập bình quân đầu người đạt 76 triệu đồng/người/năm.

**3. Nội dung nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới**

***3.1. Nâng cao chất lượng tiêu chí xã nông thôn mới***

Quy hoạch: Tiếp tục nghiên cứu rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện các quy hoạch để đảm bảo tính phù hợp phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện thực tế địa phương; làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền để nhân dân được biết, thực hiện chuyển đổi cơ cấu nông nghiệp, xây dựng đúng theo quy hoạch, tăng cường quản lý quy hoạch đã được phê duyệt.

Giao thông: Hàng năm tranh thủ các nguồn lực đầu tư từ Trung ương, tỉnh, huyện và huy động sự đóng góp trong Nhân dân, các mạnh thường quân để tiếp tục triển khai thực hiện tốt kế hoạch cải tạo, duy tu thường xuyên các tuyến đường; xây dựng mới, mở rộng các tuyến đường huyện, xã, đường trục ấp, ngõ xóm, đường trục chính nội đồng để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội địa phương, phấn đấu 85% đường trục ấp, đường ngõ xóm và đường trục chính nội đồng được cứng hóa đạt chuẩn; bổ sung quy hoạch mạng lưới giao thông nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng nông thôn mới trong quá trình đô thị hóa. Tuyên truyền, vận động người dân nâng cao ý thức, chấp hành nghiêm Luật Giao thông, lắp biển báo đúng quy định, không vi phạm hành lang an toàn giao thông; duy trì và nhân rộng các tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; các tuyến đường hoa trên địa bàn các xã.

Thủy lợi: Tiếp tục rà soát đầu tư, cải tạo, nâng cấp hoàn thiện hệ thống công trình thủy lợi để đảm bảo cho sản xuất, phòng, chống thiên tai, đáp ứng được yêu cầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; hàng năm tranh thủ nguồn vốn đầu tư nạo vét các tuyến kênh, mương phục vụ tốt cho sản xuất nông nghiệp và nuôi thủy sản.

Trường học: Đầu tư xây dựng, nâng cấp các phòng học, phòng chức năng đảm bảo giữ vững các trường đã đạt chuẩn quốc gia về cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học. Xây dựng kế hoạch cụ thể để đầu tư xây dựng các trường còn lại đạt chuẩn quốc gia. Tiếp tục trang bị, bổ sung các thiết bị dạy học; duy tu, bảo dưỡng cơ sở vật chất nhằm đáp ứng tiêu chuẩn cơ sở vật chất trường học theo định hướng phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo gắn với việc thực hiện chương trình giáo dục phổ thông năm 2018; tăng cường công tác xây dựng cảnh quan môi trường trong trường học đạt “xanh - sạch - đẹp - an toàn”.

Nhà ở: Tiếp tục triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở, chính sách an sinh xã hội và các nguồn hỗ trợ của mạnh thường quân để tiếp tục đầu tư hỗ trợ nhà ở cho gia đình chính sách, hộ nghèo, hộ cận nghèo khó khăn về nhà ở, đảm bảo cho người dân có nhà ở ổn định, đạt chuẩn. Tuyên truyền, vận động người dân có điều kiện thực hiện cải tạo, chỉnh trang nhà ở nhằm nâng tỷ lệ nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng*.*

Văn hóa: Tiếp tục đẩy mạnh Phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa” gắn với xây dựng nông thôn mới trên địa bàn toàn huyện; thường xuyên rà soát, điều chỉnh hương ước, quy ước của các ấp cho phù hợp với yêu cầu phát triển và quản lý xã hội. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa; bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Văn hóa - Thể thao, các thiết chế văn hóa từ huyện đến cơ sở thông qua các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao với các địa phương trong huyện. Hàng năm, bố trí một nguồn kinh phí hợp lý để đầu tư các trang thiết bị cho các nhà văn hóa đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của nhân dân.

Du lịch: Quan tâm phát triển du lịch cộng đồng, sinh thái, du lịch tâm linh, gắn với tham quan các sản phẩm làng nghề, sản phẩm OCOP đặc trưng của huyện.

Y tế: Thực hiện lộ trình bảo hiểm y tế toàn dân đảm bảo tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 95%. Duy trì và nâng cao các tiêu chí trong xây dựng chuẩn Quốc gia về y tế xã, trong đó chú ý đầu tư thêm trang thiết bị cho trạm y tế xã, duy trì 100% trạm y tế các xã có bác sĩ, có nữ hộ sinh đảm bảo đủ điều kiện khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe Nhân dân.

Kinh tế và tổ chức sản xuất: Thực hiện kế hoạch tái cơ cấu nông nghiệp và kế hoạch phát triển ngành chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp giai đoạn 2021 -2025.

Triển khai tốt các chủ trương chính sách hỗ trợ, đầu tư trong nông nghiệp, nông thôn, như chính sách quản lý, sử dụng đất trồng lúa, chính sách phát triển nông nghiệp hữu cơ, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại ngành nông nghiệp, hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức đầu tư sản xuất lĩnh vực nông nghiệp, phát triển các chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ nông sản với các mặt hàng chủ lực.

Tiếp tục thực hiện đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp của huyện theo hướng nâng cao giá trị, tập trung triển khai các mô hình ứng dụng công nghệ cao, trồng rau trong nhà lưới, duy trì và nhân rộng các mô hình cánh đồng lớn, mô hình sản xuất lúa hữu cơ thân thiện với môi trường thích ứng biến đổi khí hậu theo hướng nông nghiệp sạch liên kết theo chuỗi giá trị gắn với sản xuất tiêu thụ sản phẩm để nâng cao giá trị trên đơn vị diện tích; cải tạo vườn dừa, cây ăn trái gắn với thực hiện nâng cấp chuỗi giá trị.

Thực hiện kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ đất trồng lúa kém hiệu quả sang trồng cây hàng năm và cây lâu năm giai đoạn từ năm 2021 -2025; phát triển hợp tác xã ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất và tiêu thụ nông sản qua đó củng cố xây dựng liên kết vững chắc giữa hợp tác xã, thành viên hợp tác xã, doanh nghiệp và định hướng xây dựng được vùng nguyên liệu để hình thành mỗi hợp tác xã có một sản phẩm mang nhãn hiệu có tính cạnh tranh, nâng cao thu nhập cho thành viên.

Tiếp tục triển khai Đề án “phát triển mỗi xã, phường, thị trấn một sản phẩm”. Trong đó tập trung xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực của từng địa phương (lúa, đậu phộng, heo, bò, tôm sú, tôm thẻ,…), đồng thời xây dựng được vùng sản xuất hàng hóa có chỉ dẫn địa lý, truy xuất nguồn gốc để hướng đến xây dựng quy trình sản xuất đạt quy chuẩn quy định, xây dựng được nhãn hiệu, thương hiệu cho các sản phẩm nông nghiệp nhất là các sản phẩm chủ lực của huyện và các loại nông sản khác khi đủ điều kiện.

Phát triển sản xuất theo hướng tập trung đối với các loại cây trồng, vật nuôi chủ lực của huyện để mang lại giá trị kinh tế cao, trong đó chú trọng phát triển đàn bò. Thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi để nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi.

Môi trường và an toàn thực phẩm: Thường xuyên cải tạo, nâng cấp các bãi rác, tiếp tục thực hiện tốt Đề án thu gom xử lý rác thải trên địa bàn huyện. Tiếp tục hướng dẫn, nhân rộng mô hình phân loại, xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ gia đình, trường học đảm bảo vê sinh môi trường. Tổ chức đoàn thể huyện, xã thực hiện có hiệu quả các mô hình, kế hoạch vệ sinh môi trường, không có hoạt động gây suy giảm môi trường, vệ sinh nơi công cộng góp phần tạo môi trường sáng - xanh - sạch - đẹp. Đẩy mạnh công tác tập huấn, tuyên truyền, giáo dục, kiểm tra đảm bảo an toàn thực phẩm. Qua đó, đã góp phần nâng cao nhận thức và ý thức người dân, hộ gia đình và chủ cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm trong việc tuân thủ các quy định của Nhà nước về đảm bảo an toàn thực phẩm.

Hệ thống chính trị, an ninh trật tự: Tiếp tục thực hiện các giải pháp nhằm chuẩn hóa đội ngũ cán bộ, công chức nhất là công chức cấp xã gắn với sắp xếp lại bộ máy tổ chức và tinh giản biên chế theo chủ trương của Đảng.

Làm tốt công tác tiếp công dân, xử lý và giải quyết dứt điểm các vụ việc, không để khiếu kiện đông người, vượt cấp.

Chỉ đạo thực hiện đồng bộ các biện pháp công tác nghiệp vụ, chủ động nắm chắc tình hình, đề ra các chủ trương, giải pháp phòng ngừa, đấu tranh, ngăn chặn có hiệu quả với các loại tội phạm và tệ nạn xã hội.

***3.2. Nâng cao chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới***

Quy hoạch: Phát huy hiệu quả và quản lý tốt quy hoạch vùng huyện, đảm bảo quy hoạch được thực hiện đúng theo định hướng, góp phần cho kinh tế - xã hội của huyện phát. triển đồng bộ, kịp thời điều chỉnh, bổ sung theo xu thế phát triển chung của tỉnh trong thời gian tới.

Giao thông: Tiếp tục triển khai thực hiện Dự án nâng cấp, mở rộng các tuyến đường huyện và các cầu trên các tuyến giao thông, đảm bảo đồng bộ với cấp đường; nâng cấp, mở rộng và xây dựng mới các tuyến giao thông nông thôn gắn với quá trình phát triển đô thị. Tranh thủ các nguồn vốn đầu tư để triển khai thực hiện các công trình giao thông nhằm giữ vững và nâng chất lượng tiêu chí huyện nông thôn mới.

Thủy lợi: Xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí hợp lý để nạo vét hàng năm, củng cố, nâng cấp cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng, nhằm nâng cao năng lực phục vụ sản xuất và phòng, chống thiên tai gắn với xây dựng nông thôn mới.

Y tế: Tiếp tục nâng cấp, mở rộng Trung tâm Y tế huyện đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu khám và chữa bệnh cho nhân dân, đảm bảo giữ vững tiêu chuẩn quốc gia về y tế; củng cố hoạt động các trạm y tế cơ sở, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân.

Văn hóa: Tiếp tục kêu gọi đầu tư xây dựng các loại hình hoạt động văn hóa, các thiết chế văn hóa khác nhằm đáp ứng nhu cầu vui chơi, giải trí và giao lưu văn hóa của Nhân dân.

Trường học: Tiếp tục đầu tư để 4/4 trường THPT đạt chuẩn quốc gia mức độ 1, hướng đến xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2, nâng tỷ lệ toàn huyện có 100% trường THPT đạt chuẩn quốc gia.

Môi trường: Đẩy mạnh rà soát, thu gom và vận chuyển kịp thời lượng rác thải tại các xã, thị trấn về các bãi rác để xử lý. Tăng cường vệ sinh môi trường tại khu vực trung tâm, khu dân cư, các chợ; xử lý môi trường chăn nuôi ở nông thôn; thường xuyên đầu tư nâng cấp các bãi rác, xử lý đúng quy định rác y tế và bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng; về lâu dài huyện chuyển rác về bãi rác tập trung của tỉnh để xử lý chung.

**4. Giải pháp thực hiện**

***4.1. Nhóm giải pháp về công tác tuyên truyền***

Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt các nội dung của Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới trong toàn hệ thống chính trị, các tầng lớp Nhân dân, phát huy vai trò chủ thể của người dân, để mọi người dân hiểu đầy đủ, sâu sắc về quan điểm của Đảng và Nhà nước về vị trí, vai trò, ý nghĩa và tầm quan trọng của nông nghiệp, nông dân, nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nhằm nâng cao được đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân, góp phần đáp ứng yêu cầu sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

***4.2. Nhóm giải pháp về Xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội***

Duy tu, nâng cấp các tuyến đường giao thông trên địa bàn, vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tiếp tục hỗ trợ cùng với ngân sách Nhà nước đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống giao thông trên địa bàn đảm bảo thông suốt, phục vụ tốt nhu cầu vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhân dân, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

Tiếp tục thực hiện tốt công tác thủy lợi, thủy nông nội đồng, quản lý và khai thác tốt các công trình thủy lợi, các cống đầu mối đảm bảo nước phục vụ cho sản xuất và dân sinh.

***4.3. Nhóm giải pháp về Tổ chức lại sản xuất***

Tập trung rà soát, điều chỉnh và thực hiện quy hoạch gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp; quy hoạch vùng sản xuất các loại nông sản chủ lực, hình thành các mặt hàng nông sản có thương hiệu, nhãn hiệu trên thị trường.

Bổ sung các quy hoạch sản xuất nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới đáp ứng yêu cầu sản xuất nông nghiệp hàng hóa lớn và hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn; phát triển nông thôn hài hòa với phát triển đô thị và quá trình đô thị hóa, bảo vệ cảnh quan môi trường; bảo đảm tính liên kết vùng, thống nhất với quy hoạch xây dựng vùng, các quy hoạch chuyên ngành khác, bảo đảm chất lượng, phù hợp với đặc điểm tự nhiên, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng và tập quán sinh hoạt.

Đẩy mạnh phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa, nâng cao giá trị gia tăng; trong đó, chú ý phát triển mở rộng các mô hình kinh tế tiên tiến hiệu quả, kêu gọi các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, phát triển sản xuất bền vững. Tập trung chỉ đạo chuyển dịch hợp lý cơ cấu kinh tế theo hướng giảm dần tỷ trọng nông nghiệp, tăng dần tỷ trong công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ.

Tiếp tục xây dựng, phát triển các tổ hợp tác, hợp tác xã theo mô hình kinh doanh đa ngành, kể cả mở rộng loại hình dịch vụ tín dụng nội bộ, dịch vụ tiêu thụ sản phẩm; sử dụng đất đai theo hướng hiệu quả thông qua chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi. Quan tâm củng cố và phát triển các HTX, tổ hợp tác trong lĩnh vực cây ăn trái, trồng rau màu, lúa hữu cơ, thủy sản. Hướng hoạt động của HTX, Tổ hợp tác tập trung vào sản xuất theo chuỗi giá trị, sản xuất sạch, an toàn và nâng cao giá trị sản phẩm, đảm bảo có tính cạnh tranh trên thị trường.

Đẩy mạnh thực hiện cơ giới hóa phục vụ sản xuất nông nghiệp nhằm tăng năng suất lao động, giảm chi phí sản xuất và tổn thất sau thu hoạch, nâng cao chất lượng cạnh tranh sản phẩm hàng hóa. Ngoài ra, thực hiện hiệu quả đề án tái cơ cấu nông nghiệp theo sản phẩm chủ lực của huyện như: Chuyển diện tích đất lúa kém hiệu quả sang trồng các loại cây màu có giá trị kinh tế cao, nuôi thủy sản,... Để tạo sản phẩm có giá trị kinh tế, góp phần tăng thu nhập, cải thiện đời sống người dân.

Hỗ trợ kinh tế hộ phát triển, liên kết nông dân với nông dân và liên kết nông dân - doanh nghiệp theo chuỗi giá trị, đảm bảo chất lượng, có quy mô lớn, từng bước xây dựng thương hiệu hàng hóa nông sản của huyện.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp về quy hoạch hình thành các vùng sản xuất tập trung theo quy trình, gắn với công nghệ chế biến; đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm; Thực hiện có hiệu quả chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, nhất là trong lĩnh vực dịch vụ cung ứng giống, vật tư, chuyển giao kỹ thuật, thu mua và chế biến nông sản, phát triển thương mại, dịch vụ nông thôn và đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn.

Đẩy mạnh chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ trong sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản; đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu quả của công tác khuyến công trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa sự tham gia của Nhà nước và doanh nghiệp. Tăng cường xúc tiến thương mại để nâng cao giá trị gia tăng và tăng sức cạnh tranh của nông sản trên thị trường.

Tập trung chỉ đạo thực hiện hiệu quả Chương trình OCOP gắn với phát triển du lịch nhằm phát triển các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh để sản xuất các sản phẩm nông nghiệp, dịch vụ có lợi thế cạnh tranh trên thị trường góp phần phát triển kinh tế, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao thu nhập cho người dân. Tập trung hỗ trợ xúc tiến thương mại, tổ chức sản xuất theo quy trình an toàn, sản xuất theo chuỗi sản phẩm sạch và chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ.... Hỗ trợ phát triển HTX, THT, doanh nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, thúc đẩy đầu tư phát triển sản xuất gắn với chế biến, kết nối thị trường tiêu thụ sản phẩm theo chuỗi giá trị. Đồng thời tạo điều kiện cho các HTX, THT, doanh nghiệp, hộ sản xuất tham gia các hội chợ triển lãm trong và ngoài tỉnh. Tổ chức các lớp đào tạo; hỗ trợ xây dựng các điểm, trung tâm bán hàng kết nối nông sản với thị trường.

Phát huy vai trò hợp tác xã nông nghiệp sản xuất theo chuỗi giá trị, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, sơ chế, bảo quản và tiêu thụ nông sản; hỗ trợ các hợp tác xã xây dựng phương án sản xuất kinh doanh có hiệu quả; hỗ trợ thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ giữa hợp tác xã nông nghiệp với các doanh nghiệp có năng lực tiêu thụ nông sản; tạo điều kiện cho các hợp tác xã tham gia hoạt động xúc tiến thương mại, tìm kiếm mở rộng thị trường tiêu thụ nông sản; đề xuất hỗ trợ đặc thù cho hoạt động xúc tiến thương mại.

Đổi mới và nâng cao chất lượng đào tạo nghề cho lao động nông thôn, triển khai thực hiện tốt Đề án chuyển đổi ngành nghề cho lao động thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn huyện. Đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và kế hoạch tái cơ cấu kinh tế của huyện.

Nêu cao trách nhiệm của chính quyền, đoàn thể ở các địa phương về giải quyết việc làm cho lao động nông thôn, tăng cường tuyên truyền để thu hút lao động nông thôn chuyển đổi ngành nghề đến làm việc tại các khu, cụm công nghiệp.

***4.4. Nhóm giải pháp về Văn hoá, Xã hội và Môi trường***

Duy trì giữ vững và nâng cao kết quả phổ cập giáo dục xóa mù chữ hàng năm. Quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị trường học nhằm đáp ứng yêu cầu, tiêu chuẩn theo quy định trong thời gian tới.

Nâng cao chất lượng khám, điều trị bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân, nhất là ở các trạm y tế xã. Giữ vững Trung tâm Y tế huyện đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất, trang thiết bị và giữ vững các xã đạt Bộ tiêu chí quốc gia về y tế. Thực hiện tốt công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng ở trẻ dưới 05 tuổi, thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh an toàn thực phẩm và vệ sinh môi trường.

Thực hiện tốt phong trào *“Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa”* gắn với xây dựng nông thôn mới, duy trì các xã đạt chuẩn xã văn hóa nông thôn mới.

Tập trung nguồn lực để đầu tư, nâng chất Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện, nhà văn hóa, khu thể thao xã, ấp, đảm bảo có nhiều hoạt động văn hóa - thể thao kết nối với các xã. Nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch bằng cách đào tạo phát triển nguồn nhân lực du lịch đáp ứng yêu cầu phát triển của thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế.

Duy trì và nâng chất lượng tiêu chí môi trường, xây dựng huyện Cầu Ngang “sáng - xanh - sạch - đẹp”. Trang bị đầy đủ phương tiện thu gom, xử lý rác thải, chất thải phù hợp và thực hiện đồng bộ các biện pháp về phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các nguồn gây ô nhiễm môi trường. Nhân rộng mô hình xử lý rác thải sinh hoạt tại hộ bằng phương pháp ủ sinh học để sử dụng làm phân bón cho cây trồng. Tăng cường thực hiện các biện pháp giảm thiểu phát sinh chất thải và thúc đẩy phân loại tại nguồn; khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã và người dân áp dụng các biện pháp sản xuất sạch, thân thiện với môi trường.

***4.5. Nhóm giải pháp về Hệ thống chính trị***

Xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh: Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền trong công tác xây dựng nông thôn mới, phát huy tốt vai trò của Mặt trận, đoàn thể trong công tác vận động, tuyên truyền nhân dân tham gia thực hiện nâng chất các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

Nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về xây dựng nông thôn mới, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban chỉ đạo các cấp; củng cố kiện toàn Văn phòng nông thôn mới cấp huyện; nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ chuyên trách nông thôn mới cấp xã theo quy định của Trung ương và của Tỉnh.

Giữ vững ổn định chính trị và trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn: Củng cố và nâng cao chất lượng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, huy động sức mạnh toàn dân trong công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm. Đảm bảo địa bàn các xã giữ vững ổn định an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội, không để xảy ra tụ tập, khiếu kiện đông người; giảm tội phạm, tệ nạn xã hội, tai nạn giao thông; xây dựng lực lượng công an, quân sự chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, xây dựng 100% xã vững mạnh về quốc phòng, xã an toàn về an ninh, trật tự.

Tăng cường công tác kiểm tra việc duy trì các chế độ trực, lực lượng trực ở các đơn vị cơ sở. Kết hợp chặt chẽ giữa công tác xây dựng lực lượng quân báo trinh sát với việc tổ chức lực lượng dân quân nhằm nắm chắc tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn các xã, kịp thời tham mưu cho cấp ủy, chính quyền trong việc xử lý các tình huống phức tạp nảy sinh, không để xảy ra bị động, bất ngờ.

Duy trì và nâng chất kết quả xây dựng huyện nông thôn mới Cầu Ngang gắn với quá trình phát triển đô thị phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn; phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của huyện, đảm bảo trong mối quan hệ chặt chẽ với phát triển của tỉnh Trà Vinh trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội; kết hợp chặt chẽ giữa phát triển nông thôn mới, phát triển đô thị với bảo đảm quốc phòng, an ninh, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới đến năm 2022của huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - TT.BCĐ CTMTQG XDNTM TW;  - Văn phòng Điều phối NTM TW;  - Ban Chỉ đạo Tỉnh;  - Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;  - TT. HU, HĐND, UBND Huyện;  - Thành viên BCĐ huyện;  - Lưu: VT (NTM). | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |

**Phụ lục 1**

**VĂN BẢN CỦA TRUNG ƯƠNG**

(Đính kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày

của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh)

**CHỦ TRƯƠNG**

Nghị quyết số 26-NQ/TW, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương (khóa X) về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Kết luận số 97-KL/TW của Bộ Chính trị ngày 15/5/2014 về một số chủ trương, giải pháp tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 Khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Nghị quyết số 24/2008/NQ-CP của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW;

Chỉ thị số 18/CT-TTg ngày 15/7/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới;

Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020; Quyết định số 398/QĐ-CP ngày 11/3/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 100/2015/QH13;

Nghị Quyết số 350/NQ-UBTVQH14 ngày 6/3/2017 của Ban Thường vụ Quốc hội về việc hỗ trợ bổ sung vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương cho một số xã vùng ĐBSCL, thực hiện Chương trình NTM giai đoạn 2016 - 2020.

**VĂN BẢN CHỈ ĐẠO**

Quyết định số 491/QĐ-TTg ngày 16/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

Quyết định số 342/QĐ-TTg ngày 20/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi một số tiêu chí của Bộ tiêu chí quốc gia nông thôn mới;

Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010 - 2020;

Quyết định số 558/QĐ-TTg ngày 05/4/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 1584/QĐ-TTg ngày 10/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1920/QĐ-TTg ngày 05/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy và biên chế của Văn phòng điều phối nông thôn mới các cấp;

Quyết định số 41/2016/QĐ-TTg ngày 10/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Quyết định số 1980/QĐ-TTg ngày 17/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 2540/QĐ-TTg ngày 30/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, xét công nhận và công bố địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; địa phương hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 69/QĐ-BNN-VPĐP ngày 09/01/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Thông tư số 05/2017/TT-BNNPTNT ngày 01/3/2017 về hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 12/2017/QĐ-TTg ngày 22/4/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy định, nguyên tắc, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016 - 2020;

Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính về việc quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 1760/QĐ-TTg ngày 10/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 1600/QĐ-TTg;

Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành Sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 - 2020;

Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc tiếp tục thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới trong năm 2021;

Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 320/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố trực thuộc cấp tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 587/QĐ-TTg ngày 18/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới” giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, xét công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới; đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM giai đoạn 2021 - 2025;

Các văn bản khác của các Cơ quan, các Bộ, ngành Trung ương có liên quan đến công tác chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**Phụ lục 2**

**VĂN BẢN CỦA TỈNH TRÀ VINH**

*(Đính kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2022*

*của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh)*

Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 04/10/2011 của Tỉnh ủy về việc xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 04/5/2016 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 744/QĐ-UBND ngày 10/5/2017 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành tiêu chí huyện nông thôn mới và quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới trỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 2061/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 13/3/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 687/QĐ-UBND ngày 28/4/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Ban hành tiêu chuẩn “Ấp văn hóa; Ấp nông thôn mới”; “Gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Quyết định số 1959/QĐ-UBND ngày 01/01/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành tiêu chuẩn “Ấp văn hóa; Ấp nông thôn mới”; “Gia đình văn hóa, nông thôn mới” trên địa bàn tỉnh Trà Vinh;

Công văn số 293/UBND-NN ngày 25/01/2021 của UBND tỉnh Trà Vinh về việc triển khai thực hiện Công văn số 394/BNN-VPĐP ngày 19/01/2021 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 20/7/2021 của Tỉnh ủy Trà Vinh về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn nông thôn mới trước năm 2025;

Quyết định số 1039/QĐ-TTg ngày 15/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới; quy định thị xã, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới và Bộ tiêu chí huyện nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Quyết định số 1306/QĐ-TTg ngày 13/7/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2021 - 2025;

Ngoài các văn bản nêu trên, tỉnh Trà Vinh cũng đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ để triển khai thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới.

**Phụ lục 3**

**VĂN BẢN CỦA HUYỆN CẦU NGANG**

*(Đính kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày / /2022*

*của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh)*

Chương trình hành động số 19-CTr/HU ngày 4/11/2008 của Huyện ủy thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khoá X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Nghị quyết số 08-NQ/HU ngày 28/02/2012 của Huyện ủy Cầu Ngang về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2011 - 2015 và định hướng đến năm 2020;

Quyết định số 1216/QĐ-UBND ngày 04/04/2011 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang về việc thành lập BCĐ CT MTQG XD NTM giai đoạn 2011 – 2020;

Quy chế số 01/QC-BCĐ ngày 15/4/2011 của Ban chỉ đạo CT MTQG XD NTM giai đoạn 2011 - 2020 Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới;

Quyết định số 490-QĐ/HU ngày 05/03/2012 của Huyện ủy Cầu Ngang về thành lập Ban chỉ đạo thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng mô hình nông thôn mới huyện Cầu Ngang;

Quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 27/03/2012 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang về việc ban hành Kế hoạch tổ chức thực hiện Phong trào thi đua “Cầu Ngang cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”;

Quyết định số 789-QĐ/HU ngày 03/09/2013 của Huyện ủy Cầu Ngang về giám sát việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng xã nông thôn mới;

Quyết định số 2570/QĐ-UBND ngày 04/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang về việc thành lập Văn phòng điều phối nông thôn mới huyện Cầu Ngang

Quyết định số 2140/QĐ-UBND ngày 14/4/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và biên chế Văn phòng Điều phối nông thôn mới huyện Cầu Ngang;

Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 13/01/2017 của Ủy ban nhân dân huyện Cầu Ngang về tổ chức thực hiện phong trào thi đua "Cầu Ngang cùng cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới" giai đoạn 2016 - 2020;

Quyết định số 441-QĐ/HU ngày 24/5/2017 của Huyện ủy Cầu Ngang về thành lập Ban chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia và Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa huyện Cầu Ngang giai đoạn 2017 - 2020;

Thông báo số 168/TB-BCĐ ngày 24/5/2017 của Ban chỉ đạo CT MTQG XD NTM giai đoạn 2011 - 2020 về phân công nhiệm vụ, địa bàn phụ trách của các thành viên Ban chỉ đạo;

Công văn số 604/UBND-NC ngày 12/6/2017 của UBND huyện Cầu Ngang về việc thực hiện Kế hoạch số 19 của UBND tỉnh về thực hiện CT MTQG XD NTM tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016 - 2020;

Nghị quyết số 03-NQ/HU ngày 22/01/2021 của Huyện ủy Cầu Ngang về lãnh đạo, chỉ đạo huyện Cầu Ngang đạt chuẩn huyện nông thôn mới vào năm 2022;

Kế hoạch số 63/KH-UBND ngày 5/5/2021 của UBND huyện Cầu Ngang về thực hiện đạt chuẩn huyện nông thôn mới năm 2022;

Ngoài ra, Huyện ủy, UBND huyện, Ban chỉ đạo huyện còn ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện.

1. gồm các xã Nhị Trường, Trường Thọ và một phần các xã Kim Hòa, Hiệp Hòa, Thuận Hòa, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn, Hiệp Mỹ Tây. [↑](#footnote-ref-1)
2. gồm một phần các xã Vinh Kim, Kim Hòa, Hiệp Hòa, Mỹ Hòa, TT Cầu Ngang, Thuận Hòa, Long Sơn, Thạnh Hòa Sơn, Hiệp Mỹ Đông, Hiệp Mỹ Tây, Mỹ Long Nam. [↑](#footnote-ref-2)
3. gồm các xã: Mỹ Long Bắc, TT. Mỹ Long và một phần các xã Vinh Kim, Mỹ Hòa, Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Nam. [↑](#footnote-ref-3)
4. gồm một phần các xã Vinh Kim, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam. [↑](#footnote-ref-4)
5. Hiện huyện có có 10 sản phẩm OCOP được cấp chứng nhận gồm: Bánh tét Trà Cuôn 03 nhân của Hộ kinh doanh Lâm Thị Quyên; Bánh tét Trà Cuôn thập cẩm của Hộ kinh doanh Nguyễn Trung Thảo (bánh tét Năm Nhan); Khô cá Đù nguyên con một nắng của Công ty TNHH MTV Hồng Liên TV thị trấn Mỹ Long; Bánh tét ba màu, bánh tét ngót của cơ sở bánh tét Hai Lý xã Kim Hòa; Bánh tét ba màu, bánh tét thập cẩm của cơ sở bánh tét Ba Loan xã Kim Hòa; Bánh tráng sữa nước cốt dừa của cơ sở sản xuất bánh tráng sữa nước cốt dừa Tám Hiền xã Vinh Kim; Khô cá lưỡi trâu, Khô cá khoai của Công ty TNHH MTV Hồng Liên TV thị trấn Mỹ Long. [↑](#footnote-ref-5)
6. Trong đó có 25 HTX Nông nghiệp và 01 HTX Giao thông vận tải. [↑](#footnote-ref-6)
7. Giảm 166 tổ với 3.912 thành viên so với cuối năm 2021. Trong đó: Số THT thành lập mới theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP: 22 tổ với tổng số 366 thành viên; Số THT thực hiện chuyển đổi hoạt động từ Nghị định 151/2007/NĐ-CP trước đây sang hoạt động theo Nghị định số 77/2019/NĐ-CP hiện hành: 125 tổ với tổng số 2.234 thành viên; Số THT chưa thực hiện chuyển đổi sang Nghị định số 77/2019/NĐ-CP: 12 tổ với tổng số 171 thành viên. [↑](#footnote-ref-7)
8. Gồm: 16 trường mầm non; 22 trường tiểu học; 14 Trung học cơ sở (trong đó có 01 trường Phổ thông Dân tộc nội trú trung học cơ sở); 02 trường liên cấp Tiểu học và THCS; 04 trường Trung học phổ thông. [↑](#footnote-ref-8)
9. Toàn huyện hiện có 16 cơ sở khám chữa bệnh (gồm Bệnh viện ĐKKV Cầu Ngang và 15 trạm y tế xã, thị trấn) với 330 giường bệnh và 01 Trung tâm Y tế huyện. [↑](#footnote-ref-9)
10. Toàn huyện hiện có: 01 di tích lịch sử Quốc gia (chùa Dơi - Mỹ Long Bắc), 06 di tích cấp tỉnh (Chùa Bà Sở - Hiệp Mỹ Tây, chùa Căn Nom - Trường Thọ, Đình Minh Thuận - thị trấn Cầu Ngang, chùa Lạc Hòa - Thạnh Hòa Sơn, di tích Đồng Khởi Mỹ Long - thị trấn Mỹ Long, Đình thần Long Hậu Thượng - xã Mỹ Long Bắc) và 01 di sản văn hóa phi vật thể cấp quốc gia (Lễ hội Cúng Biển Mỹ Long). [↑](#footnote-ref-10)
11. Qua đó xây dựng mới, sửa chữa 711 căn nhà đại đoàn kết, trợ giúp học sinh nghèo hiếu học cho 39.471 lượt học sinh, thăm hỏi tặng quà vui xuân, cứu tế cứu trợ về gạo, nhu yếu phẩm cho 85.600 lượt hộ nghèo, khám chữa bệnh miễn phí cho trên 100 ngàn lượt bệnh nhân nghèo, 47 giếng nước sạch. [↑](#footnote-ref-11)
12. Kết quả đã xây dựng mới 01 tuyến đường đal, 08 cầu giao thông nông thôn, sửa chữa 45 km đường nông thôn, phát hoang bụi rậm, làm sạch các tuyến đường tổng cộng 42.000 m, trồng mới 18.000 cây phân tán, làm mới 358 cột cờ, xây dựng 7 km tuyến đường thắp sáng đường quê, nạo vét 12 km kênh mương, xây mới 87 căn nhà nhân ái, nhà tình bạn... với tổng kinh phí 4,65 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-12)
13. gồm: 14 trường Mẫu giáo, 28 trường Tiểu học, 14 trường Trung học cơ sở (trong đó có 01 trường Phổ thông Dân tộc nội trú), 03 trường THPT. [↑](#footnote-ref-13)
14. Sau khi thực hiện việc sáp nhập các ấp trên địa bàn xã, hiện nay huyện còn lại 90 ấp/13 xã. [↑](#footnote-ref-14)
15. 07 chợ ở các xã, thị trấn: Hiệp Mỹ Tây, Hiệp Mỹ Đông, Mỹ Long Bắc, Mỹ Long Nam, Hiệp Hòa, chợ Tân Lập xã Long Sơn, thị trấn Cầu Ngang. [↑](#footnote-ref-15)
16. Gồm: chính sách hỗ trợ nâng cao hiệu quả chăn nuôi nông hộ theo Quyết định số 50/2014/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ giống cây trồng để chuyển đổi từ đất trồng lúa sang trồng màu theo Quyết định 580/QĐ-TTg; chính sách hỗ trợ về xây dựng và phát triển tổ hợp tác sản xuất trên biển tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2015 - 2017 theo Quyết định số 24/2015/QĐ-UBND; Nghị quyết số 15/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh; Nghị định số 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ, đầu tư cho xây dựng, nâng cấp các công trình thủy lợi, giao thông nông thôn nội đồng phục vụ cho sản xuất lúa và hỗ trợ giống để khôi phục sản xuất do thiên tai xâm nhập mặn gây ra; chính sách hỗ trợ sản xuất cho vùng lúa chất lượng cao và hỗ trợ cho công tác dập dịch và phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm... [↑](#footnote-ref-16)
17. Cây bắp giống năng suất trung bình 8 tấn/ha, lợi nhuận từ 25 - 30 triệu đồng/ha; dưa hấu năng suất trung bình từ 20 - 30 tấn/ha, lợi nhuận từ 30 - 50 triệu đồng/ha; riêng đối với diện tích đậu phộng, năng suất đạt khá cao, trung bình từ 8,5 - 9,5 tấn đậu tươi/ha, bình quân mỗi ha đậu phộng thu hoạch có lãi từ 30 - 50 triệu đồng. [↑](#footnote-ref-17)
18. Các chùa: Di tích lịch sử cách mạng chùa Giác Linh (Chùa Dơi) tại xã Mỹ Long Bắc; Di tích lịch sử cách mạng chùa Phước Mỹ (Chùa Bà Sở) tại xã Hiệp Mỹ Tây; Chùa Can Snom (Căn Nom) tại xã Trường Thọ; Chùa Vel Lac (Lạc Hòa) tại xã Thạnh Hòa Sơn; Di tích lịch sử Đình Thần Long Hậu Thượng, tại xã Mỹ Long Bắc. [↑](#footnote-ref-18)
19. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khu vực đô thị: 10.288 \* 0,82kg = 8.436kg= 8,4 tấn.

    Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh khu vực nông thôn: 111.950 \* 0,45kg = 50.377 kg= 50,4 tấn. [↑](#footnote-ref-19)
20. Chợ Vinh Kim, chợ Mỹ Long Bắc, ấp Mỹ Thập, khu vui chơi của thị trấn Mỹ Long, chợ Mỹ Long Nam, chợ Hiệp Mỹ Đông, chợ Thạnh Hòa Sơn, chợ Long Sơn và chợ Hiệp Hòa. [↑](#footnote-ref-20)
21. Hiệp Mỹ Đông, Kim Hòa, Mỹ Long Bắc, thị trấn Mỹ Long, Hiệp Hòa, Hiệp Mỹ Tây, Trường Thọ, Long Sơn và Nhị Trường. Nội dung: tập huấn về tác hại rác thải ảnh hưởng đến môi trường và sức khỏe, kiến thức về phân loại rác tại nguồn cho 800 hộ. Trong đó: cấp phát cho 700 hộ, mỗi hộ gia đình tham dự tập huấn sẽ được hỗ trợ 02 thùng chứa rác sinh hoạt loại 15 lít, riêng 100 hộ xã Mỹ Long Bắc hỗ trợ 100 nắp hố di động . [↑](#footnote-ref-21)
22. Mỗi hộ gia đình tham dự tập huấn sẽ được hỗ trợ 01 thùng ủ rác với dung tích 220 lít để chứa rác hữu cơ và 01 sọt rác để chứa rác vô cơ. [↑](#footnote-ref-22)
23. 680 hộ gia đình, mỗi hộ gia đình tham dự tập huấn sẽ được hỗ trợ 01 thùng ủ rác loại 160 lít được thiết kế đúng chuẩn yêu cầu phân hủy rác và 01 sọt rác. [↑](#footnote-ref-23)
24. 250 hộ gia đình, mỗi hộ gia đình tham dự tập huấn sẽ được hỗ trợ 01 thùng ủ rác với dung tích 160 lít để chứa rác hữu cơ và 01 sọt rác để chứa rác vô cơ. [↑](#footnote-ref-24)
25. 360 giỏ xách nhựa cho 360 hội viên Hội LHPN (14 xã, thị trấn mỗi đơn vị 01 Tổ với 20 hội viên, thị trấn Cầu Ngang 04 Tổ 80 hội viên) với số tiền 14.400.000 đồng; hỗ trợ 1.200 túi sinh thái (mỗi xã, thị trấn 50 túi, các Phòng, ban, ngành huyện 215 túi) với số tiền 14.400.000 đồng. [↑](#footnote-ref-25)
26. TH Vinh Kim A, TH-THCS Thuận Hòa điểm tiểu học, TH Nhị Trường B và TH Thạnh Hòa Sơn A. [↑](#footnote-ref-26)
27. Chợ Vinh Kim, Chợ Mỹ Long Bắc, Chợ Mỹ Thập, Chợ Mỹ Long Nam, Chợ Hiệp Mỹ Đông, Chợ Thạnh Hòa Sơn, Chợ Long Sơn. [↑](#footnote-ref-27)
28. Bao gồm túi ni lon khó phân hủy, bao gói nhựa thực phẩm, chai lọ nhựa, ống hút, hộp xốp đựng thực phẩm, cốc và bộ đồ ăn...; không sử dụng băng rôn, khẩu hiệu, chai, cốc, ống hút, bát, đũa nhựa... dùng một lần tại cơ quan và trong các hội nghị, hội thảo, cuộc họp và ngày lễ, ngày kỷ niệm và các sự kiện khác; ưu tiên lựa chọn các sản phẩm tái chế, thân thiện với môi trường. [↑](#footnote-ref-28)
29. Các công trình cấp nước thuộc Chương trình 134 sau khi được xây dựng và đưa vào sử dụng đã được bàn giao cho cộng đồng địa phương tự quản lý nhưng nhìn chung các trạm còn đang hoạt động đều trong tình trạng xuống cấp khá nghiêm trọng hoặc đã ngưng hoạt động do nguyên nhân chủ yếu là phí sử dụng nước không đủ chi phí quản lý, vận hành, duy tu bảo dưỡng. Sau thời gian giao cho cộng đồng quản lý không hiệu quả, Trung tâm Nước sinh hoạt và Vệ sinh môi trường nông thôn tiếp nhận quản lý, duy tu, bảo dưỡng đối với những công trình còn đang hoạt động để tiếp tục cung cấp nước cho người dân, đối với các công trình ngưng hoạt động, TT nước sinh hoạt sẽ cho thanh lý trạm và đấu nối trực tiếp vào các trạm do Trung tâm quản lý để tiếp tục phục vụ cho người dân. [↑](#footnote-ref-29)
30. Kênh thủy lợi thị trấn Cầu Ngang, chiều dài 550m, Kênh Nhà Thờ xã Vinh Kim, chiều dài 400m, Kênh Giồng xã Vinh Kim, chiều dài 2.000m, Kênh cấp 2,3 ấp Lạc Hòa, xã Thạnh Hòa Sơn, chiều dài 1.000m. [↑](#footnote-ref-30)
31. thực hiện Chỉ thị số 48/CT-TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-31)
32. về hành động cải thiện cảnh quan, môi trường, chỉnh trang đô thị. [↑](#footnote-ref-32)
33. thực hiện Kế hoạch số 125-KH/HU ngày 20/5/2019 của Ban Thường vụ Huyện ủy thực hiện Chỉ thị số 48-CT/TU ngày 05/4/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự chỉ đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ môi trường trong đô thị, khu dân cư trên địa bàn tỉnh. [↑](#footnote-ref-33)
34. Năm 2018, từnguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hỗ trợ 5.196 cây hoàng yến, xây dựng 7.800m tuyến đường xanh - sạch - đẹp. Năm 2019, từnguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hỗ trợ 3.200 cây hoàng yến cho BCH Đoàn huyện thực hiện các tuyến đường xanh - sạch - đẹp với chiều dài 19.000m trong chiến dịch thanh niên tình nguyện hè; sử dụng nguồn kinh phí CTMTQG XD NTM hỗ trợ 5.516 cây hoàng yến, thực hiện các tuyến đường xanh - sạch - đẹp chiều dài 24.900mcho các xã xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện. Năm 2022, từ nguồn kinh phí sự nghiệp môi trường hỗ trợ 506 cây hoa giấy ghép 3 - 5 màu cho xã Kim Hòa. [↑](#footnote-ref-34)
35. Gồm 406 hộ, cơ sở kinh doanh thuộc lĩnh vực y tế; 417 hộ, cơ sở kinh doanh lĩnh vực công thương và 19.984 hộ, cơ sở sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp. [↑](#footnote-ref-35)
36. Được cấp chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (51 hộ, cơ sở kinh doanh thực phẩm lĩnh vực y tế). [↑](#footnote-ref-36)
37. Ký cam kết đảm bảo ATTP (355 hộ, cơ sở kinh doanh thực phẩm lĩnh vực y tế; 417 hộ, cơ sở kinh doanh lĩnh vực công thương và 19.984 hộ, cơ sở sản xuất thuộc lĩnh vực nông nghiệp). [↑](#footnote-ref-37)
38. Đến nay, những biểu hiện suy thoái qua đánh giá, nhận diện năm 2021 đã khắc phục xong và không phát sinh biểu hiện mới. [↑](#footnote-ref-38)
39. Năm 2021 tổ chức tuyên truyền 549 cuộc có 24.239 người tham dự; cấp phát 360 tài liệu tuyên truyền về tình hình ANTT, 3.374 tờ rơi, tờ bướm, thư ngỏ tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm. Viết, đăng 41 tin bài tuyên truyền về PCTP trên trang zalo của công an huyện, 07 bài cộng tác với phòng PX03; 5 tháng đầu năm 2022 tuyên truyền 384 cuộc có 13.458 lượt người tham dự; cấp phát 264 tài liệu tuyên truyền về tình hình an ninh trật tự, 878 tờ rơi, tờ bướm, thư ngỏ tuyên truyền về phương thức, thủ đoạn của các loại tội phạm. Viết, đăng 32 tin bài tuyên truyền về phòng, chống tội phạm trên trang zalo của công an huyện, 09 bài cộng tác với phòng PX03. [↑](#footnote-ref-39)
40. Năm 2018 xảy ra 93 vụ (tội phạm hình sự 22 vụ; tệ nạn xã hội 71 vụ); năm 2019 xảy ra 38 vụ (tội phạm hình sự 18 vụ; tệ nạn xã hội 20 vụ); năm 2020 xảy ra 34 vụ (tội phạm hình sư 17 vụ; tệ nạn xã hội 17 vụ); năm 2021 xảy ra 24 vụ (tội phạm hình sự 22 vụ; tệ nạn xã hội 02 vụ). [↑](#footnote-ref-40)
41. Tổng số TTHC là 185 thủ tục, trong đó: Mức độ 2: 75 TTHC đạt 40,54%; Mức độ 3: 41 TTHC đạt 22,16%; Mức độ 4: 69 TTHC đạt 37,30%. [↑](#footnote-ref-41)
42. Tổng số TTHC là 185 thủ tục, trong đó: Mức độ 2: 75 TTHC đạt 40,54%; Mức độ 3: 41 TTHC đạt 22.16%; Mức độ 4: 69 TTHC đạt 37,30%. [↑](#footnote-ref-42)
43. Tổng số TTHC là 151 thủ tục (cấp huyện), trong đó: Mức độ 2: 36 TTHC đạt 40,54%; Mức độ 3: 39 TTHC đạt 22,16%; Mức độ 4: 79 TTHC đạt 37,30%. [↑](#footnote-ref-43)
44. Tổng số TTHC là 243 thủ tục, trong đó: Mức độ 2: 34 TTHC đạt 14,00%; Mức độ 3: 113 TTHC đạt 46,50%; Mức độ 4: 96 TTHC đạt 39,50%. [↑](#footnote-ref-44)
45. Tổng số TTHC là 243 thủ tục, trong đó: Mức độ 2: 34 TTHC đạt 14,00%; Mức độ 3: 113 TTHC đạt 46,50%; Mức độ 4: 96 TTHC đạt 39,50%. [↑](#footnote-ref-45)